**QUYỂN 1**

Ngày soạn: 26 /8/2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / 9 /2024. Lớp 9B dạy ngày / 9 /2024

Lớp 9C dạy ngày / 9 /2024. Lớp 9D dạy ngày / 9 /2024

**CHỦ ĐỀ A: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG**

Tuần 1

**Tiết 1: BÀI 1. BỘ XỬ LÝ THÔNG TIN Ở QUANH TA**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

• Nhận biết được các thiết bị có gắn bộ xử lý thông tin có mặt ở khắp nơi (trong gia đình, trường học, cửa hàng, bệnh viện, công sở, nhà máy...), trong mọi lĩnh vực (y tế, ngân hàng, hàng không, toán học, sinh học...), nêu được ví dụ minh hoạ.

***2. Năng lực:***

*a) Năng lực chung:*

• Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

• Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

*b) Năng lực riêng:*

- Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

- Phát triển năng lực nhận biết và hình thành nhu cầu tìm kiếm thông tin từ nguồn dữ liệu số khi giải quyết công việc.

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

***3. Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy tính, kế hoạch bài dạy.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi, dụng cụ học tập.

- Kiến thức đã học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động mở đầu** ( 5 phút)

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b) Nội dung:**  Điện thoại thông minh có nhận biết được mức độ ánh sáng của môi trường không? Nó có phải xử lí thông tin về mức độ ánh sáng của môi trường không?

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

**d) Tổ chức thực hiện**:

\* *GV giao nhiệm vụ học tập:*

- HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi.

Khi chụp ảnh bằng điện thoại thông minh, nếu chụp ở nơi thiếu ánh sáng, điện thoại sẽ tự động nháy đèn flash để đủ ánh sáng cho thời điểm chụp. Theo em, điện thoại thông minh có nhận biết được mức độ ánh sáng của môi trường không? Nó có phải xử lí thông tin về mức độ ánh sáng của môi trường không?

*\* HS thực hiện nhiệm vụ*

- Suy nghĩ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.

\* *Báo cáo, thảo luận:*

-GV yêu cầu HS trả lời tại chỗ.

- HS khác quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.

*\* Kết luận, nhận định:*

-Giáo viên nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành, thái độ học tập của HS. Từ đó hướng dẫn học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức** (25 phút)

**Hoạt động 2.1: Thiết bị có bộ xử lí thông tin hiện diện ở khắp nơi** (15 phút)

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được sự có mặt của các thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin.

**b) Nội dung:**

- Nêu được một số thiết bị có bộ xử lí thông tin.

- Tìm hiểu các thiết bị có bộ xử lí thông tin.

**c) Sản phẩm:**

Phiếu học tập số 1.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của Gv và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| *\* GV giao nhiệm vụ học tập*  -Hoạt động **nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1 (Thời gian 5 phút)**  - Sau thời 5 phút các em thực hiện trao đổi phiếu học tập để kiểm tra kết quả.  \* HS thực hiện nhiệm vụ  - HS tiến hành làm việc theo nhóm, thực hiện các nhiệm vụ đã được giao: lập kế hoạch làm việc, thỏa thuận về quy tắc làm việc, tiến hành giải quyết nhiệm vụ, chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp, xác định nội dung và cách trình bày kết quả.  - Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi hoạt động của các nhóm, gợi ý và hướng dẫn cho HS, giải đáp các thắc mắc và dạy các kĩ năng thực hiện nhiệm vụ khi cần thiết.  *\* Báo cáo, thảo luận*  - Hết thời gian hoạt động nhóm. Đại diện 1 nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  *\* Kết luận, nhận định*  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động luyện tập thực hành các bài tập của các nhóm.  - Nêu những lỗi mà các em thường hay mắc phải  - Đưa ra hướng khắc phục  - Giải đáp những thắc mắc của học sinh  - Tuyên dương và ghi điểm những học sinh thực hành tốt, phê bình những em lười thực hành, mất trật tự trong giờ thực hành. | **1. Thiết bị có bộ xử lí thông tin hiện diện ở khắp nơi.**  **Phiếu học tập số 1.**   |  |  | | --- | --- | | **Tên thiết bị** | **Chức năng** | | Máy tính bỏ túi | Tính toán cơ bản | | Quạt điện điều khiển từ xa | Điều khiển hoạt động của quạt như : bật/tắt, chọn tốc độ, hẹn giờ,… | | Tivi | Điều khiển thông tin từ xa như : bật/tắt, chuyển kênh, tăng giảm âm lượng,.. | | Máy giặt | Người dùng có thể đặt các chế độ giặt như : chọn mức nước, vắt, xả,... | | Máy chụp cắt lớp vi tính | Thực hiện các phép xử lí ảnh. | |

**Hoạt động 2.2: Một số thiết bị thông minh**(10 phút)

**a) Mục tiêu:** Nêu được một số thiết bị thông minh có bộ xử lí thông tin.

**b) Nội dung:** Kể tên một số thiết bị thông minh có bộ xử lí thông tin.

c**) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của Gv và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| \* *GV giao nhiệm vụ học tập*  Thảo luận **nhóm cặp đôi trong thời gian 3 phút** và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi:  *- Em hãy kể tên một số thiết bị thông minh mà em biết?*  *- So sánh thiết bị thông minh có đặc điểm gì khác so với các thiết bị thông thường?*  \* *HS thực hiện nhiệm vụ*  - Thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.  \* *Báo cáo, thảo luận*  - Đại diện 1 nhóm trình bày bài làm của nhóm mình.   * Đại diện một nhóm khác nhận xét, bổ sung.   \* *Kết luận, nhận định*  - Giáo viên đánh giá, nhận xét, kết luận.  \* Chú ý: Thiết bị thông minh cung cấp thông tin đầu vào cho bộ xử lí là những thiết bị điện tử có khả năng cảm nhận trạng thái môi trường, gọi tắt là cảm biến. | **2. Một số thiết bị thông minh.**  - Điện thoại thông minh, đồng hồ thông minh, tivi thông minh…   * Thiết bị thông minh cung cấp thông tin đầu vào cho bộ xử lí là những thiết bị điện tử có khả năng cảm nhận trạng thái môi trường, gọi tắt là cảm biến. |

**3. Hoạt động Luyện tập** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** Khắc sâu kiến thức đã học

**b) Nội dung:** Vận dụng kiến thức đã học để tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm**: Các kiến thức cần ghi nhớ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của Gv và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **\*** *Chuyển giao nhiệm vụ 1*  - Em hãy **tóm tắt nội dung bài học bằng “SƠ ĐỒ TƯ DUY”**  \* *HS thực hiện nhiệm vụ*  - Hs hoạt động cặp đôi trong thời gian 3 phút và hoàn thành sơ đồ tư duy.  *\* Báo cáo, thảo luận*  - Đại diện cặp đôi lên trình bày. Cặp đôi khác nhận xét và bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định*  - Giáo viên đánh giá, nhận xét, kết luận.  **\****Chuyển giao nhiệm vụ 2:* ***Trò chơi “Hộp quà may mắn”***  *Câu 1: Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin trong thương mại?*  A. Máy điều hòa không khí.  B. Máy tính bỏ túi.  C. Máy chiếu trong lớp học.  D. Máy tính tiền POS.  ***Câu 2:****Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin trong y tế?*  A. Ti vi.  B. Máy chụp cắt lớp vi tính.  C. Máy bán hàng tự động.  D. Máy giặt.  *Câu 3: Ô tô lái tự động là thiết bị có gắn bộ xử lí được sử dụng trong lĩnh vực nào?*  A. Khoa học.  B. Giao thông.  C. Nông nghiệp.  D. Công nghiệp.  ***Câu 4:****Thiết bị nào sau đây****không****có cảm biến?*  A. Thiết bị báo cháy.  B. Máy đo độ ẩm.  C. Khoá cửa sử dụng chìa khoá để đóng, mở.  D. Máy giặt thông minh.  \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - GV phân công lớp trưởng tổ chức trò chơi “Mở hộp quà xinh” để củng cố kiến thức cho HS thông qua các câu hỏi luyện tập trắc nghiệm.  Lớp trưởng phổ biến luật chơi cho các bạn: HS chọn hộp quà có màu em yêu thích. Để nhận được phần thưởng trong hộp quà em cần trả lời đúng câu hỏi trên hộp quà đó. Nếu trả lời sai sẽ nhường cơ hội nhận quà cho bạn khác.  \* *Thực hiện nhiệm vụ*  - HS lắng nghe, quan sát, đọc câu câu hỏi.  \* *Báo cáo, thảo luận:*  - HS trả lời câu hỏi.  \* *Kết luận, nhận định*  Giáo viên nhận xét mức độ hiểu bài qua phần trò chơi. | Đáp án:  1- D  2- B  3- B  4- C |

**4. Hoạt động Vận dụng** (5 phút)

**a.Mục tiêu:**  HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

**b.Nội dung**: HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trong phần vận dụng SGK tr.7.

**d)** **Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của Gv và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**   GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và thực hiện bài tập sau: *Theo em, máy đo huyết áp điện tử tự động có phải là thiết bị có bộ xử lí thông tin hay không? Vì sao?*  \* **HS thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm và vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.  **\*Báo cáo, thảo luận**   * Đại diện học sinh trả lời.   **\* Kết luận, nhận định**   * GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.   \*Hướng dẫn tự học ở nhà:  - Ôn lại kiến thức đã học.  - Vẽ lại sơ đồ tư duy của bài học theo trí nhớ, gửi cho giáo viên bộ môn qua zalo hoặc gmail  - Đọc và tìm hiểu trước ***Bài 2:****Khả năng và ứng dụng thực tế của máy tính.* | - Máy đo huyết áp điện tử tự động là thiết bị có bộ xử lí vì: Là loại máy đo mức dao động huyết áp bằng mạch cảm ứng điện tử và có nhiều tính năng thông báo thông minh, tiện lợi cho người dùng. Máy tự động thực hiện tất cả các thao tác bơm hơi, xả khí, đo và hiển thị các chỉ số huyết áp, nhịp tim trên màn hình điện tử. |

**PHIẾU HỌC TẬP 1:**

***NHÓM: ……***

Em hãy kể tên các thiết bị có bộ xử lí thông tin. Nêu chức năng của bộ xử lí đó?

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên thiết bị** | **Chức năng** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Ký duyệt: 4 / 9 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 29 / 8 /2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / 9 /2024. Lớp 9B dạy ngày /9 /2024

Lớp 9C dạy ngày / 9 /2024. Lớp 9D dạy ngày / 9 /2024

Tuần 2

**Tiết 2: BÀI 2: KHẢ NĂNG VÀ ỨNG DỤNG THỰC TẾ CỦA MÁY TÍNH**

**I**. **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** HS sẽ tìm hiểu:

- Khả năng của máy tính và một số ứng dụng thực tế của nó trong khoa học kĩ thuật và đời sống.

- Tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội thông qua các ví dụ cụ thể

**2. Năng lực. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của GV.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

Năng lực riêng:

- Nêu được khả năng của máy tính và chỉ ra được một số ứng dụng thực tế của nó trong khoa học kĩ thuật và đời sống.

- Giải thích được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội thông qua các ví dụ cụ thể.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng tình yêu, niềm đam mê tin học.

- Rèn luyện đức tính chăm chỉ, sáng tạo.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, SGV, SBT Tin học 9, máy tính, máy chiếu.

**2. Học sinh:** Sách giáo khoa Tin 9, vở ghi.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** ( 5 phút)

**a. Mục tiêu:**Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học. HS nêu những hiểu biết của mình về việc mua bán hàng hóa thông qua Internet.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS cho câu hỏi mở đầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

 GV đặt câu hỏi: Ngày nay chúng ta có thể mua bán hàng hóa thông qua Internet. Hãy nêu tên một số sàn thương mại điện tử mà em biết.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe và suy nghĩ tên một số sàn thương mại điện tử, HS trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1 HS trả lời câu hỏi: Gợi ý đáp án: Ngày nay chúng ta có thể mua bán hàng hóa thông qua Internet như mua bán trên Shopee, Lazada, Tiki, TikTok, ...

- GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Mua bán qua mạng có rất nhiều ưu điểm so với hình thức truyền thống: tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho người mua; người mua có thể đặt mua gần như mọi loại hàng hóa; người bán không mất thời gian thuê cửa hàng. Sở dĩ có được những ưu điểm trên là nhờ những khả năng cơ bản của máy tính mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay và ứng dụng thực tế của nó trong khoa học và đời sống. Chúng ta cùng vào ***Bài 2: Khả năng và ứng dụng thực tế của máy tính.***

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

**Hoạt động 1:** Tìm hiểu về ứng dụng của máy tính trong giáo dục và đào tạo

**a.Mục tiêu:** HS chỉ ra một số ứng dụng thực tế của máy tính và giải thích được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục.

**b.Nội dung**: GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về ứng dụng thực tế của máy tính trong giáo dục.

**c.Sản phẩm học tập:** HS nêu được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục được thể hiện qua ứng dụng thực tế của máy tính trong giáo dục.

**d.Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, nghiên cứu SGK và trả lời nội dung Hoạt động (sgk/trang 8). Hãy mô tả những ứng dụng của máy tính trong việc giảng dạy và học tập mà em biết.  - GV yêu cầu HS nêu thêm ví dụ về ứng dụng thực tế của máy tính trong giáo dục và đào tạo.  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về ứng dụng của máy tính trong giáo dục và đào tạo.  **Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi: \*Trả lời Hoạt động (sgk/trang 8).  - Ứng dụng của máy tính trong việc giảng dạy và học tập:  + Đào tạo trực tuyến E-learning;  + Phần mềm trình chiếu, phần mềm mô phỏng thí nghiệm;  +… \*Ví dụ về ứng dụng của máy tính trong giáo dục và đào tạo:  - Việc giảng dạy qua mạng trong thời gian xảy ra đại dịch COVID – 19 dưới hình thức đào tạo trực tuyến (E-learning).  - Những thí nghiệm Hóa học nguy hiểm, những thí nghiệm Vật lí hay Sinh học yêu cầu dụng cụ kích thước lớn hoặc mẫu vật khó kiếm đều phải nhờ tới phần mềm thí nghiệm ảo mới thực hiện được cho HS.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chốt kiến thức về nội dung Ứng dụng của máy tính trong giáo dục và đào tạo  - GV chuyển sang nội dung mới: hoạt động Ứng dụng của máy tính trong khoa học kĩ thuật và các lĩnh vực của đời sống xã hội. | ***1. Tìm hiểu về ứng dụng của máy tính trong giáo dục và đào tạo***  - Những tác động lớn và tích cực của công nghệ thông tin đối với giáo dục và đào tạo gồm:  + Mở rộng phạm vi tiếp cận học tập; cung cấp các công cụ giáo dục tiên tiến;  + Tăng cường tính tương tác và linh hoạt trong học tập. |

**Hoạt động 2:**Tìm hiểu về ứng dụng của máy tính trong khoa học kĩ thuật và các lĩnh vực của đời sống xã hội

1. **Mục tiêu:** HS chỉ ra một số ứng dụng thực tế của máy tính trong khoa học kĩ thuật và đời sống và giải thích được tác động của công nghệ thông tin lên xã hội thông qua các ví dụ cụ thể.
2. **Nội dung:** GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về ứng dụng thực tế của máy tính trong khoa học kĩ thuật và đời sống xã hội.
3. **Sản phẩm học tập:** HS nêu được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục được thể hiện qua ứng dụng thực tế của máy tính trong khoa học kĩ thuật và các lĩnh vực đời sống xã hội.
4. **Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   GV đặt vấn đề: Công nghệ thông tin đang làm thay đổi phương thức làm việc của con người trong nhiều lĩnh vực.  - GV chiếu các hình ảnh và giới thiệu cho HS về ứng dụng của máy tính trong các lĩnh vực:  + Trong khoa học kĩ thuật  + Trong công nghiệp  + Trong lĩnh vực tài chính ngân hàng  + Trong lĩnh vực y tế  + Để giải trí  + Trong lĩnh vực quản lí hành chính  + Trong công việc và giao tiếp hằng ngày  - GV kết luận về ứng dụng của máy tính trong khoa học kĩ thuật và các lĩnh vực đời sống.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV   mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức chốt kiến thức về nội dung Ứng dụng của máy tính trong khoa học kĩ thuật và các lĩnh vực của đời sống xã hội.  - GV chuyển sang hoạt động Luyện tập. | **2. Ứng dụng của máy tính trong khoa học kĩ thuật và các lĩnh vực của đời sống xã hội**  - Tác động tích cực đối với xã hội công nghệ thông tin đã mở rộng hình thức giao tiếp, truyền thông và chia sẻ thông tin, phát triển nhiều dịch vụ, thúc đẩy phát triển kinh tế.   |  | | --- | |  | |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (14 phút)

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức về khả năng và ứng dụng thực tế của máy tính.

**b. Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ; HS trả lời để trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi Luyện tập (sgk/trang 10).

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS cho câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi Luyện tập (sgk/trang 10).

**b. Tổ chức thực hiện:** Nhiệm vụ 1: Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng

***Câu 1. Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lí trong thương mại?***

A.Máy chiếu trong lớp học. B. Máy chụp X-quang.

C. Hệ thống thanh toán trong siêu thị. D. Hệ thống phun tưới vận hành tự động.

***Câu 2. Kính viễn vọng không gian Hubble là ứng dụng của máy tính trong nghiên cứu?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. vật lí. | C. giao thông. |
| B. vũ trụ | D. hoá học. |

***Câu 3. Những thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin như ti vi, máy giặt, lò vi sóng, tủ lạnh, máy rửa bát,…thường được sử dụng ở đâu?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Trong gia đình. | C. Trong bệnh viện. |
| B. Trong công xưởng. | D. Trong trường học. |

***Câu 4. Những thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin như máy đo huyết áp tự động, thiết bị giám sát sức khỏe, thiết bị chẩn đoán hình ảnh,…thường được sử dụng trong lĩnh vực nào?***

A.Trong giáo dục. B.Trong công nghiệp. C.Trong y tế.  D.Trong khoa học kĩ thuật.

***Câu 5. Bằng cách nào công nghệ thông tin có những tác động mạnh mẽ đối với giáo dục?***

A.Giúp cho việc chuyển giao và tiếp cận thông tin trở nên dễ dàng.

B.Động viên, khuyến khích mọi người tham gia vào xã hội học tập.

C.Hỗ trợ tính toán nhanh chóng và chính xác, không cần tính nhẩm.

D.Giúp cho việc đánh giá kết quả học tập trở nên công bằng hơn.

***Câu 6. Thiết bị bay không người lái để gieo hạt giống, phun thuốc trừ sâu,… là thiết bị có gắn bộ xử lí được sử dụng trong lĩnh vực nào?***

A. Giao thông. B. Sinh học.  C. Công nghiệp. D. Nông nghiệp.

***Câu 7. Phương án nào sau đây là ứng dụng của máy tính trong lĩnh vực y tế?***

A. Mô phỏng dòng chảy của chất lỏng. B. Chẩn đoán bệnh.

C. Điều khiển ô tô tự động lái. D. Dự báo thời tiết.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời: Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4 Câu 5 Câu 6 Câu 7 đáp án lần lượt là “C B A C A D B”

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SGK tr.10**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân thực hiện các bài tập sau: Hãy nêu một vài ví dụ về ứng dụng máy tính mà em biết.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày và thực hiện thao tác trước lớp:

\*Trả lời Luyện tập (sgk/trang 10).

- Đào tạo trực tuyến (E-learning) là ứng dụng máy tính trong giáo dục và đào tạo; Phần mềm trợ giúp thiết kế CAD là ứng dụng máy tính trong thiết kế công nghiệp; Dây chuyền sản xuất tự động điều khiển bằng máy tỉnh là ứng dụng trong công nghiệp; Hệ thống thanh toán tài chính là ứng dụng máy tỉnh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; Hệ thống giám sát các thiết bị theo dõi (nhịp tim, nồng độ oxygen, hoạt động hô hấp, huyết áp) là ứng dụng máy tỉnh trong lĩnh vực y tế.

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (6 phút)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học giải quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ; HS hoạt động độc lập vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS trong phần Vận dụng và Câu hỏi tự kiểm tra SGK tr.10.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Mục tiêu:**Vận dụng các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi có nội dung gắn với thực tiễn.

**\* Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập

+ Vận dụng (sgk/trang 10): Sổ sức khỏe điện tử (SSKĐT) là ứng dụng trên nền tảng thiết bị điện tử của Bộ Y tế, giúp người dân dễ dàng quản lí thông tin sức khỏe của bản thân. Em hãy tìm hiểu và cho biết SSKĐT của một cá nhân đem lại thuận lợi gì trong việc khám chữa bệnh cho cá nhân đó.

+ Câu hỏi tự kiểm tra (sgk/trang 10):

Câu 1. Em hãy mô tả một ứng dụng thực tế của máy tính ở mỗi lĩnh vực: giáo dục, khoa học kĩ thuật, tài chính ngân hàng, y tế, hành chính, giải trí trong gia đình.

Câu 2. Hãy nêu một ví dụ cụ thể để minh họa cho những ích lợi mà công nghệ thông tin đem lại cho em trong học tập.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận nhóm và vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

* Ôn lại kiến thức đã học.
* Hoàn thành bài tập phần ***Câu hỏi tự kiểm tra*** (sgk/trang 10).
* Chuẩn bị chủ đề C và đọc chuẩn bị Bài 1. Một số đặc điểm quan trọng của thông tin trong giải quyết vấn đề (sgk/trang 11)

**Ký duyệt: / 9 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 8 /9 /2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày /9 /2024. Lớp 9B dạy ngày / 9 /2024

Lớp 9C dạy ngày / 9 /2024. Lớp 9D dạy ngày / 9 /2024

**CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM**

**VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

Tuần 3

**Tiết 3: BÀI 1. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM QUAN TRỌNG CỦA THÔNG TIN**

**TRONG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Trong bài học này, HS sẽ tìm hiểu:*

Cách đánh giá chất lượng thông tin trong giải quyết vấn đề thông qua các tiêu chí: tính chính xác, tính mới, tính đầy đủ, tính sử dụng được, …

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*Năng lực tự chủ và tự học:* Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của GV.

*Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

Giải thích được tính chính xác, tính mới, tính đầy đủ, tính sử dụng được của thông tin và nêu được ví dụ minh hoạ.

**3. Phẩm chất**

Nâng cao tính trách nhiệm trong việc lựa chọn thông tin để giải quyết vấn đề được đặt ra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK, SGV, SBT Tin học 9.

- Máy tính, máy chiếu.

- Hình ảnh liên quan đến bài học.

**2. Đối với học sinh**

SGK, SBT Tin học 9.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a. Mục tiêu:** HS nhớ lại những trải nghiệm thực tế của mình về sử dụng thông tin trong giải quyết vấn đề. Qua đó, HS nhận thấy vai trò quan trọng của thông tin.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS cho câu hỏi mở đầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi:

*Để giải quyết được một vấn đề, chúng ta cần phải có một số thông tin hữu ích. Em hãy cho một ví dụ cụ thể để minh họa cho điều đó.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1 HS trả lời.

***Gợi ý đáp án:***

*Ví dụ: Khi ta có một bản mô tả các bước làm một loại bánh nhưng nếu trong đó không chỉ rõ tỉ lệ (về khối lượng) của các loại nguyên liệu thành phần, thì ta cũng không thể làm thành công được món bánh mong muốn.*

- Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Thông tin có vai trò quan trọng trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội. Không phải thông tin nào cũng dùng được, cũng đem lại kết quả tốt cho việc giải quyết vấn đề. Vậy thông tin được sử dụng hiệu quả cần có những tính chất gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay –****Bài 1. Một số đặc điểm quan trọng của thông tin trong giải quyết vấn đề.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** (20 phút)

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về tính chính xác của thông tin**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được tính chính xác của thông tin trong giải quyết vấn đề và nêu được ví dụ minh họa.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về tính chính xác của thông tin.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được ví dụ và giải thích được tính chính xác của thông tin.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK, thảo luận theo nhóm đôi và tìm hiểu ví dụ về tính chính xác khi tham gia khóa học trực tuyến.  - GV yêu cầu HS nêu ví dụ về tính chính xác và phân tích ví dụ. GV đặt câu hỏi: *Tính chính xác của thông tin thể hiện ở đâu trong ví dụ đó? Vì sao cần tính chính xác của thông tin (kết quả ra sao nếu dùng thông tin không chính xác)?*  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về tính chính xác của thông tin.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung *Tính chính xác.*  - GV chuyển sang hoạt động *Tính cập nhật (tính mới).* | **1. Tính chính xác**  - Tính chính xác có thể được đánh giá với các mức độ khác nhau (gọi là độ chính xác). Độ chính xác tùy thuộc vào các vấn đề cụ thể. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về tính mới của thông tin**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được tính cập nhật (tính mới) của thông tin trong giải quyết vấn đề và nêu được ví dụ minh họa.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về tính cập nhật của thông tin.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được ví dụ và giải thích được tính cập nhật của thông tin.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, nghiên cứu SGK và trả lời nội dung **Hoạt động (SGK – tr12)**  *Xét vấn đề sau: Để chuẩn bị cho một chuyến du lịch, gia đình em đã đăng kí phòng ở một khách sạn qua một website. Trên website đó có giới thiệu địa chỉ của khách sạn, số lượng và loại phòng còn trống trong các ngày để khách đăng kí. Có một số lời khuyên về đặt phòng khách sạn qua website đó, em nghe theo lời khuyên nào? Vì sao?*    - Sau khi HS trả lời, GV gợi ý để HS giải thích được tính cập nhật của thông tin và đặt câu hỏi: *Mỗi khi khách đăng kí phòng xong, nếu thông tin này không được cập nhật tức thời thì điều gì có thể xảy ra?*  - GV hướng dẫn HS đọc ví dụ trong SGK, phân tích để thấy tính cập nhật của thông tin trong trường hợp này.  - GV yêu cầu HS nêu ví dụ về tính cập nhật và phân tích ví dụ.  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về tính cập nhật của thông tin.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi  ***\*Trả lời Hoạt động (SGK – tr12)***  *Với bối cảnh trong hoạt động, mỗi lời khuyên được phân tích như sau:*  *- Lời khuyên A: “Trước khi đăng kí phòng, hãy kiểm tra số lượng và loại phòng còn trống “. Nên nghe theo lời khuyên này vì không thể đăng kí được phòng nếu không còn phòng trống vào những ngày gia đình muốn đăng kí.*  *- Lời khuyên B: “Nên kiểm tra tính chính xác của địa chỉ khách sạn đã ghi trên website đó “. Nên nghe theo lời khuyên này để đảm bảo có thể đến được khách sạn theo địa chỉ đó.*  *- Lời khuyên C: “Cần biết danh sách tên những người phục vụ trong khách sạn “. Không cần thiết nghe theo lời khuyên này vì gia đình có thể không gặp tất cả những người phục vụ trong khách sạn và các nhân viên khách sạn đều làm việc theo quy định chung.*  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung *Tính cập nhật (tính mới).*  - GV chuyển sang hoạt động *Tính đầy đủ.* | **2. . Tính cập nhật (tính mới)**  - Trong giải quyết vấn đề, có thể cần sử dụng những thông tin phản ánh thực tế. Những thông tin như vậy thường thay đổi theo thời gian, do vậy ta cần cập nhật thường xuyên để có tính thời sự, thể hiện đúng thực tế ở thời điểm gần nhất với hiện tại. |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu về tính đầy đủ của thông tin**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được tính đầy đủ của thông tin trong giải quyết vấn đề và nêu được ví dụ minh họa.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về tính đầy đủ của thông tin.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được ví dụ và giải thích được tính đầy đủ của thông tin.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK, thảo luận theo nhóm đôi và tìm hiểu ví dụ về tính đầy đủ của thông tin khi làm một loại bánh.    - GV yêu cầu HS nêu ví dụ về tính đầy đủ và phân tích ví dụ. GV đặt câu hỏi: *Để giải quyết vấn đề thì cần đầy đủ những thông tin nào?*  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về tính đầy đủ của thông tin.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung *Tính đầy đủ.*  - GV chuyển sang hoạt động *Tính sử dụng được.* | **3. Tính đầy đủ**  - Để giải quyết được vấn đề, chúng ta phải có đủ thông tin để xem xét được một cách toàn diện các khía cạnh liên quan, phải có đủ các sự kiện và số liệu cần thiết. |

**Hoạt động 4: Tìm hiểu về tính sử dụng được của thông tin**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được tính sử dụng được của thông tin trong giải quyết vấn đề và nêu được ví dụ minh họa.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về tính sử dụng được của thông tin.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được ví dụ và giải thích được tính sử dụng được của thông tin.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK, thảo luận theo nhóm đôi và tìm hiểu ví dụ về tính sử dụng được của thông tin.  - GV yêu cầu HS nêu ví dụ về tính sử dụng được và phân tích ví dụ.  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về tính sử dụng được của thông tin.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung *Tính sử dụng được.*  - GV chuyển sang hoạt động Luyện tập. | **4. Tính sử dụng được**  - Không phải thông tin nào liên quan đến vấn đề cũng sử dụng được trong giải quyết vấn đề. Ta cần phải lựa chọn những thông tin hữu ích, dẫn đến giải pháp có thể thực hiệ |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**(15 phút)

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức về tính chính xác, tính mới, tính đầy đủ và tính sử dụng được của thông tin trong giải quyết vấn đề.

**b. Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ; HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi luyện tập

(SGK/13)

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các nhóm

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm thực hiện bài tập sau: Hãy nêu ví dụ về tính chính xác, tính mới, tính đầy đủ và tính sử dụng được của thông tin trong giải quyết vấn đề.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc nhóm, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học giải quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ; HS hoạt động độc lập vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS trong phần Vận dụng và Câu hỏi tự kiểm tra SGK tr.13.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Mục tiêu:**Vận dụng các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi có nội dung gắn với thực tiễn.

**Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập

+ Vận dụng (sgk/trang 13): Để lên kế hoạch một kì nghỉ hè 5 ngày ở biển cho gia đình, em đã sử dụng những thông tin nào? Em hãy chỉ ra tính chính xác, tính mới, tính đầy đủ và tính sử dụng được của những thông tin đó.

+ Câu hỏi tự kiểm tra (sgk/trang 13): Khi tìm kiếm và lựa chọn thông tin giải quyết vấn đề, vì sao em cần quan tâm đến tính chính xác tính mới, tính đầy đủ và tính sử dụng được của những thông tin đó.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận nhóm và vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

* Ôn lại kiến thức đã học.
* Hoàn thành bài tập phần ***Câu hỏi tự kiểm tra*** (sgk/trang 13).
* Chuẩn bị chủ đề C và đọc chuẩn bị Bài 2. Chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin.

**Ký duyệt: 13 /9 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 10 /9 /2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / /2024. Lớp 9B dạy ngày / /2024

Lớp 9C dạy ngày / /2024. Lớp 9D dạy ngày / /2024

Tuần 4

**Tiết 4: BÀI 2. CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN KHI TÌM KIẾM, TIẾP NHẬN VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Trong bài học này, HS sẽ tìm hiểu:* Sự cần thiết phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ và tự học:*Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của GV.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

Giải thích được sự cần thiết phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ.

**3. Phẩm chất**

Nâng cao tính trách nhiệm trong việc lựa chọn thông tin để giải quyết vấn đề được đặt ra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

-SGK, SGV, SBT Tin học 9.

-Máy tính, máy chiếu.

-Hình ảnh liên quan đến bài học.

**2. Đối với học sinh**

SGK, SBT Tin học 9.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a. Mục tiêu:**HS nhận thấy cần phải quan tâm đến chất lượng của thông tin.

**b. Nội dung:**GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS cho câu hỏi mở đầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi:

*Nếu dự định tham gia một lớp học trực tuyến để nâng cao trình độ tiếng Anh, em cần những thông tin nào và trao đổi thông tin với những ai?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1 HS trả lời.

***Gợi ý đáp án:***

*Thông tin về những lớp học tiếng Anh trực tuyến:*

*+ Địa chỉ.*

*+ Mục đích.*

*+ Giờ học.*

*+ Phương thức học.*

*+ Học phí.*

*+ GV dạy.*

*+ Giáo trình.*

*+ ….*

- Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Khi giải quyết vấn đề, ta cần sử dụng thông tin có chất lượng và thông tin thường có được từ tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi. Do vậy, trong tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi, cần chọn lọc để sử dụng thông tin có chất lượng. Bài học ngày hôm nay sẽ giúp ta hiểu sâu sắc hơn các yếu tố làm nên chất lượng của thông tin và sự cần thiết quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi. Chúng ta cùng vào bài học –* ***Bài 2: Chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** (20 phút)

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về chất lượng thông tin**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được vai trò của việc có thông tin có chất lượng tốt.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về chất lượng thông tin.

**c. Sản phẩm học tập:**HS nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN**  **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt vấn đề: *Ở bài học trước ta đã biết bốn đặc điểm quan trọng của thông tin trong giải quyết vấn đề, sự đáp ứng được nhu cầu giải quyết vấn đề phụ thuộc rất nhiều vào bốn đặc điểm đó.*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi: *Thông tin có vai trò gì trong giải quyết vấn đề?*  - GV lưu ý: *Tùy theo những trường hợp cụ thể, có thể một vài yếu tố khác của thông tin được coi trọng (ví dụ: giá cả, sự bảo mật).*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung *Chất lượng thông tin.*  - GV chuyển sang hoạt động *Chất lượng thông tin tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin.* | **1. Chất lượng thông tin**  - Thông tin hữu ích giúp ta tìm ra giải pháp cho vấn đề thường được đánh giá là thông tin có chất lượng tốt. Thông tin có mức độ đáp ứng càng cao đối với nhu cầu của người sử dụng thì càng được đánh giá cao về chất lượng. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về chất lượng thông tin trong tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được vai trò của chất lượng thông tin trong tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về chất lượng thông tin trong tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin.

**c. Sản phẩm học tập:**HS phân tích được về chất lượng thông tin trong một trường hợp cụ thể.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN**  **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, nghiên cứu SGK và trả lời nội dung **Hoạt động (SGK – tr14)**  *Giả sử, em muốn tìm một lớp học trực tuyến để nâng cao trình độ tiếng Anh của mình. Em sẽ quan tâm đến những điều gì để có được thông tin chất lượng cho mục đích đó?*  - Để làm rõ mối quan hệ giữa giải quyết vấn đề với sự tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin, GV đặt câu hỏi: *Làm thế nào để có thông tin trong quá trình giải quyết vấn đề?*  - GV hướng dẫn HS theo dõi hai ví dụ trong SGK và phân tích từng tính chất của thông tin đã góp phần quyết định chất lượng kết quả giải quyết vấn đề (hay kết quả thực hiện một nhiệm vụ nào đó).  - GV yêu cầu HS nêu ví dụ về sử dụng thông tin có chất lượng trong giải quyết vấn đề.  - GV lưu ý:  *+ Dùng thông tin không cập nhật kịp thời sẽ dẫn đến nguy hiểm, thậm chí nguy hiểm tính mạng của nhiều người.*  *+ Với những vấn đề khi giải quyết cần phải dùng những thông tin phản ánh thực tế thì tính cập nhật rất quan trọng vì những thông tin đó thường thay đổi theo thời gian.*  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về chất lượng thông tin trong tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.  ***\*Trả lời Hoạt động (SGK – tr14)***  *- Để có thông tin chất lượng cho mục đích đặt ra (tìm lớp học trực tuyến tiếng Anh) cần quan tâm đến tính chính xác, tính cập nhật, tính đầy đủ và tính sử dụng được của thông tin trong tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi.*  *- Cần tìm thông tin từ nguồn tin đáng tin cậy, được xác minh là chính xác, nguồn tin được cập nhật thường xuyên, thông tin cần đầy đủ để xem xét được các khía cạnh (đối với mục tiêu đặt ra) và phù hợp với điều kiện của người học (người học sử dụng được).*  *- Trong tìm kiếm hay trao đổi thông tin, cần tìm từ những nguồn tin minh bạch, tin cậy, có thể từ những tổ chức, những người có kinh nghiệm trong giảng dạy tiếng Anh.*  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung *Chất lượng thông tin tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin.*  - GV chuyển sang hoạt động Luyện tập. | **2. Chất lượng thông tin trong tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin**  - Việc tìm kiếm, tiếp nhận  và trao đổi thông tin giúp ta hiểu rõ vấn đề, giúp thu nhập những điều cần thiết để hình thành giải pháp, lựa chọn và đánh giá được giải pháp.  - Mỗi khi tìm kiếm, tiếp nhận và thu thập thông tin ta đều quan tâm tìm và sử dụng thông tin có chất lượng, thì ta sẽ thuận lợi hơn trong việc tìm giải pháp cho vấn đề và có thể tìm ra được giải pháp tốt. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (16 phút)

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, học sinh thực hiện được tìm kiếm thông tin 1 cách hiệu quả.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS thực hiện phần luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:**Học sinh thực hiện được nhiệm vụ trong bài tập

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN**  **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn trả lời nội dung **Hoạt động luyện tập (SGK – tr16)**  *Giả sử em được giao nhiệm vụ giới thiệu với lớp về 1 vận động viên Việt Nam mà em yêu thích. Hãy trả lời câu hỏi sau:*  *1)Em sẽ tìm kiếm, thu thập thông tin gì?*  *2)Những điểm nào chứng tỏ thông tin mà em tìm và lựa chọn có chất lượng tốt?*  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về chất lượng thông tin trong tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.  ***\*Trả lời Hoạt động luyện tập (SGK – tr16)***  *-Em sẽ tìm kiếm thu thập thông tin về thông tin cá nhân (Ngày tháng năm sinh, quê quán, gia đình…) những thành tích nổi bật trong thể thao…*  *-Những điểm chứng tỏ thông tin mà em lựa chọn có chất lượng tốt: thông tin cá nhân trên wikimedia, thành tích được cập nhật hiện nay có ngày tháng năm nguồn rõ ràng.*  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung | - Em sẽ tìm kiếm thu thập thông tin về thông tin cá nhân (Ngày tháng năm sinh, quê quán, gia đình…) những thành tích nổi bật trong thể thao…  - Những điểm chứng tỏ thông tin mà em lựa chọn có chất lượng tốt: thông tin cá nhân trên wikimedia, thành tích được cập nhật hiện nay có ngày tháng năm nguồn rõ ràng. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (4 phút)

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, học sinh vận dụng được tìm kiếm thông tin 1 cách hiệu quả.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS thực hiện phần vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:**Học sinh thực hiện được nhiệm vụ trong bài tập

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN**  **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân trả lời nội dung **Hoạt động vận dụng (SGK – tr16)**  *Nếu tiếp tục học lên trung học phổ thông, em sẽ lựa chọn học 1 số môn học. Quyết định chọn học tin học ở trung học phổ thông hay không và nếu chọn học Tin học thì nên theo định hướng Khoa học máy tính hay Tin học ứng dụng là 1 vấn đề quan trọng. Để có thể giải quyết vấn đề vừa nêu, đối với em những thông tin nào là chất lượng*  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận những vấn đề cần tìm kiếm cho việc định hướng của học sinh.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2-3 HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung | Tìm kiếm thông tin về từng định hướng sẽ học những nội dung gì? Kết quả khi học xong định hướng được những gì? Có thể định hướng việc làm gì sau này? |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Hoàn thành bài tập phần Câu hỏi tự kiểm tra (SGK/16)

- Chuẩn bị bài 1 chủ đề D *Một số tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số* với các câu hỏi:

Câu 1: Em hãy nêu 1 vài ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến tâm lí và đời sống hiện nay

Câu 2: Em hãy nêu 1 vài ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến thể chất, tình cảm và quan hệ với người thân, bạn bè hiện nay.

Câu 3: Em có suy nghĩ gì về việc người thân trong gia đình chỉ nhắn tin với nhau qua mạng ngay cả khi cùng nhau ở nhà.

**Ký duyệt: 20 / 9 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 18 / 9/2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / /2024. Lớp 9B dạy ngày / /2024

Lớp 9C dạy ngày / /2024. Lớp 9D dạy ngày / /2024

**CHỦ ĐỀ D. ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ.**

Tuần 5

**Tiết 5: BÀI 1. MỘT SỐ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA CÔNG NGHỆ KĨ THUẬT SỐ  *(Dạy ở Phòng thư viện)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Trong bài học này, HS sẽ tìm hiểu:*

Một số tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đối với đời sống con người và xã hội.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ và tự học:*Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của GV.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

Trình bày được một số tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đối với đời sống con người và xã hội. Nêu được ví dụ minh hoạ.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng tình yêu, niềm đam mê tin học.

- Rèn luyện đức tính chăm chỉ, sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK, SGV, SBT Tin học 9.

- Máy tính, máy chiếu.

- Hình ảnh liên quan đến bài học.

**2. Đối với học sinh**

SGK, SBT Tin học 9.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút).

**a. Mục tiêu:**HS nêu được ảnh hưởng tiêu cực của Internet từ những hiểu biết ban đầu.

**b. Nội dung:**GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS cho câu hỏi mở đầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

*Theo em, Internet có những ảnh hưởng tiêu cực nào?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1 HS trả lời.

***Gợi ý đáp án:***

*Theo em, Internet có những ảnh hưởng tiêu cực:*

*+ Ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lí và lối sống.*

*+ Ảnh hưởng tiêu cực đến thể chất.*

*+ Ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm và quan hệ với người thân, bạn bè.*

*+ Phương tiện cho những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.*

*+ Con người lệ thuộc vào công nghệ.*

- Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Công nghệ kĩ thuật số giúp cho mọi việc của con người trong lao động, sản xuất, học tập hay giải trí,… thuận tiện, dễ dàng và nhanh chóng hơn. Bên cạnh những tác động tích cực đó, công nghệ kĩ thuật số cũng có những tác động tiêu cực đến con người và xã hội mà chúng ta cần nhận thức được để phòng tránh. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu những tác động tiêu cực này trong bài học hôm nay –****Bài 1: Một số tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** (20 phút).

**Hoạt động 1: Tìm hiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến tâm lí và lối sống**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến tâm lí và lối sống.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về những mặt tiêu cực về tâm lí và lối sống.

**c. Sản phẩm học tập:**HS nêu được và chia sẻ câu chuyện về ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lí và lối sống.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, nghiên cứu SGK và nêu những tác động tiêu cực đối với tâm lí và lối sống của con người.  - GV đặt câu hỏi: *Em đã từng trải qua hoặc có người thân bị ảnh hưởng tiêu cực từ việc sử dụng công nghệ kĩ thuật số đối với tâm lí và lối sống hay chưa? Hãy chia sẻ câu chuyện của mình.*  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về nội dung ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lí và lối sống.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung *Ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lí và lối sống.*  - GV chuyển sang hoạt động *Ảnh hưởng tiêu cực đến thể chất.* | **1. Ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lí và lối sống**  - Mạng xã hội và các ứng dụng trao đổi qua mạng được tạo ra để gắn kết con người lại với nhau, nhưng đôi khi người sử dụng quá coi trọng cuộc sống ảo mà sao nhãng những giá trị thật, dần mất đi hiểu biết đúng đắn về thực tế và dễ có những cảm xúc tiêu cực.  + Những người bị tác động tiêu cực qua mạng có thể bị lo âu, trầm cảm.  + Có cách nhìn phiến diện, không biết trân trọng những gì mình đang có.  + Bị ảnh hưởng bởi những nội dung xấu, trái với thuần phong mĩ tục trên mạng, bị lây nhiễm lối sống thiếu văn hóa hay bị lôi kéo tham gia vào những hoạt động phi pháp. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến thể chất**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến thể chất.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về những mặt tiêu cực về thể chất.

**c. Sản phẩm học tập:**HS nêu được về ảnh hưởng tiêu cực đến thể chất.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt vấn đề: *Liên tục nhìn vào màn hình máy tính hay điện thoại thông minh trong thời gian dài thường gây ra bệnh khô mắt và giảm thị lực.*  - GV chiếu hình ảnh quy tắc 20-20-20 chống khô, mỏi mắt (hình 1) cho HS quan sát.  https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-07/09/image_ba6e80ca3d0.png  - GV đặt câu hỏi:  *+ Em hãy nêu những hiểu biết của mình về quy tắc 20-20-20.*  *+ Em hãy nêu những tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến thể chất.*  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về nội dung ảnh hưởng tiêu cực đến thể chất.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung *Ảnh hưởng tiêu cực đến thể chất.*  - GV chuyển sang hoạt động *Ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm và quan hệ với người thân, bạn bè.* | **2. Ảnh hưởng tiêu cực đến thể chất**  - Sử dụng máy tính hay điện thoại thông minh quá gần giờ đi ngủ có thể gây ra khó ngủ; ánh sáng xanh của màn hình có thể làm rối loạn nhịp sinh học của cơ thể.  - Ngồi làm việc sai tư thế trong thời gian dài có thể dẫn tới vẹo cột sống; đau mỏi cổ, vai, gáy.  - Những người làm việc với máy tính thường có xu hướng ít vận động, có thể dẫn tới bệnh béo phì, bệnh tim mạch, bệnh tiểu đường.  - Việc trẻ em nghiện chơi game hay Internet cũng làm sao nhãng luyện tập thể thao, ảnh hưởng tới sự phát triển thể chất và tinh thần.  - Lạm dụng thiết bị công nghệ có thể khiến trẻ chậm biết nói, khả năng sáng tạo và tập trung kém, hành vi trở nên hung hăng thậm chí có biểu hiện rối loạn tăng động, kết quả học tập giảm sút.  -… |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến tình cảm và quan hệ người thân, bạn bè**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến tình cảm và quan hệ với người thân, bạn bè.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về những mặt tiêu cực về tình cảm và quan hệ người thân, bạn bè.

**c. Sản phẩm học tập:**HS nêu được về ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm và quan hệ người thân, bạn bè.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, nghiên cứu SGK và trả lời nội dung **Hoạt động (SGK – tr18)**  *Em hãy bình luận ý kiến sau:"Từ khi nhà có Internet, bố mẹ thường sử dụng máy tính hoặc điện thoại thông minh nhiều hơn và ít có thời gian chăm sóc các con".*  - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK và tìm hiểu về những tác động tiêu cực đến tình cảm và quan hệ với người thân, bạn bè.  - GV đặt câu hỏi: *Chìm đắm vào thế giới ảo là thế giới của những thứ gì?*  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về nội dung ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm và quan hệ với người thân, bạn bè.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.  ***\*Trả lời Hoạt động (SGK – tr18)***  *HS bình luận về ý kiến trên. Ví dụ: Nhiều người dành quá nhiều thời gian cho việc sử dụng máy tính, điện thoại nên không còn thời gian gặp gỡ thăm hỏi người thân, bạn bè, ít dành thời gian chăm sóc và quan tâm đến việc học của con mình, khiến cho các mối quan hệ sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực.*  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung *Ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm và quan hệ với người thân, bạn bè.*  - GV chuyển sang hoạt động *Phương tiện cho những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.* | **3. Ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm và quan hệ với người thân, bạn bè**  - Chìm đắm vào thế giới ảo, một số người không còn thời gian gặp gỡ thăm hỏi người thân, bạn bè khiến cho tình cảm và những mối quan hệ xã hội bị ảnh hưởng.  - Giao tiếp qua mạng thường khó biểu đạt được nhiều thông tin và ý nghĩa như gặp gỡ trực tiếp, do đó có thể dẫn tới những hiểu lầm.  - Bắt nạt qua mạng là một vấn nạn nhức nhối gây ra những hậu quả nghiêm trọng, nhất là với thanh thiếu niên. |

**Hoạt động 4: Phương tiện cho những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số cho những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.

**c. Sản phẩm học tập:**HS nêu được về ảnh hưởng tiêu cực từ những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận các nhân, nghiên cứu SGK và trả lời nội dung **Hoạt động (SGK – tr19)**  *Em hãy trình bày những hành vi thiếu văn hóa, phi pháp thường gặp?*  - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK và tìm hiểu về những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  ***\*Trả lời Hoạt động (SGK – tr19)***  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.  - GV chuyển sang hoạt động *Con người lệ thuộc vào công nghệ.* | **4. Phương tiện cho những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.**  - Tin tặc lợi dụng, phát tán virus.  - Đánh cắp thông tin  - Trong giáo dục: Gian lận bằng thiết bị công nghệ cao  - Đăng những video không lành mạnh |

**Hoạt động 5: Con người lệ thuộc vào công nghệ.**

**a. Mục tiêu:** HS chỉ ra được ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số khiến con người bị lệ thuộc.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động trong SGK để tìm hiểu về sự lệ thuộc của con người đối với công nghệ

**c. Sản phẩm học tập:**HS nêu được về ảnh hưởng tiêu cực từ lệ thuộc của con người đối với công nghệ.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, nghiên cứu SGK và trả lời nội dung:  *Em hãy trình bày những tác động tiêu cực của công nghệ dẫn đến sự lệ thuộc của con người?*  - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK và tìm hiểu về những tiêu cực của công nghệ dẫn đến sự lệ thuộc của con người.  - Sau khi HS trả lời, GV kết luận về những tiêu cực của công nghệ dẫn đến sự lệ thuộc của con người.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.  - GV chuyển sang hoạt động luyện tập. | **4. Phương tiện cho những hành vi thiếu văn hóa, phi đạo đức, phi pháp.**  - Việc dễ dàng tìm kiếm thông tin làm con người lười suy luận và ghi nhớ.  - Việc tùy tiện thu nhập và chia sẻ thông tin cá nhân tạo ra nhiều kẽ hở dẫn đến vi phạm quyền riêng tư và lộ thông tin cá nhân. |

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (14 phút).

**a.Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức.

**b.Nội dung:**GV nêu nhiệm vụ; HS trả lời để trả lời câu hỏi **Luyện tập**trang 19 SGK.

**c.Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS cho câu hỏi **Luyện tập**trang 19 SGK.

**d.Tổ chức hoạt động:**

***Nhiệm vụ 1:*** Hiện tượng người trong gia đình nhắn tin cho nhau qua mạng ngay cả khi đang cùng ở nhà là ví dụ minh họa cho tác động tiêu cực nào đã nêu trong bài?

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

***Nhiệm vụ 2: Sau khoảng 20 phút liên tục nhìn vào màn hình máy tính, em cần làm gì để bảo vệ mắt?***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

HDHS thực hiện ở nhà: Chuẩn bị bài học tiếp theo.

**Ký duyệt: 27 / 9/ 2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 24 / 9/2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / /2024. Lớp 9B dạy ngày / /2024

Lớp 9C dạy ngày / /2024. Lớp 9D dạy ngày / /2024

Tuần 6

**Tiết 6: BÀI 2: KHÍA CẠNH PHÁP LÍ, ĐẠO ĐỨC, VĂN HOÁ CỦA VIỆC TRAO ĐỔI THÔNG TIN QUA MẠNG**

**I.MỤC TIÊU**

* Nêu được một số nội dung liên quan đến luật Công nghệ thông tin, nghị định về sử dụng dịch vụ Internet, các khía cạnh pháp lí của việc sở hữu, sử dụng và trao đổi thông tin.
* Nêu được một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số thông qua một vài ví dụ.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Tin học 9 - Cánh Diều.
* Máy tính có cài sẵn phần mềm bảng tính.
* Phòng máy tính sẵn sàng để HS thực hành.

1. **Đối với học sinh**

* SGK Tin học 9 Cánh Diều.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (5 phút).

1. **Mục tiêu:**Dựa vào hiểu biết HS nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật trên mạng xã hội.
2. **Nội dung:**GV dẫn dắt vấn đề, HS hoạt động nhóm đôi, quan sát Hình 1 và thảo luận trả lời câu hỏi phần **Khởi động**trang 20 SGK.
3. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS cho câu hỏi phần **Khởi động**trang 20/SGK
4. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm động nhóm đôi, quan sát và thảo luận trả lời câu hỏi **Khởi động**tr.20 SGK:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc, thảo luận trả lời câu hỏi **Khởi động**.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1 - 2 nhóm trả lời câu hỏi:

*Gợi ý: Hành vi loan tin sai sự thật trên mạng xã hội là có vi phạm pháp luật.*

- GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV ghi nhận các câu trả lời của HS.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Vậy những hành vi như nào là vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số ta cùng tìm hiểu* ***bài 2: Khía cạnh pháp lí, đạo đức, văn hoá của việc trao đổi thông tin qua mạng.***

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** (20 phút).

**Hoạt động 1: Những hành vi phạm pháp trong môi trường số.**

**a.Mục tiêu:**

- Nêu đươc một số nội dung liên quan đên luật Công nghệ thông tin.

- Biết một số hành vi vi phạm pháp luật.

**b.Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.

**c.Sản phẩm học tập:**nêu một số luật Công nghệ thông tin.

**d.Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***-*** GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 3 - 4 HS.  - GV yêu cầu các nhóm đọc hiểu thông tin mục 1, thảo luận hoàn thành nhiệm vụ: Theo em, việc bấm nút thích hay chia sẻ những bài viết đăng tin thất thiệt có phải là hành vi phạm pháp hay không?  - Những hành vi nào là vi phạm pháp luật.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm lên trình bày  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức.  - GV mở rộng thêm việc bắt nạt hay xúc phạm danh dự của người khác qua mạng cũng là hành vi phạm pháp theo Khoản 1 Điều 26 và Khoản 3 Điều 16 Luật An ninh mạng  - GV chuyển sang hoạt động tiếp theo. | **1. Những hành vi phạm pháp trong môi trường số.**  Việc bấm nút thích(Like), nút chia sẻ (Share) hay bình luận thông tin sai sự thật sẽ tiếp tay cho việc lan truyền thông tin sai sự thật và sẽ bị sử phạt theo điểm d khoản 1 Điều 101 Nghị đinh 15/2020/NĐ-CP của Chính phủ.  Đăng tải thông tin sai sự thật là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định mục 1 Điều 8 Luật An ninh. |

**Hoạt động 2: Những hành vi trái đạo đức, thiếu văn hoá trong môi trường số.**

**a.Mục tiêu:** HS nêu được một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số.

**b.Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.

**c.Sản phẩm học tập:**nêu một só VD về hành vi trái pháp luật, đạo đức..

**d.Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***-*** GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 3 - 4 HS.  - GV yêu cầu các nhóm đọc hiểu thông tin mục 2, thảo luận hoàn thành nhiệm vụ:  ? Em có nhận xét gì về mỗi hành vi sau đây:   * Tự chụp ảnh khi đang dự tang lễ hay lễ Chào cờ. * Khi chứng kiến tai nạn giao thông thảm khốc, một số người đi đường thay vì giúp đữ nạn nhân thì lại mải mê phát trực tiếp bằng điên thoại.   ? Em hãy nêu một số hành vi cần tránh khi giao tiếp trong môi trương số.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm lên trình bày  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang hoạt động tiếp theo. | **2. Những hành vi trái đạo đức, thiếu văn hoá trong môi trường số.**  -Những hành vi trên là thiếu văn hoá trong môi trường số  -Một số hành vi cần tránh khi giao tiếp trong môi trường số:  + Lén nhìn mật khẩu của người khác.  +Tuỳ tiện nhận xét, phê bình, chê bai người khác.  +sử dụng lời lẽ mang tính phân biệt vùng miền, giới tính, tôn giáo.  +Tuỳ tiện chụp ảnh, phát video truẹc tiếp nới công cộng không phù hợp. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (14 phút).

**a) Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

**b) Nội dung:** GV giao bài tập, HS thảo luận, trả lời

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

*GV giao bài tập Bài 1. Bài 2/ SGK/22*

*Bài 1: Học sinh A không có thiện cảm với học sinh B. Cửa kính lớp học bị vỡ, dù chưa có chứng cứ nhưng A đăng ý kiến lên mạng xa hội quy cho B là thủ phạm rồi chia sẻ công khai cho tất cả bạn bè cảu mình. Em bình luận gì về hành vi đó?*

*Bài 2: Theo em, không nên thực hiện hành vi nào dưới đây? Hãy giải thích*

* 1. *Cười nói to tiếng hơn mức cần thiết khi nghe điện thoại ở nơi công cộng.*
  2. *Dăng tải đoạn video có những phát ngôn thiếu tôn trọng, có phần miệt thị người già, người nghèo, người đên từ vùng miền khác.*
  3. *Dùng tay sử dụng điện thoại lúc điều khiển phương tiện giao thông.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (6 phút).

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

**b) Nội dung:** GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:** Em hãy tìm một số ví dụ cụ thể về hành vi đưa tin sai sự thật trên mạng

**Ký duyệt: 4 /10 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 1 /10 /2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / 10 /2024. Lớp 9B dạy ngày /10 /2024

Lớp 9C dạy ngày / 10 /2024. Lớp 9D dạy ngày / 10 /2024

**CHỦ ĐỀ E. ỨNG DỤNG TIN HỌC.**

**E1. PHẦN MỀM MÔ PHỎNG VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC**

Tuần 7

**Tiết 7: BÀI 1: PHẦN MỀM MÔ PHỎNG VÀ ỨNG DỤNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

+ Nêu được ví dụ phần mềm mô phỏng.

+ Nhận biết được sự mô phỏng thế giới thực nhờ máy tính có thể giúp con người khám phá tri thức và giải quyết vấn đề.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*+ Năng lực tự chủ và tự học:*Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*+ Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

*+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

+ Thông qua những ví dụ về phần mềm mô phỏng, HS được bổ sung kiến thức về lợi ích của máy tính trong việc hỗ trợ học tập và nghiên cứu.

1. **Phẩm chất** Hình thành và phát triển phẩm chất:

+ Chăm chỉ: cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập

+ Trách nhiệm: Có thái độ cởi mở, hợp tác khi làm việc nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

+ SGK, SGV, SBT Tin học 9.

+ Máy tính có kết nối mạng internet, máy chiếu.

+ Hình ảnh liên quan đến bài học.

**2. Đối với học sinh**

SGK, SBT Tin học 9.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (5 phút).

**a. Mục tiêu:**Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:**GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS cho câu hỏi mở đầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS:

*Hãy tìm trên Internet với từ khóa “phần mềm mô phỏng để dạy và học” rồi cho biết:*

*1) Em đã tìm được những phần mềm mô phỏng nào?*

*2) Em đã từng dùng phần mềm nào được đề cập đến trong các kết quả đó?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1 HS lên thực hiện tìm trên Internet với từ khóa “phần mềm mô phỏng để dạy và học” trước lớp và trả lời.

*Dự kiến kết quả:*

1) Phần mềm mô phỏng để dạy và học:

- Phần mềm Geogebra: Dùng để mô phỏng các đồ thị và hình học, giúp học sinh hiểu sâu hơn về toán học và đồ họa.

- Phần mềm PhET Interactive Simulations: Cung cấp các mô phỏng về khoa học và toán học, giúp học sinh hiểu sâu hơn về các khái niệm khoa học..

2) Em đã từng dùng phần mềm Geogebra. Phần mềm Geogebra giúp học sinh quan sát, hình dung rõ hơn các hình học và đồ thị.

- Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Phần mềm mô phỏng được phát triển nhằm tạo ra mô hình giả lập thế giới thực trên máy tính để thử nghiệm, nghiên cứu, khám phá đối tượng trong các điều kiện khác nhau. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một số phần mềm mô phỏng dùng trong dạy và học ở bài học hôm nay –****Bài 1: Phần mềm mô phỏng và ứng dụng.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** (20 phút).

**Hoạt động 1: Một số phần mềm mô phỏng dùng trong dạy và học.**

* 1. **Mục tiêu:** Nêu được một số ví dụ về phần mềm mô phỏng và lợi ích của phần mềm mô phỏng.
  2. **nội dung:** HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
  3. **Sản phẩm học tập:** HS trả lời được các câu hỏi.
  4. **Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên – học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  **GV:** Yêu cầu HS hoạt động nhóm, thời gian 7 phút, sản phẩm ghi vào phiếu học tập  ***NV1***  *Hình 1 từ trang web của PhET Interaction Simulations là giao diện của thí nghiệm ảo trong Vật lí về thấu kính. Theo em, các thanh trượt dùng để làm gì?*    ***NV2***  *Đọc thông tin trong SGK/ trang 23, 24 mục 1. Em hãy: N*êu được một số ví dụ về phần mềm mô phỏng và lợi ích của phần mềm mô phỏng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm nhỏ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Gọi đại diện 1 nhóm đứng dậy trình bày kết quả của nhóm.  - Nhóm khác chú ý lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chốt lại kiến thức.  **Một số phần mềm mô phỏng dùng trong dạy và học :**  + Solar System 3D Simulator: phần mềm mô phỏng chuyển động của các hành tinh trong Hệ Mặt Trời.  + GeoGebra: phần mềm sử dụng trong dạy và học Toán, Vật lí.  + PhET Interaction Simulations: phần mềm mô phỏng về các chủ đề khác nhau gồm Vật lí, Hóa học, Toán, Khoa học Trái Đất và Sinh học.  + Labster: là một phỏng thí nghiệm ảo cho phép thực hiện các thí nghiệm ảo về Vật lí, Hóa học và Sinh học. | **1. Một số phần mềm mô phỏng dùng trong dạy và học.**  **NV1:**  Các thanh trượt dùng để điều chỉnh số đo các chỉ số Bán kính cong, Chiết suất, Đường kính,…  **NV2:**  + Solar System 3D Simulator: phần mềm mô phỏng chuyển động của các hành tinh trong Hệ Mặt Trời.  + GeoGebra: phần mềm sử dụng trong dạy và học Toán, Vật lí.  + PhET Interaction Simulations: phần mềm mô phỏng về các chủ đề khác nhau gồm Vật lí, Hóa học, Toán, Khoa học Trái Đất và Sinh học.  + Labster: là một phỏng thí nghiệm ảo cho phép thực hiện các thí nghiệm ảo về Vật lí, Hóa học và Sinh học.  + … |

**Hoạt động 2: Sử dụng phần mềm mô phỏng để khám phá tri thức và giải quyết vấn đề.**

**a) Mục tiêu:** HS biết sử dụng phần mềm mô phỏng để khám phá tri thức và giải quyết vấn đề.

**b) nội dung:** HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm học tập:** HS trả lời được các câu hỏi.

**d) Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên – học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động cặp đôi.** (thời gian 5 phút)  ***Câu hỏi. Việc sử dụng phần mềm mô phỏng giúp ích gì cho con người? Lấy ví dụ?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo cặp đôi.  - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện hai cặp đôi trình bày  - Các cặp đôi khác chú ý lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  **- GV chốt lại kiến thức :**  *+) Các phần mềm mô phỏng được dùng trong dạy và học giúp tăng hiệu quả, giảm chi phí hoặc tránh rủi ro.*  *+) Phần mềm mô phỏng giúp khám phá tri thức và giải quyết vấn đề.* | **2. Sử dụng phần mềm mô phỏng để khám phá tri thức và giải quyết vấn đề.**  Bằng cách xây dựng mô hình số học của hệ thống các thực tế, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về các quy luật và quy tắc hoạt động của chúng.  - Mô phỏng cung cấp một môi trường an toàn để thử nghiệm, đo lường và dự đoán kết quả.  - Giúp chúng ta tìm kiếm giải pháp tối ưu và tiết kiệm thời gian, tiền bạc trong quá trình giải quyết vấn đề.  - Mô phỏng cũng mở ra cánh cửa cho việc khám phá tri thức mới và hiểu sâu hơn về thế giới xung quanh.  **Ví dụ 1:** *PhET Interaction Simulations: có phần mềm mô phỏng chọn lọc tự nhiên cho biết học sinh tự nhận thức được tác động của các nhân tố môi trường sống như nguồn thức ăn, kẻ thù tự nhiên …. đến sự phát triển của một loài sinh vật.*  **Ví dụ 2.** Trong đại dịch covid 19, phần mềm SimAEN mô phỏng sự lây lan của covid 19 giúp hiểu được tác động của các biện pháp phòng chống dịch bệnh trong một cộng đồng dân cư. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (14 phút).

**a) Mục tiêu:**Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập.

**b) Nội dung:** GV giao bài tập, HS thảo luận, trả lời.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS .

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, thảo luận, hoàn thành bài tập:*

### Bài 1: Theo em, video quay lại quá trình làm một thí nghiệm có phải là phần mềm mô phỏng không? Vì sao?

### Bài 2:Giải thích vì sao có thể nói mô phỏng thế giới thực nhờ máy tính giúp con người khám phá tri thức và giải quyết vấn đề.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và báo cáo kết quả:*

***Dự kiến sản phẩm***

**Bài 1.**

Không, video quay lại quá trình làm một thí nghiệm không được coi là phần mềm mô phỏng.

Phần mềm mô phỏng thường bao gồm các chương trình được thiết kế để mô phỏng một hoặc nhiều khía cạnh của thế giới thực thông qua các mô hình toán học hoặc thông tin số. Các phần mềm mô phỏng thường cho phép người dùng tương tác với môi trường ảo, thay đổi các tham số và quan sát kết quả một cách linh hoạt.

Trong khi đó, video quay lại quá trình làm thí nghiệm là hình ảnh thực tế của một thí nghiệm được thực hiện trong môi trường vật lí. Video này ghi lại các hoạt động và kết quả của thí nghiệm một cách thực tế, không cung cấp tính tương tác hoặc khả năng thay đổi các điều kiện thí nghiệm như phần mềm mô phỏng.

### Bài 2

Bằng cách xây dựng mô hình số học của hệ thống các thực tế, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về các quy luật và quy tắc hoạt động của chúng.

- Mô phỏng cung cấp một môi trường an toàn để thử nghiệm, đo lường và dự đoán kết quả.

- Giúp chúng ta tìm kiếm giải pháp tối ưu và tiết kiệm thời gian, tiền bạc trong quá trình giải quyết vấn đề.

- Mô phỏng cũng mở ra cánh cửa cho việc khám phá tri thức mới và hiểu sâu hơn về thế giới xung quanh.

*GV gọi đại diện 1 cặp đôi trả lời câu hỏi, các cặp đôi còn lại chú ý lắng nghe.*

*GV gọi đại diện 1 cặp đôi nhận xét, các cặp đôi khác lắng nghe.*

*GV nhận xét và chốt lại kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (6 phút).

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung:** GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS.

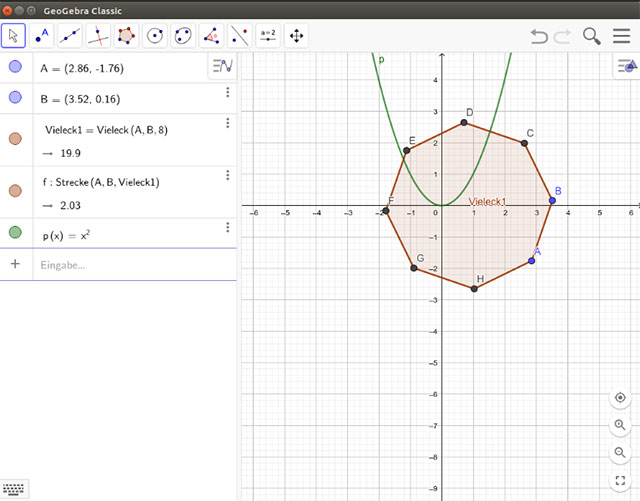
**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu hs hoạt động nhóm thực hiện câu hỏi sau:

Em hãy tải về và cài cài đặt phần mềm GeoGebra, sau đó dùng phần mềm này để vẽ một số hình quen thuộc trong hình học.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và thực hiện trên máy tính theo nhóm.

***Dự kiến sản phẩm***



Phía trên là giao diện của phần mềm, các em hãy tải về và sử dụng phần mềm để vẽ một số hình quen thuộc trong toán học như hình tam giác, hình vuông, hình thoi,…

*- GV gọi đại diện 1 nhóm lên bảng thực hiện lại trên máy tính của GV, các nhóm còn lại quan sát*

*- Sau đó, GV gọi đại diện 1 nhóm nhận xét, các nhóm khác lắng nghe.*

*- GV nhận xét và chốt lại kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Làm câu 1, câu 2/SGK trang 25.

+) Xem lại các bài tập đã chữa.

+) HS đọc và chuẩn bị trước bài2**“ Thực hành sử dụng phần mềm mô phỏng”**

**Gợi ý:**

### Câu 1. Em hãy kể tên và nêu tính năng của một số phần mềm mô phỏng nói đến trong bài học.

**Trả lời:**

- Phần mềm mô phỏng PhET Interactive Simulations cung cấp một loạt các thí nghiệm ảo trong nhiều lĩnh vực khác nhau của khoa học và toán học: Mô phỏng hiệu ứng Vật lí, Mỗi mô phỏng trong PhET thường đi kèm với các giải thích và hướng dẫn, cho phép người dùng chia sẻ các mô phỏng và tài liệu liên quan thông qua các liên kết trực tuyến hoặc nhúng vào các trang web hoặc bài giảng.

- Phần mềm mô phỏng Geogebra cung cấp mô phỏng đồ họa cho phép người dùng vẽ và tạo ra các hình học, đồ thị và biểu đồ một cách linh hoạt, tính toán và giải phương trình, mô phỏng động cho phép tạo các đối tượng động và mô phỏng các quy luật vật lý hoặc toán học, hỗ trợ đa loại đồ thị.

### Câu 2. Phần mềm mô phỏng nào thường được sử dụng trong dạy và học Toán, Vật lí?

**Trả lời:**

- Phần mềm Geogebra là một trong những phần mềm mô phỏng phổ biến nhất trong lĩnh vực Toán.

- Phần mềm PhET Interactive Simulations cung cấp các mô phỏng về Vật lí.

**Ký duyệt: 11 / 10 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 6 / 10/2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày /10 /2024. Lớp 9B dạy ngày / 10 /2024

Lớp 9C dạy ngày / 10 /2024. Lớp 9D dạy ngày / 10 /2024

Tuần 8

**Tiết 8: BÀI 2. THỰC HÀNH SỬ DỤNG PHẦN MỀM MÔ PHỎNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Những kiến thức đã thu nhận từ việc khai thác một vài phần mềm mô phỏng cụ thể.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ và tự học:*Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của GV.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

* Nêu được những kiến thức đã thu nhận từ việc khai thác một vài phần mềm mô phỏng cụ thể.

**3. Phẩm chất:**

* Thành thạo kĩ năng tin học, yêu thích các môn học khác.
* Chăm chỉ trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Tin học 9.
* Phòng máy tính có kết nối Internet.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT Tin học 9.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (5 phút).

**a. Mục tiêu:**HS chuẩn bị tâm thế để thực hành.

**b. Nội dung:**GV giới thiệu nội dung thực hành; HS lắng nghe và sẵn sàng thực hành một số thí nghiệm ảo trong Vật lí và Sinh học.

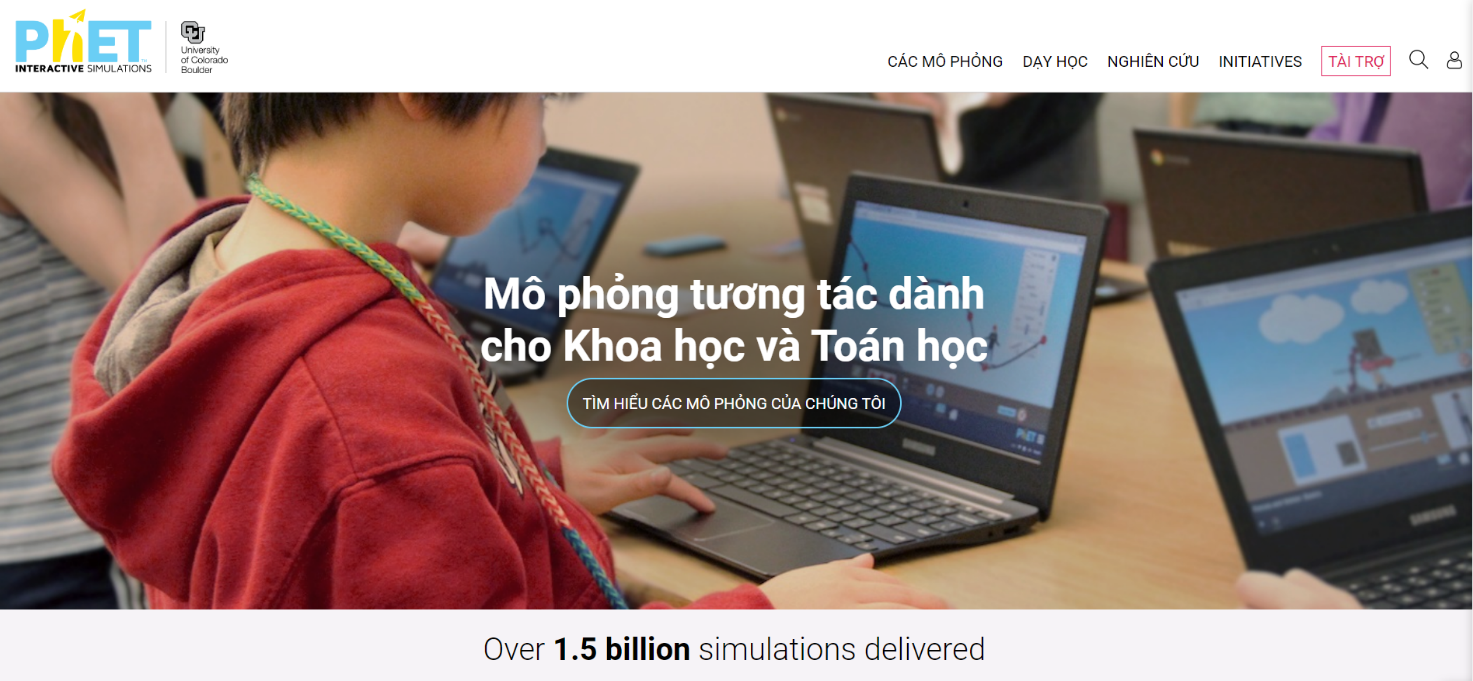
**c. Sản phẩm học tập:**Nội dung nhiệm vụ thực hành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn chung:

*Truy cập trang web của PhET Interaction Simulations (*[*https://phet.colorado.edu/vi/*](https://phet.colorado.edu/vi/)*) để thực hành sử dụng trực tuyến một số thí nghiệm ảo:*

**

- GV yêu cầu HS: *Thao tác theo hướng dẫn, quan sát kết quả nhận được, rút ra kết luận theo yêu cầu.*

- GV giới thiệu cho HS:

*+ Bài 1 là thực hành khám phá, rút ra kết luận định tính.*

*+ Bài 2 theo các kịch bản chi tiết hơn để nhận được kết quả có tính định lượng.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe GV hướng dẫn chung, truy cập trang web của *PhET Interaction Simulations.*

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời cả lớp báo cáo kết quả truy cập vào trang web của *PhET Interaction Simulations* trước khi tiến hành thực hành.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét và cho HS vào bài học: ***Bài 2: Thực hành sử dụng phần mềm mô phỏng.***

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (35 phút).

**Hoạt động 1: Thực hành sử dụng thí nghiệm ảo Quang hình trong Vật lí (20’)**

**a. Mục tiêu:** HS thực hiện theo hướng dẫn trong SGK để làm thí nghiệm ảo Quang hình trong Vật lí.

**b. Nội dung:**HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn trong SGK và thay đổi được các đại lượng trong thí nghiệm ảo.

**c. Sản phẩm học tập:**HS mô tả được sự thay đổi của các đại lượng và rút ra kết luận.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, thảo luận và thực hành khám phá theo nội dung **Nhiệm vụ (SGK – tr26)**  *Làm thí nghiệm ảo để phát hiện sự phụ thuộc của tiêu điểm, ảnh ảo đối với từng tham số của thấu kính. Cụ thể là:*  *1) Mô tả sự thay đổi tương ứng của tiêu điểm, ảnh ảo.*  *2) Rút ra kết luận về sự phụ thuộc tăng hay giảm của tiêu cự (là khoảng các từ quang tâm đến tiêu điểm) với tham số đang xét.*  - GV gợi ý HS thực hiện theo nội dung **Hướng dẫn**theo SGK.  - Sau khi HS thực hành và trả lời câu hỏi, GV kết luận về nội dung sử dụng thí nghiệm ảo Quang hình trong Vật lí.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ thực hành được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung *Sử dụng thí nghiệm ảo Quang hình trong Vật lí.*  - GV chuyển sang hoạt động *Sử dụng thí nghiệm ảo Chọn lọc tự nhiên trong Sinh học.* | **Bài 1. Sử dụng thí nghiệm ảo Quang hình trong Vật lí**  ***Bước 1*.**Mở thí nghiệm ảo [*https://phet.colorado.edu/vi/*](https://phet.colorado.edu/vi/)  Trong các MÔ PHỎNG chọn Vật lí    chọn **Quang hình** rồi nháy chuột vào để bắt đầu tương tác và xem mô phỏng;    chọn **Thấu kính**.    ***Bước 2.*** Dùng chuột kéo thanh trượt để thay đổi lần lượt các tham số thấu kính lồi:  - Bán kính cong *(Radius of Curvature);*  - Chiết suất *(Index of Refraction);*  - Đường kính *(Diameter).* |

**Hoạt động 2: Thực hành sử dụng thí nghiệm ảo Chọn lọc tự nhiên trong Sinh học (15’)**

a) *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức và kỹ năng khai thác phần mềm mô phỏng.

b) *Nội dung*: HS thực hành nội dung Bài 2. Sử dụng thí nghiệm ảo sinh học Chọn lọc tự nhiên.

c) *Sản phẩm*: HS thực hành mở được thí nghiệm ảo sinh học Chọn lọc tự nhiên

d) *Tổ chức thực hiện*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  + Gv chia lớp thành 2 dãy, mỗi dãy HS hoạt động theo bàn máy tính (2-3 em/máy) yêu cầu HS thực hiện yêu cầu của nhiệm vụ và thảo luận.  + Nhiệm vụ: Làm thí nghiệm ảo theo các kịch bản như hướng dẫn để nghiên cứu tác động của môi trường sống đến sinh trưởng của loài vật trong tự nhiên.  OPL20U25GSXzBJYl68kk8uQGfFKzs7yb1M4KJWUiLk6ZEvGF+qCIPSnY57AbBFCvTW2024.02.7+K4lPs7H94VUqPe2XwIsfPRnrXQE//QTEXxb8/8N4CNc6FpgZahzpTjFhMzSA7T/nHJa11DE8Ng2TP3iAmRczFlmslSuUNOgUeb6yRvs0=  ID16 2022 TIN7 BỘ SÁCH CÁNH DIỀU STT 2**\*HS thực hiện nhiệm vụ**  - Dãy 1: Thảo luận và thực hành kịch bản 1.  - Dãy 2: Thảo luận và thực hành kịch bản 2.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  - GV yêu cầu 2 dãy so sánh kết quả thực hiện trên thí nghiệm ảo sinh học Chọn lọc tự nhiên khi không có sự can thiệp của môi trường và có có sự can thiệp của môi trường.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm báo cáo kết quả hoạt động  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét  **\* Kết luận, nhận định:**  - Giáo viên nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành, thái độ học tập và kĩ năng thực hành của HS.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - GV: yêu cầu học sinh khởi động máy tính và thực hiện các nhiệm vụ bài 1.  - HS: Tiến hành thực hiện thực hành  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành thực hành làm bài tập theo dãy: lập kế hoạch làm việc, thỏa thuận về quy tắc làm việc, tiến hành giải quyết nhiệm vụ, chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp, xác định nội dung và cách trình bày kết quả.  **- Dãy 1 thực hiện kịch bản 1 theo các bước:**  + *Bước 1*: Mở thí nghiệm ảo [*http://phet.colorado.edu/vi/*](http://phet.colorado.edu/vi/)*;* Chọn **Sinh học;** chọn **Chọn lọc tự nhiên** rồi nháy chuột vào  để bắt đầu tương tác và xem mô phỏng.  + *Bước 2:* Chọn **Phần giới thiệu**; Chọn **Thêm một con bạn**  - Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HS khi cần thiết.  **- Dãy 2 thực hiện kịch bản 2 theo các bước:**  + *Bước 1:* Lặp lại thí nghiệm: Đánh dấu chọn **Sói** trong **Nhân tố môi trường**; xem mô phỏng và cho biết kết quả.  + *Bước 2:* Lặp lại thí nghiệm: Đánh dấu chọn **Thực phẩm bị hạn chế** trong **Nhân tố môi trường;** xem mô phỏng và cho biết số lượng thỏ tối đa khoảng bao nhiêu con.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và so sánh kết quả hoạt động nhóm của 2 dãy.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động luyện tập thực hành các bài tập của các nhóm. | + Kịch bản 1: Nếu để thỏ phát triển tự nhiên, không có sự can thiệp của nhân tố môi trường thì ***đến thế hệ thứ 6*** thì thỏ đã chiếm lĩnh toàn thế giới.    + Kịch bản 2: Nếu để thỏ có có sự can thiệp của nhân tố môi trường khi thêm sói thì ***toàn bộ thỏ đều qua đời***. |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức để thực hành với phần mềm mô phỏng.

b) *Nội dung*:Bài tập trong sgk tr 26 - 27.

c) *Sản phẩm*: Sản phẩm của học sinh thực hành với phần mềm mô phỏng.

d) *Tổ chức thực hiện*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* GV giao nhiệm vụ học tập*  - GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như phần Nội dung ở nhà.  - HS gửi sản phẩm qua hòm thư hoặc không gian lưu trữ trên mạng được GV qui định.  *\* HS thực hiện nhiệm vụ*  - HS thực hành nhiệm vụ về nhà theo hướng dẫn của GV và hoàn thiện sản phẩm ở máy tính ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận*  HS gửi sản phẩm qua hòm thư hoặc không gian lưu trữ trên mạng được GV qui định để GV kiểm tra.  *\* Kết luận, nhận định*  - GV nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả của các nhóm sau khi đã báo cáo ở tiết học sau.  - Các nhóm hoàn thiện câu trả lời ở hoạt động vận dụng để tiết sau báo cáo trước lớp.  - Chuẩn bị bài đọc trước nội dung tiếp theo chủ đề E2: Trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác\_ Bài 1. Sử dụng trình chiếu trong trao đổi thông tin. | *Kịch bản 1.* Đánh dấu chọn **Thực phẩm bị hạn chế,** chọn **Da trắng, Da nâu;** trong ô **Thêm sự đột biến** nhấn chọn màu da **Trội.**    *Kịch bản* 2: Tương tự kịch bản 1, nhưng chọn màu da **Lặn.** |

**Ký duyệt: / /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 21 /10 /2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / /2024. Lớp 9B dạy ngày / /2024

Lớp 9C dạy ngày / /2024. Lớp 9D dạy ngày / /2024

**CHỦ ĐỀ E2: TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRONG TRAO ĐỔI VÀ HỢP TÁC**

Tuần 9

**Tiết 9: BÀI 1: SỬ DỤNG BÀI TRÌNH CHIẾU TRONG TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:**

Sử dụng được hình ảnh, biểu đồ, video một cách hợp lí trong bài trình chiếu.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để biết cách sử dụng bài trình biếu trong trao đỏi thông tin.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra các bước để tạo trang chiếu mới.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có thể sử dụng bài trình chiếu trong trao đổi thông tin.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**- Năng lực A (NLa):** Học sinh sử dụng được hình ảnh, biểu đồ, video một cách hợp lí trong bài trình chiếu phục vụ cuộc sống và học tập.

**- Năng lực D (NLd):** Học sinh sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft Powerpoint.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

Máy tính, máy chiếu (hoặc tivi), phiếu học tập, …

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo

- HS: SGK

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động Mở đầu** ( 5 phút)

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b) Nội dung:** Nhờ tích cực trao đổi, hợp tác mà bài trình chiếu của nhóm bạn Phương Anh được đánh giá xuất sắc. Cô giáo đã nhận xét: “Trao đổi, hợp tác giúp làm giàu và tăng giá trị của thông tin”.Em hãy giải thích vì sao cô giáo lại nói như vậy.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

(Trình bày, thảo luận đạt hiệu quả thì chúng ta sẽ thu nhận được thêm thông tin có giá trị hoặc thông tin về vấn đề cần quan tâm trở nên chính xác, đầy đủ và sát thực hơn. Giúp chúng ta chia sẻ, phân tích, thảo luận thông tin với nhau. Tăng khả năng giao tiếp, tư duy,…)

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hs nghiên cứu SGK, hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi.

**2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới (30 phút)**

**Hoạt động 2.1: Sử dụng hình ảnh, biểu đồ, video một cách hợp lí (**10 phút)

**a) Mục tiêu:** Hs biết cách trình bày hình ảnh, biểu đồ, video trên trang tính một cách hợp lí.

**b) Nội dung**:

- Mục đích của việc trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác.

- Cách sử dụng các hình ảnh, biểu đồ, video như thế nào là hợp lí để trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác.

**c) Sản phẩm:** Sử dụng đa phương tiện trong trình bày thông tin hợp lí về hình thức và nội dung.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Yêu cầu hs đọc SGK - 28 phần 1 Sử dụng hình ảnh, biểu đồ, video một cách hợp lí.  - Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành phiếu học tập số 1.    **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Đọc SGK  - Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập số 1.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Gv lựa chọn phiếu học tập của nhóm bất kì, chụp chiếu lên Tivi. Hs lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  - GV yêu cầu HS nhận xét và chốt đáp án  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm | **1. Sử dụng hình ảnh, biểu đồ, video một cách hợp lí.**  - Trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác thường nhằm mục đích cùng nhau thảo luận để tìm hiểu hoặc giải quyết một vấn đề nào đó.  - Trình bày và thảo luận thông tin đạt hiệu quả chúng ta sẽ thu nhận được thêm thông tin có giá trị hoặc thông tin về vấn đề cần quan tâm trở nên chính xác, đầy đủ và sát thực hơn.  - Sử dụng đa phương tiện trong trình bày thông tin cần hợp lí về hình thức và nội dung sao cho người xem dễ theo dõi, hỗ trợ được quá trình trao đổi và hợp tác. Cụ thể là:  + Về hình thức: Thực hiện nguyên tắc “1, 3, 5, 7”. Tức là “Không quá 1 video, 3 hình ảnh, 5 ý, 7 dòng trên 1 trang chiếu”  + Về nội dung: Nếu đưa vào đường liên kết của Video, cần dẫn nguồn. Không nên lạm dụng đa phương tiện vì nó làm cho người tham gia dễ bị phân tâm, khó tập trung vào vấn đề cần trao đổi và thảo luận. |

**Hoạt động 2.2: Thực hành sử dụng đa phương tiện ở bài trình chiếu trong trao đổi và hợp tác (20 phút)**

**a) Mục tiêu:** Biết cách chèn video, chèn biểu đồ trên trang chiếu.

**b) Nội dung:** Sử dụng đa phương tiện ở bài trình chiếu trong trao đổi và hợp tác.

**c) Sản phẩm:** Bài thực hành trên máy.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Gv yêu cầu hs quan sát video hướng dẫn chèn video và chèn biểu đồ trên trang chiếu.  - Yêu cầu hs nhắc lại thao tác thực hiện.  + Thao tác chèn video   * Cchèn video có sẵn trên máy tính. * Cchèn video có trên Internet.   + Thao tác chèn biểu đồ vào trang chiếu.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát video, trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV: Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Gv yêu cầu hs, dựa vào kiến thức đã học ở trên hãy thực hiện chèn Video, biểu đồ vào trang chiếu.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận, thống nhất cách làm và hoàn thiện nội dung thực hành.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm.  - GV: Chiếu bài của một số nhóm. HS cả lớp nhận xét, đánh giá bài của nhóm bạn  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của các nhóm.  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm | **2.** **Thực hành sử dụng đa phương tiện ở bài trình chiếu trong trao đổi và hợp tác.**  \* Các bước chèn video vào trang chiếu.  B1: Chọn trang chiếu cần chèn Video.  B2: Insert/Video trong nhóm lệnh Media.  + Chọn This Device…: Video có trong máy tính.  + Chọn Online Videos…: Video trên Internet (Gõ địa chỉ trang wed chứa video cần chèn)  \* Các bước chèn biểu đồ vào trang chiếu.  B1: Chọn trang chiếu cần chèn biểu đồ.  B2: Insert/Chart (trong nhóm lệnh Illustrations) 🡪 Chọn loại biểu đồ cần chèn trong hộp thoại Insert Chart.  B3: Nhập dữ liệu vào cửa sổ trang tính vừa xuất hiện, biểu đồ tương ứng sẽ được tự động tạo ra trên trang chiếu. |

**3. Hoạt động LUYỆN TẬP** (7 phút)

**a) Mục tiêu:** Thông qua bài làm để củng cố lại bài

**b) Nội dung:** Sử dụng bài trình chiếu trong trao đổi thông tin.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Yêu cầu học sinh đọc nội dung câu hỏi và trả lời phần luyện tập (SGK-30).

- Hs thực hiện yêu cầu.

- Gv gọi hs nhận xét, đánh giá. Củng cố lại kiến thức bài học.

**4. Hoạt động VẬN DỤNG** (3 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập có nội dung gắn liền với thực tiễn

**b) Nội dung:** Hãy tạo một bài trình chiếu sử dụng đa phương tiện trình bày thông tin cần trao đổi, hợp tác để giải quyết một vấn đề nào đó do em đề xuất.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập:** Em hãy tạo một bài trình chiếu sử dụng đa phương tiện trình bày thông tin cần trao đổi, hợp tác để giải quyết một vấn đề nào đó do em đề xuất.

**\* HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hành. Nếu không đủ thời gian có thể cho phép HS làm ở nhà.

**\* Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày sản phẩm nếu hoàn thiện

**\* Kết luận, nhận định**

- Tuyên dương những sản phẩm hay, phù hợp

- Hướng dẫn chuẩn bị bài học sau.

**HỒ SƠ HỌC TẬP**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Câu 1:** Mục đích và tác dụng của việc trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác?

**Câu 2:** Theo em, sử dụng các hình ảnh, biểu đồ, video như thế nào là hợp lí để trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác?

\* Về hình thức:

\* Về nội dung:

**Ký duyệt:25 / 10 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 20 /10 /2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / /2024. Lớp 9B dạy ngày / /2024

Lớp 9C dạy ngày / /2024. Lớp 9D dạy ngày / /2024

Tuần 10

**Tiết 10: KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**I. Xác định mục tiêu:**

***1.******Kiến thức:***

- Giúp học sinh hệ thống lại kiến thức của chủ đề A,C, D.

- Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh sau khi học xong nửa học kì I năm học **2024- 2025** để từ đó có phương pháp uốn nắn kịp thời ở cuối học kì I của năm học. Cụ thể, kiểm tra về:

+ Chủ đề A: Máy tính và cộng đồng

+ Chủ đề C: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.

+ Chủ đề D: Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số.

***2.Năng lực:*** Giúp HS hình thành và phát triển

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự giác, tích cực, tự mình hoàn thành nội dung bài kiểm tra để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh vận dụng linh hoạt kiến thức đã học để làm đề.

- Năng lựcsử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; Ứng xử phù hợp trong môi trường số **(Nla và NLb)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - Năng lựchệ thống lại kiến thức đã học; Giải quyết *Tỉ lệ %* | 40% | 30% | 20% | 10% | 100% |

***II. Xây dựng đề kiểm tra:***

**1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I - MÔN TIN HỌC LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/  chủ đề | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng  % điểm |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | Chủ đề A: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỘNG | Vai trò của máy tính trong đời sống | 5 |  | 3 |  |  |  |  |  | 26% |
| **2** | Chủ đề C: TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN | Đánh giá chất lượng thông tin trong giải quyết vấn đề | 5 |  | 5 |  |  | 1 |  |  | 35,5% |
| **3** | Chủ đề D: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ | Một số vấn đề pháp lí về sử dụng dịch vụ Internet số | 6 |  | 4 |  |  | 1 |  |  | 35,5% |
| **4** | CHỦ ĐỀ E: ỨNG DỤNG CỦA TIN HỌC | Phần mềm mô phỏng và khám phá tri thức |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 3,0% |
| *Tổng* | | | ***16*** |  | ***12*** |  |  | ***2*** |  | ***1*** |  |
| Tỉ lệ % | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | 100% |
| Tỉ lệ chung | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - MÔN TIN HỌC LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/  Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | | |
| Nhận biết | Thông  hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1** | Chủ đề A: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỘNG | Vai trò của máy tính trong đời sống | **Nhận biết**  - Nhận biết được sự có mặt của các thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin ở khắp nơi( trong gia đình, ở trường học, cửa hàng…), trong mọi lĩnh vực( y tế, ngân hàng…). Nêu được ví dụ minh họa.  - Nêu được khả năng của máy tính  - Nêu được ví dụ về ứng dụng thực tế của máy tính trong khoa học kĩ thuật và đời sống.  Câu 1,2,3,4,5  **Thông hiểu**  - Hiểu và giải thích được vai trò của bộ xử lí trong một số thiết bi thường gặp hàng ngày( máy tính bỏ túi, máy vi tính…)  - Giải thích được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội với các ví dụ minh họa  **Vận dụng**  - Thể hiện được ý thức khai thác các ứng dụng của máy tính phục vụ học tập và cuộc sống  Câu 6, 7,8 | 5TN | 3TN |  |  |
|  | Chủ đề C: TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN | Đánh giá chất lượng thông tin trong giải quyết vấn đề | **Nhận biết**  - Nêu được các tính chất quan trọng làm nên chất lượng của thông tin: tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được  - Nêu được ví dụ minh họa cho mỗi tính chất trong 4 tính chất nói trên của thông tin  - Nhận biết được mỗi tính chất của thông tin trong một ví dụ cụ thể  Câu 9,10,11,12,13  **Thông hiểu**  - Giải thích được sự cần thiết phải quan tâm đến chất lượng của thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin. Nêu được ví dụ minh họa  - Giải thích được tính mới, tính chính xác, tính đây đủ, tính sử dụng được của thông tin. Nêu được ví dụ minh họa Câu 14,15,16,17,18  **Vận dụng**  - Với một vấn đề cụ thể cần giải quyết( phù hợp lưa tuổi), biết tìm kiếm và chọn lọc thông tin có chất lượng giúp giải quyết vấn đề đặt ra  Câu 29 | 5TN | 5TN | TL29 |  |
|  | Chủ đề D: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ | Một số vấn đề pháp lí về sử dụng dịch vụ Internet | **Nhận biết**  - Nêu được một số nội dung liên quan đến luật Công nghệ thông tin, nghị định về sử dụng dịch vụ Internet, các khía cạnh pháp lí của việc sở hữu, sử dụng và trao đổi thông tin.  Câu 19,20,21, 22,23,24  **Thông hiểu**  - Giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số. Ví dụ: thu âm, quay phim, chụp ảnh khi không được phép, dùng các sản phẩm văn hoá vi phạm bản quyền, ...  Câu 25,26,27,28  **Vận dụng**  - Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hóa và không vi phạm pháp luật.  Câu 30 | 6TN | 4TN | TL 30 |  |
|  | CHỦ ĐỀ E: ỨNG DỤNG CỦA TIN HỌC | Phần mềm mô phỏng và khám phá tri thức | **Vận dụng cao**  - Sử dụng được phần mềm mô phỏng trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. Vận dụng được một số hàm tính cơ bản  Câu 31 |  |  |  | TL |
| Tổng | | |  | 16 TN | 12 TN | 2 TL | 1 TL |
| *Tỉ lệ %* | | |  | 40% | 30% | 20% | 10% |
| Tỉ lệ chung | | |  | 70% | | 30% | | |

3.ĐỀ KIỂM TRA

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TIN 9**

1. **TRẮC NGHIỆM( 7 ĐIỂM)**

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:***

**Câu 1:** Máy móc thiết bị có thể thực hiện chức năng nào dưới đây mà không cần phải có bộ xử lí thông tin?

1. Khi chụp ảnh bằng điện thoại thông minh, máy tính nhận ra tình trạng thiếu ánh sáng của mội trường xung quanh và tự động bật đèn flash
2. Smart tivi tiếp nhận và thực hiện những yêu cần bằng giọng nói của người dùng
3. Xe nổ máy khi có người ấn nút khởi động xe
4. Xe gắn máy và xe hơi thu thập thông tin về nhiệt độ bên ngoài và tốc độ hiện tại của xe, từ đó điều khiển việc bơm xăng và đánh lửa để tiết kiệm nhiên liệu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường

**Câu 2:** Tác động tích cực của máy tính đối với giáo dục và đào tạo

1. Truyền thông và chia sẻ thông tin
2. Phát triển nhiều dịch vụ
3. Thúc đẩy phát triển kinh tế
4. Mở rộng phạm vi phát triển tri thức

**Câu 3:** Quản lí dữ liệu công dân là ứng dụng của máy tính trong lĩnh vực

1. Giải trí C. Quản lí hành chính
2. Giáo dục D. Tài chính ngân hàng

**Câu 4:** Đâu là ứng dụng thực tế của máy tính trong lĩnh vực y tế

1. Điều khiển máy chụp cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp vi tính
2. Thực hiện các phần mềm trình chiếu, các khóa học trực tuyến
3. Là công cụ quản lí cơ sở hạ tầng, thực thi Chính phủ điện tử
4. Điều khiển dây chuyền sản xuất tự động trong nhà máy.

**Câu 5:** Đâu không phải là khả năng của máy tính đã giúp nó có nhiều ứng dụng trong khoa học và thực tế?

1. Tính toán, xử lí nhanh và chính xác
2. Lưu trữ được dữ liệu với kích thước lớn
3. Truyền dữ liệu qua khoảng cách xa với tốc độ và độ chính xác cao
4. Nhận biết những thông số trạng thái của môi trường xung quanh

**Câu 6:** Công việc của bộ xử lí trong máy tính bỏ túi là gì?

1. Hiển thị kết quả
2. Tính toán, xử lí dữ liệu
3. Lưu trữ với kích thước lớn
4. Truyền dữ liệu qua mạng với tốc độ cao

**Câu 7**: Ý nào không nói về tác động tích cực của công nghệ thông tin, với giáo dục và khoa học kĩ thuật và đời sống xã hội?

1. Đào tạo trực tuyến( E-learning) giúp người học chủ động lựa chọn, nội dung phương thức học tập một cách linh hoạt theo nhu cầu
2. Máy tính hỗ trợ việc thiết kế kiến trúc và máy móc thông qua các phần mềm trợ giúp thiết kế
3. Sự xuất hiện thương mại điện tử và mua bán trực tuyến đã giúp các giao dịch giưa doanh nghiệp với khách hàng trở nên nhanh chóng, tiện lợi và dễ kiểm soát
4. Liên tục nhìn vào màn hình máy tính trong thời gian dài có thể gây ra bệnh khô mắt và suy giảm thị lực

**Câu 8:** Thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin hiện diện trong hầu hết các lĩnh vực của cuộc sống, thiết bị nào vừa đóng vai trò quan trọng trong giáo dục đào tạo vừa xuất hiện trong nhiều lĩnh vực khác?

A.Máy tính cá nhân (PC) C. Đồng hồ thông minh

B.Máy tính bỏ túi D. Điện thoại thông minh

**Câu 9:** Tính chất nào sau đây mô tả rằng thông tin phải được cập nhật và không lỗi thời?

A. Tính mới B. Tính chính xác C. Tính đầy đủ D. Tính sử dụng được

**Câu 10:** Ví dụ nào sau đây minh họa cho tính chính xác của thông tin?

A. Một bản tin thời sự phát hành hàng ngày

B. Một bài báo khoa học với số liệu và trích dẫn rõ ràng

C. Một cuốn sách chứa nhiều thông tin chi tiết về một chủ đề

D. Một phần mềm có thể cài đặt và sử dụng trên nhiều nền tảng khác nhau

**Câu 11:** Tính chất nào của thông tin được thể hiện qua việc một báo cáo bao gồm tất cả các số liệu cần thiết để ra quyết định?

A. Tính mới

B. Tính chính xác

C. Tính đầy đủ

D. Tính sử dụng được

**Câu 12:** Ví dụ nào sau đây minh họa cho tính sử dụng được của thông tin?

A. Một bài viết về xu hướng công nghệ mới nhất

B. Một báo cáo tài chính với các con số chính xác và rõ ràng

C. Một hướng dẫn sử dụng phần mềm giúp người dùng thao tác dễ dàng

D. Một cuốn sách lịch sử với nhiều thông tin chi tiết và bổ ích

**Câu 13:** Một trang web tin tức cung cấp các bài viết cập nhật hàng giờ là ví dụ của tính chất nào của thông tin?

A. Tính mới B. Tính chính xác C. Tính đầy đủ D. Tính sử dụng được

**Câu 14:** Tại sao chúng ta cần quan tâm đến chất lượng của thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin?

A. Để đảm bảo thông tin được cập nhật và có giá trị

B. Để giảm chi phí tìm kiếm thông tin

C. Để tăng lượng thông tin tiếp nhận

D. Để chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng

**Câu 15:** Ví dụ nào sau đây minh họa cho tính mới của thông tin?

A. Một báo cáo tài chính của năm 2020

B. Một bài viết về xu hướng công nghệ năm 2024

C. Một cuốn sách lịch sử viết về thế kỷ 19

D. Một hướng dẫn sử dụng phần mềm cũ

**Câu 16:** Tính chính xác của thông tin được thể hiện qua ví dụ nào sau đây?

A. Một bài viết có trích dẫn từ các nguồn uy tín và có kiểm chứng

B. Một bài viết có nội dung phong phú và đa dạng

C. Một báo cáo với nhiều hình ảnh minh họa đẹp mắt

D. Một video giải trí có nhiều lượt xem

**Câu 17:** Tại sao tính đầy đủ của thông tin lại quan trọng khi trao đổi thông tin?

A. Để tiết kiệm thời gian đọc

B. Để đảm bảo người nhận có đủ thông tin cần thiết để hiểu và ra quyết định

C. Để tăng lượng thông tin trao đổi

D. Để tạo sự thu hút cho người đọc

**Câu 18:** Một hướng dẫn sử dụng phần mềm rõ ràng và dễ hiểu là ví dụ của tính chất nào của thông tin?

A. Tính mới

B. Tính chính xác

C. Tính đầy đủ

D. Tính sử dụng được

**Câu 19:** Luật Công nghệ thông tin quy định hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật?

A. Sử dụng phần mềm miễn phí

B. Truy cập trái phép vào hệ thống máy tính của người khác

C. Chia sẻ tài liệu học tập qua mạng xã hội

D. Tìm kiếm thông tin trên Internet

**Câu 20:** Theo Nghị định 72/2013/NĐ-CP, hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm khi sử dụng dịch vụ Internet?

A. Sử dụng email để gửi thông tin cá nhân

B. Chia sẻ tài liệu học tập với bạn bè

C. Phát tán thông tin giả mạo, sai sự thật

D. Tham gia các diễn đàn học tập trực tuyến

**Câu 21:** Luật Sở hữu trí tuệ bảo vệ quyền của chủ sở hữu đối với tác phẩm nào sau đây?

A. Tác phẩm văn học

B. Phần mềm máy tính

C. Tác phẩm nghệ thuật

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 22:** Việc sao chép và phân phối phần mềm không có bản quyền là vi phạm:

A. Luật Giao thông đường bộ

B. Luật Sở hữu trí tuệ

C. Luật Giáo dục

D. Luật Thương mại

**Câu 23:** Theo quy định của pháp luật, việc sử dụng thông tin cá nhân của người khác mà không có sự đồng ý của họ là:

A. Hợp pháp nếu không gây hại

B. Vi phạm quyền riêng tư

C. Chỉ vi phạm khi sử dụng cho mục đích thương mại

D. Hợp pháp nếu sử dụng trong nội bộ

**Câu 24:** Theo Nghị định 72/2013/NĐ-CP, cá nhân sử dụng dịch vụ Internet phải:

A. Chia sẻ tự do mọi thông tin mà không cần kiểm duyệt

B. Đảm bảo tính toàn vẹn, bảo mật của thông tin cá nhân

C. Sử dụng thông tin cá nhân của người khác nếu cần thiết

D. Cung cấp thông tin cá nhân cho mọi dịch vụ trực tuyến

**Câu 25:** Tại sao việc thu âm, quay phim, chụp ảnh người khác khi không được phép là vi phạm đạo đức và pháp luật?

A. Vì đó là một hành vi lịch sự

B. Vì nó có thể làm người khác khó chịu

C. Vì nó xâm phạm quyền riêng tư và có thể vi phạm pháp luật

D. Vì đó là một hành động thú vị

**Câu 26:** Việc sử dụng phần mềm hoặc sản phẩm văn hóa không có bản quyền là vi phạm pháp luật vì lý do nào sau đây?

A. Nó giúp tiết kiệm chi phí B. Nó không gây hại cho ai

C. Nó vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của tác giả

D. Nó giúp công nghệ phát triển nhanh hơn

**Câu 27:** Hành vi phát tán thông tin sai lệch trên mạng xã hội có thể gây ra hậu quả gì?

A. Tăng lượng người theo dõi trên mạng xã hội

B. Gây hiểu lầm, hoang mang trong dư luận

C. Tạo ra nhiều thông tin đa dạng

D. Tạo ra sự chú ý của mọi người

**Câu 28:** Hành vi chia sẻ tài liệu học tập mà không ghi rõ nguồn gốc là vi phạm điều gì?

A. Quyền tự do ngôn luận B. Quyền riêng tư

C. Quyền tác giả D. Quyền học tập

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 29:** Hãy giải thích tại sao việc tổ chức lưu trữ thông tin và tìm kiếm thông tin một cách có hệ thống là quan trọng trong công việc học tập và làm việc. Đưa ra một ví dụ cụ thể để minh họa.

**Câu 30:** Hãy nêu ba cách để đảm bảo sản phẩm số mà em tạo ra tuân thủ các quy định về đạo đức, pháp luật và văn hóa. Đưa ra một ví dụ cụ thể về việc em thực hiện hoặc dự định thực hiện các cách này.

**Câu 31**: Giải thích mục đích của phần mềm mô phỏng trong việc học và nghiên cứu. Nêu ba lợi ích chính của việc sử dụng phần mềm mô phỏng trong giáo dục.

**3. HƯỚNG DẪN CHẤM – BIỂU ĐIỂM**

**A. Trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| Đáp án | **C** | **D** | **C** | **A** | **D** | **B** | **D** | **A** | **A** | **B** | **C** | **C** | **A** | **A** |
| Câu | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| Đáp án | B | A | B | D | B | C | D | B | B | B | C | C | B | C |

**B. Tự luận:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **29**  **(1,0đ)** | 1. **Tổ chức lưu trữ thông tin**:   **Tại sao quan trọng**: Giúp dễ dàng tìm kiếm và truy cập thông tin, tiết kiệm thời gian, và giảm thiểu nguy cơ mất mát dữ liệu.  **Ví dụ minh họa**: Khi tổ chức tài liệu học tập trong các thư mục riêng biệt theo môn học (Toán, Lý, Hóa), em có thể nhanh chóng tìm thấy tài liệu cần thiết cho mỗi môn học mà không phải mất nhiều thời gian tìm kiếm.   1. **Tìm kiếm thông tin**:   **Tại sao quan trọng**: Giúp nhanh chóng tìm được thông tin cần thiết, nâng cao hiệu quả làm việc và học tập.  **Ví dụ minh họa**: Sử dụng chức năng tìm kiếm trên máy tính để tìm file “Bài tập nhóm” trong thư mục “Dự án” giúp em nhanh chóng lấy lại tài liệu cần thiết cho buổi thuyết trình. Có thể sử dụng cây thư mục. | 0,5  0,5 |
| **30**  **(1,0đ)** | **Các cách đảm bảo:**   * Tôn trọng bản quyền: Sử dụng tài nguyên có giấy phép hoặc tạo nội dung gốc. * Bảo vệ quyền riêng tư: Không thu thập hoặc chia sẻ thông tin cá nhân mà không có sự đồng ý. * Tránh nội dung gây hại: Đảm bảo sản phẩm không chứa thông tin sai lệch hoặc gây xúc phạm.   **Ví dụ minh họa:**  Khi làm một dự án nhóm về nghiên cứu khoa học, em chỉ sử dụng hình ảnh và dữ liệu từ các nguồn hợp pháp, không lấy thông tin cá nhân của người khác mà không xin phép và tránh chia sẻ các thông tin chưa được kiểm chứng. | 0,25  0,25  0,5 |
| **31**  **(1,0đ)** | **Mục đích:**  Phần mềm mô phỏng giúp tái tạo các tình huống thực tế để nghiên cứu hoặc thực hành mà không cần phải thực hiện thực tế.  **Lợi ích:**   * Cung cấp môi trường học tập an toàn và không tốn kém. * Cho phép thử nghiệm và lỗi mà không ảnh hưởng đến thực tế. * Giúp học sinh hoặc người dùng hiểu sâu hơn về các khái niệm qua trải nghiệm thực tế. | 0,5  0,5 |

**Ký duyệt: 1 / 11 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 5 /11 /2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / /2024. Lớp 9B dạy ngày / /2024

Lớp 9C dạy ngày / /2024. Lớp 9D dạy ngày / /2024

**CHỦ ĐỀ E2 TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRONG TRAO ĐỔI VÀ HỢP TÁC**

Tuần 11

**Tiết 11: BÀI 2: SỬ DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRONG TRAO ĐỔI VÀ HỢP TÁC**

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:**

- Biết được khả năng đính kèm văn bản, ảnh, video, trang tính vào sơ đồ tư duy.

- Sử dụng được sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác.

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như:

- Năng lực tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về sơ đồ tư duy và cách sử dụng sơ đồ tư duy trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh so sánh được ưu điểm của sơ đồ tư duy

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân biệt được hai thuật ngữ “chèn” và “đính kèm”.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

- HS biết và thực hiện được cách đính kèm các loại tệp khác nhau vào sơ đồ tư duy một cách hợp lí.

- Giải thích được tác động của công nghệ thông tin tới xã hội, trong đó có giáo dục.

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3. Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, máy chiếu (TV), phiếu học tập, …

**2. Học liệu:**

- GV:

+ SGK, SBT, tài liệu tham khảo

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động khởi động** (5 phút)

**a. Mục tiêu**: Tạo cho học sinh được đóng góp ý kiến về tác dụng của thông tin dạng hình ảnh và video trong sơ đồ tư duy.

**b. Nội dung:** Vấn đáp: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS cho câu hỏi mở đầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV video giới thiệu về một lễ hội hoặc một chuyến tham quan du lịch. Nêu câu hỏi:  Theo em có nên đưa hình ảnh và video vào sơ đồ tư duy không? Vì sao?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và suy nghĩ, thảo luận trong lớp  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 1 HS trả lời, nêu những ưu điểm của thương mại điện tử so với hình thức truyền thống: tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho người mua, người mua có thể đặt mua gần như mọi loại hàng hóa, người bán không mất thời gian và tiền thuê cửa hàng.  - GV hướng dẫn hs giải thích được thương mại điện tử có được những ưu điểm trên là nhờ ba khả năng cơ bản của máy tính:  **\* Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá và chuẩn kiến thức.  - GV dẫn dắt HS vào bài học: Giáo viên giới thiệu phần mềm sơ đồ tư duy để trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác và dẫn dắt đến mục 1. | - Nên sử dụng sơ đồ tư duy để giới thiệu về một lễ hội hoặc một chuyến tham quan du lịch. Việc này là một ý tưởng tốt vì nó có thể làm cho sơ đồ tư duy trở nên sinh động và hấp dẫn hơn. |

**2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới** (25 phút)

**Hoạt động 2.1: Khả năng đính kèm tệp của phần mềm sơ đồ tư duy**

**a) Mục tiêu:**

- Biết được sơ đồ tư duy cho phép đính kèm nhiều loại tệp khác nhau: văn bản, bảng tính, hình ảnh, video và âm thanh.

- Phân biệt được giữa “chèn” và “đính kèm” ảnh, video vào sơ đồ tư duy.

- Nhận ra được một ô của sơ đồ tư duy được đính kèm tệp.

**b) Nội dung**: Khả năng đính kèm tệp của các phần mềm sơ đồ tư duy.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập 1:  - GV chiếu Hình 1/SGK trang 31 và trả lời câu hỏi: Dấu hiệu nào giúp em nhận ra có tệp đính kèm? Em hãy phân biệt “đính kèm” (ảnh, video…) với “chèn” (ảnh, video…) vào sơ đồ tư duy.  \* HS thực hiện nhiệm vụ  - HS hoạt động nhóm thảo luận đưa ra câu trả lời  \* Báo cáo, thảo luận  - Đại diện các nhóm trả lời: Có thể trình bày thành 2 ý trình chiếu trên slide:  + Dấu hiệu nào giúp em nhận ra có tệp đính kèm?  + Hãy phân biệt giữa “đính kèm” với “chèn” vào sơ đồ tư duy?   \* Kết luận, nhận định:  - GV đánh giá và chuẩn hóa kiến thức:  + Khi một tệp được đính kèm vào một ô của sơ đồ tư duy, ở trong hoặc bên phải ô sẽ xuất hiện biểu tượng đính kèm hình cái ghim.  + Với những tệp có kích thước lớn khả năng đính kèm những tệp này giúp tạo và trình bày sơ đồ tư duy ngắn gọn, hợp lí.  + Đa số các phần mềm tạo sơ đồ tư duy đều cho phép thể hiện đồng thời hai chức năng trình bày và soạn thảo.  + Việc đính kèm các loại tệp khác nhau vào sơ đồ tư duy giúp bài trình bày có thông tin đa dạng, dễ hiều và hấp dẫn với người tham dự. | 1. Khả năng đính kèm tệp của phần mềm sơ đồ tư duy  - Dấu hiệu nhận biết trong sơ đồ tư duy có tệp đính kèm: Khi một tệp được đính kèm vào một ô của sơ đồ tư duy, ở bên phải ô sẽ xuất hiện biểu tượng hình cái ghim là biểu tượng đính kèm  - Phân biệt “đính kèm” (ảnh, video…) với “chèn” (ảnh, video…) vào sơ đồ tư duy. |

**Hoạt động 2.2: Thực hành sử dụng sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác**

**a) Mục tiêu:** Giúp học sinh biết và thực hiện được cách đính kèm các loại tệp khác nhau vào sơ đồ tư duy một cách hợp lí.

**b) Nội dung:**

**-** Khởi tạo một sơ đồ tư duy với chủ đề trung tâm giới thiệu về một địa điểm tham quan, du lịch. Từ chủ đề trung tâm, hãy trao đổi, thảo luận và đóng góp ý kiến để phát triển nội dung chủ đề bằng các nhánh mới cho sơ đồ tư duy.

- Đính kèm vào sơ đồ tư duy các dạng thông tin như: văn bản, hình ảnh, âm thanh, video và trang tính để làm tăng giá trị và làm giàu thông tin cho vấn đề đang thảo luận.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS cho các câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* Bước 1.** **GV chia lớp thành các nhóm,** nêu nhiệm vụ trong SGK, cho các nhóm chọn địa điểm tham quan du lịch cần giới thiệu cho người xem. GV có thể công khai phiếu tự đánh giá hoạt động nhóm.  **\* Bước 2.** **Tạo tiền đề**  GV giảng kết hợp cả hai mục 2a và 2b trong SGK bằng cách nêu từng bước tổng quát đính kèm tệp vào sơ đồ tư duy và minh họa thực hiện bước đó trên một phần mềm tạo sơ đồ tư duy cụ thể.  **\* Bước 3. Thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn các nhóm:  + Lựa chọn thông tin cần đưa vào sơ đồ tư duy: Lựa chọn tiêu chí/nội dung/dạng thông tin cần giới thiệu về điểm tham quan, du lịch.  VD các dạng thông tin có thể là: bài viết, trang tính đánh giá, hình ảnh, video cảnh đẹp, bài hát hoặc ghi âm lời giới thiệu.  + Thực hiện đưa thông tin vào sơ đồ tư duy: Các thành viên được phân công sưu tập các tệp thông tin trong nhóm sẽ tiến hành tự đánh giá sau khi làm xong sản phẩm.  **\* Bước 4. Báo cáo, đánh giá**  + Từng nhóm báo cáo kết quả tự đánh giá và sản phẩm tạo thành.  + Các nhóm khác nhận xét.  + GV nhận xét và kết luận. | **2. Thực hành sử dụng sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác**  a. Các bước tổng quát đính kèm tệp trong phần mềm sơ đồ tư duy:  - Bước 1. Chọn ô cần đính kèm tệp.  - Bước 2. Tìm lệnh đính kèm tệp, biểu tượng lệnh thường là , tên lệnh có thể là **Attach Files, Attachment** hoặc **Hyperlink**. Lệnh này thuộc dải lệnh hoặc bảng chọn **Insert**.  - Bước 3. Các hộp thoại hướng dẫn mở tệp xuất hiện, chọn tệp cần đính kèm. Sau cùng, nháy chuột vào nút lệnh thực hiện đính kèm tệp. Nút lệnh này thường là **Open** hoặc **Insert**.  b. Đính kèm tệp trong phần mềm sơ đồ tư duy MindManager  - Bước 1. Chọn ô “Ảnh chụp từ cổng trời Quản Bạ”.  - Bước 2. Lần lượt chọn: dải lệnh Insert, các lệnh **Attach File**.  - Bước 3. Trong hộp **Attach File,** chọn nút lệnh . Trong hộp thoại **Select File**, chọn tệp ảnh cần đính kèm rồi chọn **Insert**. Biểu tượng  xuất hiện. Nháy chuột vào biểu tượng này, sẽ xuất hiện trong một cửa sổ riêng. |

**3. Hoạt động Luyện tập** (về nhà hoàn thiện)

**a) Mục tiêu:** Hoàn thành bài tập trong SGK trang 33

**b) Nội dung:** Vận dụng kiến thức đã học để trả lời đúng các câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Đáp án các câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* Giao nhiệm vụ học tập**  - Yêu cầu học sinh hoàn thiện bài tập trong SGK  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Thảo luận theo nhóm bàn  - Cử thành viên đại diện trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận**: Đại diện nhóm cử HS trả lời câu hỏi.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kết quả cuối cùng | Câu 1, 2 đúng.  Câu 3 sai vì có nhiều tệp chứa nội dung có kích thước lớn, việc đính kèm giúp sơ đồ tư duy ngắn ngọn, hợp lí. |

**4. Hoạt động Vận dụng** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn.

**b) Nội dung:** Vận dụng kiến thức đã học

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh theo nhóm và cá nhân.

**Câu 1.** Nhóm em hãy khởi động tạo một sơ đồ tư duy với chủ đề trung tâm nêu vấn đề cần trình bày hoặc cần giải quyết. Từ chủ đề trung tâm, hãy cùng trao đổi, thảo luận để bổ sung vào sơ đồ tư duy các nhánh và chủ đề mới, trong đó có đính kèm những dạng thông tin phong phú và hấp dẫn cho vấn đề đang thảo luận. Chủ đề trung tâm do nhóm tự chọn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** Khởi tạo một sơ đồ tư duy theo yêu cầu trong mục vận dụng SGK/33.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, phân công công việc để thực hiện nhiệm vụ.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn…  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá chéo.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm.  - GV chính xác hoá các câu trả lời của HS.  - GV chốt kiến thức. Giao nhiệm vụ ngoài giờ lên lớp: | Sản phẩm thực hành của học sinh. |

**Ký duyệt: 8 / 11 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 9 / 11/2024 **(TỰ SOẠN SƠ QUA TIẾT 12 ĐỂ ĐỐI PHÓ)**

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / /2024. Lớp 9B dạy ngày / /2024

Lớp 9C dạy ngày / /2024. Lớp 9D dạy ngày / /2024

Tuần 12

**Tiết 12:BÀI 3: THỰC HÀNH TRÌNH BÀY THÔNG TIN ĐA PHƯƠNG TIỆN TRONG TRAO ĐỔI VÀ HỢP TÁC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thực hiện thành thạo các thao tác đính kèm tệp( văn bản, ảnh, âm thanh, video, trang tính) vào bài trình chiếu và sơ đồ tư duy để trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ và tự học:*Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của GV.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

Nêu được những kiến thức đã thu nhận từ việc thực hành thao tác đính kèm tệp vào bài trình chiếu và sơ đồ tư duy để trình bày thông tin

**3. Phẩm chất: .**

* Thành thạo kĩ năng tin học, yêu thích các môn học khác.
* Chăm chỉ trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Tin học 9.
* Phòng máy tính có kết nối Internet.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT Tin học 9.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút).

**a. Mục tiêu:**HS chuẩn bị tâm thế để thực hành.

**b. Nội dung:**GV giới thiệu nội dung thực hành; HS lắng nghe và sẵn sàng thực hành một số thí nghiệm ảo trong Vật lí và Sinh học.

**c. Sản phẩm học tập:**Nội dung nhiệm vụ thực hành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn chung: Nghiên cứu bảng gợi ý trang 34 SGK

- GV yêu cầu HS: *Thao tác theo hướng dẫn, quan sát kết quả nhận được, rút ra kết luận theo yêu cầu.*

- GV giới thiệu cho HS: *đây là thực hành khám phá, rút ra kết luận định tính.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe GV hướng dẫn chung,

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời cả lớp báo cáo công việc cần phải làm trước khi tiến hành thực hành.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét và cho HS vào bài học: **BÀI 3: THỰC HÀNH TRÌNH BÀY THÔNG TIN ĐA PHƯƠNG TIỆN TRONG TRAO ĐỔI VÀ HỢP TÁC**

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (35 phút).

**Hoạt động 1: Thực hành** thao tác đính kèm tệp( văn bản, ảnh, âm thanh, video, trang tính) vào bài trình chiếu và sơ đồ tư duy để trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác

**(20’)**

**a.Mục tiêu:**HS thực hiện theo hướng dẫn của GV và trong SGK để làm thí nghiệm

**b. Nội dung:**HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn trong SGK và thay đổi được các chủ đề.

**c. Sản phẩm học tập:**HS mô tả được sự thay đổi của các đại lượng và rút ra kết luận.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, thảo luận và thực hành khám phá theo nội dung **Nhiệm vụ (SGK – tr34)**  *Làm thực hành:* sử dụng bài trình chiếu hoặc sơ đồ tư duy để trình bày thông tin về một chủ đề, trong đó có vấn đề cần trao đổi, hợp tác để giải quyết.  • Hãy đính kèm các dạng thông tin phong phú (văn bản, ảnh, âm thanh, video, trang tính) cho vấn đề cần trao đổi, thảo luận  - GV gợi ý HS thực hiện theo nội dung **Hướng dẫn**theo SGK.  - Sau khi HS thực hành  và trả lời câu hỏi, GV kết luận về nội dung sử dụng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ thực hành được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày bài thực hành..  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về nội dung sử dụng bài trình chiếu hoặc sơ đồ tư duy để trình bày thông tin về một chủ đề, trong đó có vấn đề cần trao đổi, hợp tác để giải quyết.  - GV chuyển sang hoạt động thực hành của chủ đề khác về *Sơ đồ tư duy một sự kiện* | Hãy sử dụng bài trình chiếu hoặc sơ đồ tư duy để trình bày thông tin về một chủ đề, trong đó có vấn đề cần trao đổi, hợp tác để giải quyết.  • Hãy đính kèm các dạng thông tin phong phú (văn bản, ảnh, âm thanh, video, trang tính) cho vấn đề cần trao đổi, thảo luận.    **Gợi ý một số chủ đề và vấn đề cần giải quyết**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Chủ đề** | **Vấn đề cần giải quyết** | | 1 | Địa điểm du lịch | Quảng bá tốt cho điểm du lịch với các thông tin đa dạng, hấp dẫn và trực quan. | | 2 | Lễ Khai giảng năm học mới | Giới thiệu được nội dung buổi Lễ khai giảng năm học mới với các thông tin minh họa phong phú và trang trọng. |   https://www.edrawsoft.com/mindmaster/images/howto/trip-planning-mind-map.png    *Sơ đồ tư duy một sự kiện*  https://www.meistertask.com/_next/image?url=https%3A%2F%2Fa.storyblok.com%2Ff%2F289344%2F1154x861%2F3ce54cf7c6%2Fscreen-shot-2016-05-24-at-12-05-09.png%2Fm%2F&w=3840&q=75    **Gợi ý một số chủ đề và vấn đề cần giải quyết**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Chủ đề | Vấn đề cần giải quyết | | 3 | Câu lạc bộ  Tin học | Đề xuất được các chủ đề hoạt động của câu lạc bộ Tin học với thông tin sinh động và phù hợp. | | 4 | Giải bài tập môn Vật lí | Xác định được bài toán và cách giải quyết với các thông tin phong phú, phù hợp để hỗ trợ quá trình trao đổi và thảo luận. |   https://matchwarepublicmaps.blob.core.windows.net/161b6fd2-f27e-47a5-9a57-7a901989f122/preview.png |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức để thực hành tạo bài trình chiếu hoặc sơ đồ tư duy để trình bày vấn đề cần thảo luận..

b) *Nội dung*:Bài tập trong sgk tr 34.

c) *Sản phẩm*: Sản phẩm của học sinh thực hành .

d) *Tổ chức thực hiện*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* GV giao nhiệm vụ học tập*  - GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như phần Nội dung ở nhà.  - HS gửi sản phẩm qua hòm thư hoặc không gian lưu trữ trên mạng được GV qui định.  *\* HS thực hiện nhiệm vụ*  - HS thực hành nhiệm vụ về nhà theo hướng dẫn của GV và hoàn thiện sản phẩm ở máy tính ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận*  HS gửi sản phẩm qua hòm thư hoặc không gian lưu trữ trên mạng được GV qui định để GV kiểm tra.  *\* Kết luận, nhận định*  - GV nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả của các nhóm sau khi đã báo cáo ở tiết học sau.  - Các nhóm hoàn thiện câu trả lời ở hoạt động vận dụng để tiết sau báo cáo trước lớp.  - Chuẩn bị bài đọc trước nội dung tiếp theo chủ đề E3: Bài 1 | *Bài tập:Trong buổi sinh hoạt câu lạc bộ Tin học tuần tới, các bạn muốn trao đổi, thảo luận về chủ đề “An toàn khi sử dụng mạng xã hội”. Em hãy tạo bài trình chiếu hoặc sơ đồ tư duy để trình bày các vấn đề cần thảo luận. Trong đó, hãy đính kèm các loại tệp khác nhau (văn bản, ảnh, video,...) để hỗ trợ hiệu quả cho quá trình trao đổi, thảo luận.*  *Gợi ý:Một số hậu quả về sử dụng mạng xã hội không an toàn:*   * *Bị mất thông tin cá nhân.* * *Bị lừa đảo về tài chính.*   *Bị xúc phạm, bôi* |

**Ký duyệt: 15 / 11 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 11 / 11/2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / /2024. Lớp 9B dạy ngày / /2024

Lớp 9C dạy ngày / /2024. Lớp 9D dạy ngày / /2024

**E3. SỬ DỤNG BẢN TÍNH ĐIỆN TỬ NÂNG CAO**

Tuần 13

**Tiết 13: BÀI 1. XÁC THỰC DỮ LIỆU NHẬP VÀO BẢNG TÍNH**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được ý nghĩa của việc xác thực dữ liệu.

- Biết cách thiết lập điều kiện để xác thực dữ liệu, nhập dữ liệu từ danh sách.

**2.Năng lực**

***Năng lực chung:***

*-Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*-Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

*-Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

*-Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học:* Nêu được ý nghĩa của việc xác thực dữ liệu; Biết cách thiết lập điều kiện để xác thực dữ liệu, nhập dữ liệu từ danh sách.

**3.Phẩm chất**

Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, kiên trì thông qua hoạt động luyện tập, thực hành sử dụng tính năng xác thực dữ liệu (Data Validation) của bảng tính điện tử để xác thực, nhập dữ liệu từ danh sách.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Đối với giáo viên**

-SGK, SGV, SBT Tin học 9 - Cánh Diều.

-Máy tính có cài sẵn phần mềm bảng tính.

-Phòng máy tính sẵn sàng để HS thực hành.

-Hình ảnh *Hình 1 – 4*.

-Phiếu học tập: Xác thực dữ liệu trên một số điều kiện.

**2.Đối với học sinh**

SGK, SBT Tin học 9 Cánh Diều.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a.Mục tiêu:**HS làm quen với việc xác thực dữ liệu và thiết lập điều kiện để xác thực dữ liệu.

**b.Nội dung:**GV dẫn dắt vấn đề, HS hoạt động nhóm đôi, quan sát Hình 1 và thảo luận trả lời câu hỏi phần **Khởi động**trang 35 SGK.

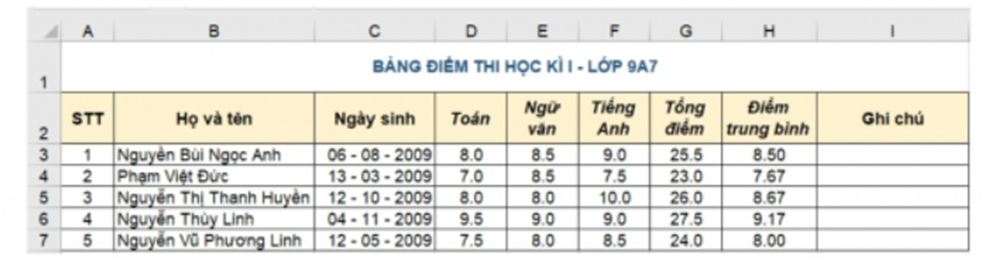
**c.Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS cho câu hỏi phần **Khởi động**trang 35 SGK.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm động nhóm đôi, quan sát Hình 1 và thảo luận trả lời câu hỏi **Khởi động**tr.35 SGK:

*Trong Hình 1, điểm ba môn Toán, Ngữ Văn và Tiếng Anh cần thỏa mãn những điều kiện gì? Em có biết cách để kiểm tra các điều kiện này khi nhập điểm không?*



*Hình 1. Một phần bảng điểm thi học kì*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát Hình 1, thảo luận trả lời câu hỏi **Khởi động**.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1 - 2 nhóm trả lời câu hỏi:

*Gợi ý:*

*+ Trong Hình 1, điểm ba môn Toán, Ngữ Văn và Tiếng Anh cần thỏa mãn điều kiện: số thập phân, lớn hơn 0 và nhỏ hơn hoặc bằng 10.0.*

*+ Có thể sử dụng tính năng xác thực dữ liệu trong Excel để kiểm tra các điều kiện này khi nhập điểm.*

- GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV ghi nhận các câu trả lời của HS.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Vậy làm thế nào để sử dụng được tính năng xác thực dữ liệu trong phần mềm bảng tính? Để trả lời cho câu hỏi trên, Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu –****Bài 1: Xác thực dữ liệu nhập vào bảng tính.***

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** (20 phút)

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về xác thực dữ liệu dựa trên một số điều kiện**

1. **Mục tiêu:**

- Nêu được ý nghĩa của việc xác thực dữ liệu.

- Biết cách thiết lập điều kiện để xác thực dữ liệu.

1. **Nội dung:**
2. **Sản phẩm học tập:**Xác thực dữ liệu dựa trên một số điều kiện.
3. **Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***-*** GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 3 - 4 HS.  - GV yêu cầu các nhóm đọc hiểu thông tin mục 1, quan sát Hình 1 - 2 SGK, thảo luận hoàn thành Phiếu học tập *(Đính kèm dưới hoạt động)*.  - Sau khi hình thành kiến thức về xác thực dữ liệu, GV yêu cầu nhóm HS thực hành các thao tác trên máy tính, sau đó thực hiện bài tập trong hộp **Hoạt động**tr.36 SGK:  *Trong Hình 1, em hãy chọn khối ô****C3:C7****và thực hiện các thao tác sau:*  *- Nháy chuột vào nút lệnh****Data Validation****trên dải lệnh****Data****.*  *- Tại thể****Input Message****và****Error Alert****, thiết lập các thông báo, lời nhắc phù hợp và nháy chuột vào lệnh****OK****.*  *- Quan sát thông báo khi nháy chuột vào ô trong khối ô****C3:C7****.*  *- Nhập ngày sinh không trong năm 2009 và quan sát thông báo lỗi.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm lên trình bày và thực hành các thao tác xác thực dữ liệu trong Phiếu học tập *(Đính kèm dưới hoạt động)*.  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm báo cáo kết quả quan sát được khi thực hiện bài tập **Hoạt động**tr.36 SGK.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về xác thực dữ liệu dựa trên một số điều kiện.  - GV mở rộng thêm ý nghĩa của các kiểu dữ liệu trong mục **Allow**thẻ **Settings**của hộp thoại **Data Validation**:  *Any value: Bất kì giá trị nào*  *Whole number: Số nguyên - ô tính chỉ chấp nhận các số nguyên*  *Decimal: Số thập phân - ô tính chỉ chấp nhận các số thập phân*  *List: Danh sách - chọn dữ liệu từ danh sách thả xuống*  *Date: Ngày tháng - ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu thời gian*  *Time: Thời gian - ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu thời gian*  *Text length: Độ dài văn bản - hạn chế độ dài của văn bản nhập vào ô tính*  *Custom: Tùy chỉnh - cho công thức tùy chỉnh*  - GV chuyển sang hoạt động tiếp theo. | **1. Xác thực dữ liệu dựa trên một số điều kiện**  - Xác thực dữ liệu khi nhập vào bảng tính là để đảm bảo tính đúng đắn của dữ liệu.  - Các bước thiết lập xác thực điều kiện:  *Bước 1.*Nháy chuột vào nút lệnh **Data Validation**trên dải lệnh **Data**, hộp thoại **Data Validation**xuất hiện.  *Bước 2.*Trong mục **Allow**của thẻ **Settings**, nháy chuột chọn kiểu xác thực trong danh sách thả xuống.  *Bước 3.*Trong mục **Data**, nháy chuột chọn kiểu phù hợp.  - Ngoài thẻ **Settings**, hộp thoại **Data Validation**còn có  + Thẻ **Input Message**: thiết lập lời nhắc khi truy cập vào ô tính.  + Thẻ **Error Alert**: thiết lập thông báo khi nhập dữ liệu không thỏa mãn điều kiện. |
| **PHIẾU HỌC TẬP: Xác thực dữ liệu trên một số điều kiện**  **Câu 1.**Vì sao phải xác thực dữ liệu khi nhập vào bảng tính?  - *Xác thực dữ liệu khi nhập vào bảng tính là để đảm bảo tính đúng đắn của dữ liệu.*  **Câu 2.**Trình bày thao tác xác thực dữ liệu cho khối ô **C3:C7** trong *Bảng điểm thi học kì I - Lớp 9A7*bằng cách điền vào chỗ trống dưới đây: | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP: Xác thực dữ liệu trên một số điều kiện**  **Câu 1.**Vì sao phải xác thực dữ liệu khi nhập vào bảng tính?  - *Xác thực dữ liệu khi nhập vào bảng tính là để đảm bảo tính đúng đắn của dữ liệu.*  **Câu 2.**Trình bày thao tác xác thực dữ liệu cho khối ô **C3:C7** trong *Bảng điểm thi học kì I - Lớp 9A7*bằng cách điền vào chỗ trống dưới đây: | | |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về nhập dữ liệu qua danh sách**

1. **Mục tiêu:**HS biết cách nhập dữ liệu từ danh sách.
2. **Nội dung:**GV đặt vấn đề, HS hoạt động nhóm thực hiện thao tác nhập dữ liệu từ một danh sách giá trị có sẵn.
3. **Sản phẩm học tập:**Nhập dữ liệu qua danh sách.
4. **Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho các nhóm HS tiếp tục hoạt động.  - GV đặt vấn đề: *Trong hộp thoại****Data Validation****, ta có thể thiết lập để thao tác nhập dữ liệu vào vùng là thao tác chọn từ một danh sách giá trị có sẵn.*  - GV ví dụ thao tác nhập dữ liệu từ danh sách.  *Hình 4. Ví dụ thao tác nhập dữ liệu từ danh sách*  - GV yêu cầu các nhóm HS đọc thông tin mục 2, quan sát Hình 3 và Hình 4 tr. 36, 37 SGK đề hình thành kiến thức về *thao tác nhập dữ liệu qua danh sách.*  *Hình 3. Ví dụ thiết lập nhập dữ liệu cho cột****Ghi chú****bằng danh sách*  - GV yêu cầu các nhóm thực hiện các thao tác đó trên máy tính.  - GV chú ý HS thiết lập lời nhắc trong thẻ **Input Message**để hướng dẫn nhập liệu và đưa thông báo lỗi phù hợp trong thẻ **Error Alert**.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi **củng cố**tr.37 SGK:  *Trong các câu sau, những câu nào là đúng?*  *1) Trong hộp thoại****Data Validation****, có thể thiết lập thông báo lỗi khi nhập dữ liệu không thỏa mãn điều kiện.*  *2) Nút lệnh****Data Validation****thuộc dải lệnh****Formulas****.*  *3) Các giá trị số nên được xác thực khi nhập vào bảng tính để tránh lỗi khi tính toán.*  *4) Tính năng****Data Validation****cho phép thiết lập chế độ nhập dữ liệu từ danh sách thả xuống.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin mục 2, quan sát Hình 3, 4 tr.36, 37 SGK và thảo luận thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm HS lên trình bày và thực hiện thao tác nhập dữ liệu qua danh sách.  - GV mới 1 - 2 HS xung phong trả lời câu hỏi **củng cố**tr.37 SGK: *Đáp án đúng là 1), 3) và 4)*.  - HS nhóm khác lắng nghe, quan sát và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận.  - GV chuyển sang hoạt động luyện tập. | **2. Nhập dữ liệu qua danh sách**  - Thao tác nhập dữ liệu qua danh sách:  *Bước 1.*Tạo danh sách.  *Bước 2.* Chọn khối ô cần nhập từ danh sách tạo ở *Bước 1*.  *Bước 3.*Mở hộp thoại **Data Validation**và thực hiện lần lượt:  + Tại mục **Allow**: chọn kiểu **List**.  + Tại mục **Source**: nháy chuột chọn mũi tên bên phải, chọn khối ô chứa danh sách đã tạo ở *Bước 1* và nhấn **Enter**.  + Nháy chuột vào nút lệnh **OK**. |

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (12 phút)

1. **Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức về xác thực dữ liệu nhập vào bảng tính.
2. **Nội dung:**GV nêu nhiệm vụ; HS trả lời để trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi **Luyện tập**trang 37 SGK.
3. **Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS cho câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi **Luyện tập**trang 37 SGK.
4. **Tổ chức hoạt động:**

***Nhiệm vụ 1: Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: *Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng*

***Câu 1.*** *Để đảm bảo tính đúng đắn của dữ liệu khi nhập vào bảng tính cần*

*A.xác thực dữ liệu. B. thống kê dữ liệu.*

*C.sắp xếp dữ liệu. D. lọc dữ liệu.*

***Câu 2.****Để sử dụng tính năng xác thực dữ liệu, chọn*

1. *Data/Data Tools/Consolidate.*
2. *Data/Data Tools/Flash Fill.*
3. *Data/Data Tools/Data Validation.*
4. *Data/Data Tools/Remove Duplicates.*

***Câu 3.****Kiểu dữ liệu nào giúp thiết lập thao tác nhập dữ liệu vào vùng ô tính từ một danh sách giá trị có sẵn?*

*A.Any value. B. List. C. Date.                          D. Custom.*

***Câu 4.****Whole number trong thẻ****Settings****của hộp thoại****Data Validation****có nghĩa là*

1. *bất kì giá trị nào.*
2. *danh sách - chọn dữ liệu từ danh sách thả xuống*
3. *độ dài văn bản - hạn chế độ dài của văn bản nhập vào ô tính*
4. *số nguyên - ô tính chỉ chấp nhận các số nguyên.*

***Câu 6.****Để hiển thị nội dung thông báo:*

1. *Chọn****Data/Data Tools/Data Validation****, hộp thoại****Data Validation****xuất hiện. Chọn thẻ****Settings****và nhập nội dung thông báo.*
2. *Chọn****Data/Data Tools/Data Validation****, hộp thoại****Data Validation****xuất hiện. Chọn thẻ****Input Message****và nhập nội dung thông báo.*
3. *Chọn****Data/Data Tools/Data Validation****, hộp thoại****Data Validation****xuất hiện. Chọn thẻ****Output Message****và nhập nội dung thông báo.*
4. *Chọn****Data/Data Tools/Data Validation****, hộp thoại****Data Validation****xuất hiện. Chọn thẻ****Error Alert****và nhập nội dung thông báo.*

***Câu 7.****Vì sao khi nhập dữ liệu màn hình xuất hiện thông báo*

1. *Vì dữ liệu nhập vào không thuộc danh sách cho trước.*
2. *Vì dữ liệu nhập vào không phải kiểu dữ liệu được xác thực.*
3. *Vì độ dài dữ liệu nhập vào ô tính vượt quá độ dài được xác thực.*
4. *Vì chưa chọn danh sách các dữ liệu cần được xác thực.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**Câu 1.** *Đáp án A.* **Câu 2.** *Đáp án C.* **Câu 3.** *Đáp án B.***Câu 4.** *Đáp án D.*

**Câu 5.** *Đáp án D.* ***Câu 6.****Đáp án B.* ***Câu 7.****Đáp án A.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

***Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SGK tr.37***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân thực hiện các bài tập sau:

*Với bảng điểm như trong Hình 1, em hãy thiết lập xác thực dữ liệu cho khối ô điểm ba môn học để chỉ nhập được số thập phân trong khoảng 0 đến 10.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày và thực hiện thao tác trước lớp:

*+ Mở hộp thoại****Data Validation****trên dải lệnh****Data****.*

*+ Tại mục****Allow****: chọn kiểu****Decimal****.*

*+ Tại mục****Data****: chọn****Between****.*

*+ Xuất hiện mục Minimum và Maximum: nhập lần lượt 0 và 10.0.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

...

**Ký duyệt: 22 / 11 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 25 /11 /2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / /2024. Lớp 9B dạy ngày / /2024

Lớp 9C dạy ngày / /2024. Lớp 9D dạy ngày / /2024

Tuần 14

**Tiết 14: BÀI 2. HÀM ĐIỀU KIỆN IF**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Năng lực**

***Năng lực chung:***

*-Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*-Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

*-Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng***

*-*Nêu được quy tắc viết hàm IF và giải thích được quy tắc thực hiện hàm IF.

-Sử dụng được hàm IF trong một số tình huống đơn giản.

**2.Phẩm chất**

Rèn luyện đức tính chăm chỉ, sáng tạo và trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

-SGK, SGV, SBT Tin học 9 - Cánh Diều.

-Máy tính có cài sẵn phần mềm bảng tính.

-Phòng máy tính sẵn sàng để HS thực hành.

**2. Đối với học sinh**

SGK, SBT Tin học 9 Cánh Diều.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** ( 6 phút)

**a. Mục tiêu:**

Dẫn dắt, gợi mở kiến thức cho HS trước khi vào bài học.

**b. Nội dung:**

GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.

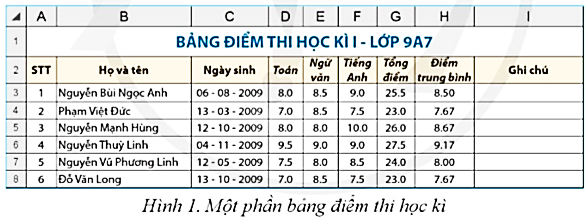
**c. Sản phẩm học tập:**

Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS quan sát Hình 1 SGK trang 35:



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:

*Trong bảng điểm của lớp em như ở Hình 1, hãy thêm cột Tặng quà vào ngay bên trái cột Ghi chú. Muốn điền vào cột Tặng quà từ “Tặng vở” hoặc “-“ tùy theo tổng điểm của từng học sinh, em có biết cách nào để nhanh chóng thực hiện được không?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, hỗ trợ HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS đại diện nhóm trả lời.

***Gợi ý đáp án:***

*Sử dụng hàm điều kiện IF.*

- Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong các tình huống cần điền dữ liệu tự động tùy thuộc vào kết quả đúng sai của một điều kiện, ta sử dụng làm IF. Vậy hàm IF được viết như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài hôm nay –****Bài 2: Hàm điều kiện IF.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 21 phút)

**Hoạt động 1: HÀM ĐIỀU KIỆN IF**

1. **Mục tiêu:**

-Nêu được ý nghĩa của hàm đếm có điều kiện **IF**

-Biết cách sử dụng hàm **IF**

1. **Nội dung:**
2. **Sản phẩm học tập:**Nêu được ý nghĩa và cách sứ dụng hàm đếm có đk.
3. **Tổ chức hoạt động:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***-*** GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 3 - 4 HS, sau đó thực hiện bài tập trong hộp **Hoạt động 1-** tr.38 SGK:   * *Từ bảng dữ liệu có cột Tặng quà tại cột I, em hãy thực hiện các yêu cầu sau:*   *1. Tại ô I3 nhập công thức =IF(G3>=27,“Tặng vở”,“-“) rồi nhấn phím Enter. Em hãy quan sát nội dung tại ô I3 và cho biết có thay đổi gì.*  *2. Thực hiện sao chép công thức từ ô I3 sang khối ô I4:I7 và nêu nhận xét kết quả tại các ô này.*  - GV yêu cầu các nhóm đọc hiểu thông tin hộp HĐ 1, quan sát Hình 1 SGK, thảo luận hoàn thành Phiếu học tập *(Đính kèm dưới hoạt động)*.  GV yêu cầu nhóm HS thực hành các thao tác trên máy tính,  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm lên trình bày và thực hành các thao tác xác thực dữ liệu trong Phiếu học tập *(Đính kèm dưới hoạt động)*.  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm báo cáo kết quả quan sát được khi thực hiện bài tập **Hoạt động**tr.38 SGK.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về hàm đếm có điều kiện . **IF**  - GV mở rộng và chốt kiến thức cho HS  - GV chuyển sang hoạt động tiếp theo. | | **1**. **Hàm điều kiện IF**  - Hàm IF được sử dụng trong các trường hợp cần điền dữ liệu tự đông với giá trị cần điền phụ thuộc vào kết quả đúng hay sai của một điều kiện  - Quy tắc viết hàm:  **IF(<ĐK>,<GT1>,<GT2>)**  -Trong đó:  +) <ĐK> : diễn đạt điều kiện cần thỏa mãn.  Trong đó <ĐK> ở dạng đơn giản là một biểu thức so sánh được viết như sau:  <Biểu thức 1> <phép so sánh> <Biểu thức 2> |
| **PHIẾU HỌC TẬP: Hàm điều kiện IF**     * *Từ bảng dữ liệu có cột Tặng quà tại cột I, em hãy thực hiện các yêu cầu sau:*   *1. Tại ô I3 nhập công thức =IF(G3>=27,“Tặng vở”,“-“) rồi nhấn phím Enter. Em hãy quan sát nội dung tại ô I3 và cho biết có thay đổi gì.*  *2. Thực hiện sao chép công thức từ ô I3 sang khối ô I4:I7 và nêu nhận xét kết quả tại các ô này* | |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu hàm liên kết nhiều điều kiện điều kiện AND; OR**

**a.Mục tiêu:**HS biết biết ý nghĩa và cách sử dụng hàm AND và OR

**b.Nội dung:**GV đặt vấn đề, HS hoạt động nhóm thực hiện tìm hiểu ý nghĩa và cách sử dụng hàm AND; OR

**c.Sản phẩm học tập:**HS quan sát sgk để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d.Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho các nhóm HS tiếp tục hoạt động thảo luận bài tập trong HĐ2:  - GV yêu cầu các nhóm HS đọc thông tin trong HĐ 2 *để trả lời các câu hỏi sau:*  (?) Nêu ý nghĩa của hàm **AND; OR và quy tắc viết hàm AND; OR**  (?) Nêu ví dụ minh họa.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin mục 2, quan sát Bảng 2 tr.39 SGK và thảo luận thực hiện nhiệm vụ được giao thảo luận hoàn trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm HS lên trình bày và thực hiện thao tác các hàm có điều kiện trên máy tính và máy chiếu và trả lời câu hỏi.  - HS nhóm khác lắng nghe, quan sát và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận.  - GV chuyển sang hoạt động luyện tập. | **2. Hàm liên kết nhiều điều kiện điều kiện AND; OR**  **a) Hàm AND**  - Hàm AND trả về giá trị TRUE khi tất cả các biểu thức lôgic trong danh sách tham số đều có giá trị TRUE  Hàm AND trà về giá trị FALSE trong các trường hợp khác.  Hàm **OR trả** trả về giá trị TRUE khi tất cả các biểu thức lôgic trong danh sách tham số đều có giá trị FALSE. Hàm AND trà về giá trị TRUE trong các trường hợp khác.  - Quy tắc viết hàm:  **AND(<ĐK>,<ĐK2>,…)**  **OR(<ĐK>,<ĐK2>,…)**  VD: SGK/ 39 |

**3. Hoạt động 3: Thực hành: Sử dụng hàm IF**

a) *Mục tiêu*: HS thực hành: Sử dụng hàm IF.

b) *Nội dung*:  Nhiệm vụ: Trên bảng dữ liệu tặng quà các em hãy

1) Tạo thêm cột Nhắc việc tại cột J và điều kiện theo quy tắc: Nếu điểm trung bình nhỏ hơn 8 thì ghi “ Tìm hiểu nguyên nhân”, ngược lại ghi là “Đạt”

2) Tạo thêm cột cộng thi đua cột K và điền dữ liệu theo quy tắc: Nếu tổng điểm từ 24 trở lên và không có môn nào dưới 7.5 thì điền giá trị 10, ngược lại thì điền giá trị 0.

c) *Sản phẩm*: Bài thực hành của HS.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- HS ngồi theo nhóm đôi để thực hành trên máy tính, thực hiện theo gợi ý trong sgk tr 40 để hoàn thành nhiệm vụ 1 (lưu ý hoán đổi để mỗi HS được thực hành trực tiếp trên máy một nhiệm vụ).

- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HS khi cần thiết. Trong quá trình quan sát học sinh thực hành, nhận diện các vấn đề cần lưu ý và lựa chọn nhóm HS báo cáo kết quả (nhóm có kết quả đã đạt được theo mục tiêu, nhóm có vấn đề cần lưu ý,...)

- GV sử dụng công cụ quản lý phòng máy (ví dụ: NetSupport School,...) để HS báo cáo quá trình thực hành trước lớp.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG** ( 18 phút)

**1.Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức về các hàm đã học

**2.Nội dung:**GV nêu nhiệm vụ; HS trả lời để trả lời câu và câu hỏi **Luyện tập**trang 40 SGK.

**3.Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS câu hỏi **Luyện tập**trang 40 SGK.

**4.Tổ chức hoạt động:**

***Nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SGK tr.40***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân thực hiện các bài tập sau:

* *Sử dụng bảng tính có ít nhất 4 mặt hàng mà em đã tạo ra trong phần Vận dụng của Bài 1, hãy thực hiện yêu cầu sau:*

*- Thêm cột Giảm giá ngay bên cột Thành tiền*

*- Thực hiện điền giá trị cho cột giảm giá theo quy tắc: Nếu số lượng của một mặt hàng từ 3 trở lên thì giảm giá bằng 30% của Thành tiền, còn lại giảm giá bằng 0*

*- Tính tổng số tiền đã giảm và số tiền khách đã trả*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày và thực hiện thao tác trước lớp:

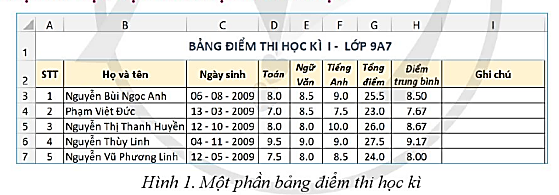
- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Hoàn thành bài tập phần ***Câu hỏi tự kiểm tra*** – SGK tr.40, SBT

- Đọc và tìm hiểu trước bài tiếp theo.

**

**Ký duyệt:29 / 11 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 2 / 12 /2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày /12 /2024. Lớp 9B dạy ngày / 12 /2024

Lớp 9C dạy ngày / 12 /2024. Lớp 9D dạy ngày / 12 /2024

Tuần 15

**Tiết 15: BÀI 3: HÀM ĐIỀU KIỆN IF (tếp theo)**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được quy tắc viết nhiều hàm IF lồng nhau.

- Giải thích được cách thực hiện và xác định được kết quả của công thức có nhiều hàm IF lồng nhau.

2. **Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

*- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học:* Nêu được quy tắc viết nhiều hàm IF lồng nhau. Giải thích được cách thực hiện và xác định được kết quả của công thức có nhiều hàm IF lồng nhau.

**3. Phẩm chất**

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, kiên trì thông qua hoạt động luyện tập, thực hành.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK, SGV, SBT Tin học 9 - Cánh Diều.

- Máy tính có cài sẵn phần mềm bảng tính.

- Phòng máy tính sẵn sàng để HS thực hành.

- Hình ảnh *Hình 1*.

- Phiếu học tập: Xác thực dữ liệu trên một số điều kiện.

**2. Đối với học sinh**

SGK, SBT Tin học 9 Cánh Diều.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** ( 5 phút)

**a. Mục tiêu:**HS làm quen với việc xác thực dữ liệu và thiết lập điều kiện để xác thực dữ liệu.

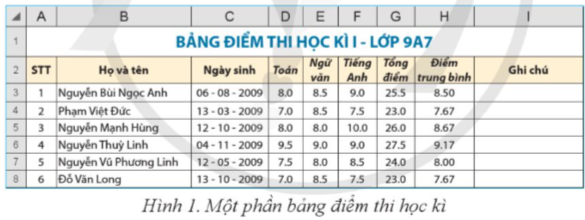
**b. Nội dung:**GV dẫn dắt vấn đề, HS hoạt động nhóm đôi, quan sát Hình 1 và thảo luận trả lời câu hỏi phần **Khởi động**trang 41 SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS cho câu hỏi phần **Khởi động**trang 41 SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS quan sát Hình 1 SGK trang 35:



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:

*Từ bảng dữ liệu điểm thi học kì như trong Hình 1 (trang 35), em có biết cách nào nhanh chóng xếp loại học sinh theo ba mức “Xuất sắc”, “Giỏi” và “---” (tức là không xếp loại) dựa trên tổng điểm của từng học sinh không?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, hỗ trợ HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS đại diện nhóm trả lời.

***Gợi ý đáp án:***

*Sử dụng các hàm IF lồng nhau.*

- Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong các tình huống cần điền dữ liệu tự động trong một ô khi có nhiều hơn hai giá trị dữ liệu cần điền theo các điều kiện, ta có thể sử dụng các hàm IF lồng nhau. Vậy các hàm IF lồng nhau được viết theo quy tắc nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài hôm nay –****Bài 3: Hàm điều kiện IF (tiếp theo).***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về các hàm IF lồng nhau.**

**a. Mục tiêu:** - Nêu được quy tắc viết nhiều hàm IF lồng nhau.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm học tập:**

**-** Biết được quy tắc viết nhiều hàm IF lồng nhau.

- Hoàn thành phiếu học tập để tìm hiểu kiến thức.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***-*** GV yêu cầu HS thảo luận nhóm về hoạt động SGK – 41, thực hành và đưa ra câu trả lời ở phiếu học tập số 1; 2.  - Yêu cầu tạo cột Xếp loại bên phải cột Điểm trung bình và xếp loại như hình 1.  - GV cho các nhóm báo cáo kết quả và đánh giá sơ bộ kết quả.  **Phiếu học tập số 1.** Em hãy cho biết công thức ở ô 13?  ………………………….  **Phiếu học tập số 2.** Em hãy cho biết quy tắc viết 2 hàm IF lồng nhau?  ……………………….  - GV đưa ra quy tắc và lưu ý trong sgk. | **1. Các hàm IF lồng nhau.**  **Hoạt động: (sgk – 41)**    *Hình 1. Một phần bảng điểm thi học kì*  - Học sinh có tổng điểm 27.5 xếp loại “Xuất sắc”; học sinh có tổng điểm 25.5 xếp loại “Giỏi”, học sinh có tổng điểm 23.0 được xếp loại “---”.  - Nhận xét, việc xếp loại được sắp xếp theo nhiều lớp như những câu lệnh IF lồng nhau.  **Phiếu học tập số 1.** Em hãy cho biết công thức ở ô 13?  Trả lời:  =IF(G3>=27,”Xuất sắc”,IF,G3>=24,”Giỏi”,…”))  **Phiếu học tập số 2.** Em hãy cho biết quy tắc viết 2 hàm IF lồng nhau?  Trả lời:  =IF(điều kiện1, giá trị đúng 1, IF(điều kiện 2, giá trị đúng 2, giá trị sai)  **Quy tắc: (sgk – 42)**  - Hàm IF lồng nhau được viết theo quy tắc như sau:  IF(<ĐK1>, <GT1>, IF(<ĐK2>, <GT2>, <GT3>)  - Hàm IF lồng nhau được thực hiện như sau:  + Đầu tiên, xác định kết quả của <ĐK1>  + Nếu kết quả của <ĐK1> là TRUE thì kết quả hàm IF là <GT1>  + Nếu kết quả của <ĐK1> là FALSE thì tiếp tục xác định kết quả của <ĐK2>  + Nếu kết quả của <ĐK2> là TRUE thì kết quả của hàm IF là <GT2>  + Nếu kết quả của <ĐK2> là FALSE thì kết quả của hàm if là <GT3>  **Lưu ý:** <GT3> có thể thay bằng một hàm IF khác, trong hàm IF đó lại có thể chứa thêm hàm IF khác nữa |

**Hoạt động LUYỆN TẬP** ( 10 phút)

**a. Mục tiêu:** Sử dụng được các hàm And, Or, If để thực hànhtheo ywwu cầu của sgk/ 42.

**b. Nội dung:** HS quan sát sgk để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm học tập:**HS hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu kiến thức.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| HS đọc sgk – 42, 43 và thực hành theo yêu cầu, ghi công thức vào phiếu học tập số 3.  **Phiếu học tập số 3.**  **Câu 1:** Cột J thêm cột Phần thưởng: Nếu xếp loại là Xuất sắc ghi 100000, Giỏi là 50000, ngược lại ghi 0.  **Câu 2:** Thay đổi giá trị cột Xếp loại thành  + >=27 điểm: Xuất sắc  + <27 và >=24 điểm: Giỏi  + <24 và >=21 điểm: Khá  + <21 và >=15: Đạt  + Còn lại: Chưa đạt | **2. Thực hành**  **Câu 1:** Cột J thêm cột Phần thưởng: Nếu xếp loại là Xuất sắc ghi 100000, Giỏi là 50000, ngược lại ghi 0.  **Trả lời:**   |  |  | | --- | --- | | Xếp loại | Phần thưởng | | Giỏi | 50000 | | … | 0 | | Giỏi | 50000 | | Xuất sắc | 1000000 | | Giỏi | 50000 | | … | 0 |   **Câu 2:** Thay đổi giá trị cột Xếp loại thành  + >=27 điểm: Xuất sắc  + <27 và >=24 điểm: Giỏi  + <24 và >=21 điểm: Khá  + <21 và >=15: Đạt  + Còn lại: Chưa đạt  **Trả lời:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tổng điểm | Điểm trung bình | Xếp loại | Phần thưởng | | 26.0 | 8.5 | Giỏi |  | | 23.0 | 7.7 | Khá |  | | 26.0 | 8.7 | Giỏi |  | | 27.5 | 9.2 | Xuất sắc |  | | 24.0 | 8.0 | Giỏi |  | | 23.0 | 7.7 | Khá |  | |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** ( 10 phút)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học giải quyết các vấn đề học tập 1 vào thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS làm bài tập sgk.

**c. Sản phẩm học tập:**HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức hoạt động:** GV đưa câu hỏi về nhà.

**- Bài tập sgk – 44**

Trong các câu sau, những câu nào đúng?

1) Không thể sao chép công thức có nhiều hàm **IF**lồng nhau.

2) Trong công thức có hai hàm **IF**lồng nhau, *<ĐK1>* và *<ĐK2>* được xác định kết quả trước, từ đó xác định kết quả của hàm **IF**.

3) Khi dùng ba hàm **IF**lồng nhau, kết quả trả về có tối đa bốn giá trị khác nhau.

4) Trong một công thức có các hàm **IF**lồng nhau, số lượng điều kiện cần bằng số lượng hàm **IF**.

**Trả lời:**

- Câu đúng: 2.

- Câu sai: 1) Không thể sao chép công thức có nhiều hàm **IF**lồng nhau.

3) Khi dùng ba hàm **IF**lồng nhau, kết quả trả về có tối đa bốn giá trị khác nhau.

4) Trong một công thức có các hàm **IF**lồng nhau, số lượng điều kiện cần bằng số lượng hàm **IF**.

**-** Xem lại bài. Đọc trước bài 4. Một số hàm thống kê có điều kiện.

**Ký duyệt: 6 /12 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 2 / 12 /2024

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / 12 /2024. Lớp 9B dạy ngày / 12 /2024

Lớp 9C dạy ngày / 12 /2024. Lớp 9D dạy ngày / 12 /2024

Tuần 16

**Tiết 16: BÀI 4. MỘT SỐ HÀM THỐNG KÊ CÓ ĐIỀU KIỆN**

**I.MỤC TIÊU**

1. **Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Biết sử dụng hàm COUNTIF để đếm dữ liệu có điều kiện.
* Biết sử dụng hàm SUMIF; AVERAGEIFđể tính toán có điều kiện

1. **Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

* *Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học:* Nêu được ý nghĩa của các hàm có điều kiện ; Biết áp dụng các hàm để giải quyết một số tính toán liên quan bảng biểu.

1. **Phẩm chất**

* Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, kiên trì thông qua hoạt động luyện tập, thực hành sử dụng các hàm có điều kiện để giải quyết một số tính toán liên quan bảng biểu .

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Tin học 9 - Cánh Diều.
* Máy tính có cài sẵn phần mềm bảng tính.
* Phòng máy tính sẵn sàng để HS thực hành.
* Hình ảnh *Hình 1.*
* Phiếu học tập: Phiếu điền các kết quả thực hành

1. **Đối với học sinh**

* SGK, SBT Tin học 9 Cánh Diều.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

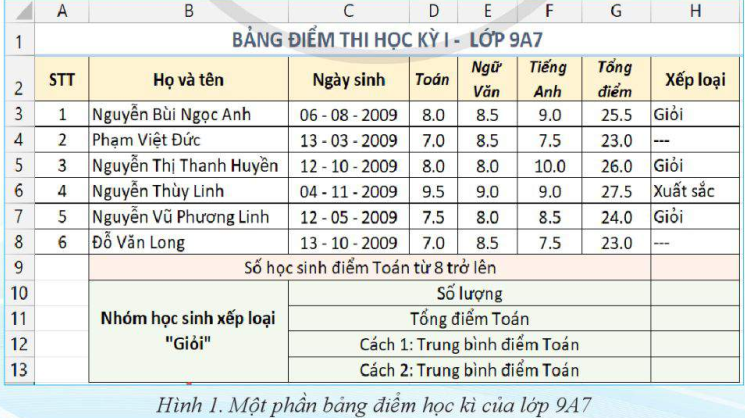
**A.HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** ( 5 phút)

1. **Mục tiêu:**HS làm quen với việc xác thực dữ liệu và thiết lập điều kiện để xác thực dữ liệu.
2. **Nội dung:**GV dẫn dắt vấn đề, HS hoạt động nhóm đôi, quan sát Hình 1 và thảo luận trả lời câu hỏi phần **Khởi động**trang 44 SGK.
3. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS cho câu hỏi phần **Khởi động**trang 44 SGK.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm động nhóm đôi, quan sát Hình 1 và thảo luận trả lời câu hỏi **Khởi động**tr.44 SGK:

*Khi có bảng số liệu như Hình 1. Muốn điền số liệu thống kê môn Toán vào khối ô H9:H13. Có cáchs nào làm nhanh chóng không?*



**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát Hình 1, thảo luận trả lời câu hỏi **Khởi động**.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1 - 2 nhóm trả lời câu hỏi:

- GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV ghi nhận các câu trả lời của HS.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Vậy làm thế nào để thống kê nhanh số lượng dữ liệu thỏa mãn điều kiện nào đó? Để trả lời cho câu hỏi trên, Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu –****Bài 4: Một số hàm thống kê có điều kiện.***

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

**Hoạt động 1: Tìm hiểu hàm đếm có điều kiện COUNTIF**

**a.Mục tiêu:**

- Nêu được ý nghĩa của hàm đếm có điều kiện COUNTIF.

- Biết cách sử dụng hàm đếm.

**b.Nội dung:**

**c.Sản phẩm học tập:**Nêu được ý nghĩa và cách sứ dụng hàm đếm có đk.

**d.Tổ chức hoạt động:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***-*** GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 3 - 4 HS, sau đó thực hiện bài tập trong hộp **Hoạt động 1-** tr.44 SGK:  *- Trong Hình 1, tại ô H9 nhập công thức*  *- Quan sát kết quả xuất hiện tại ô H9, so sánh giá trị ở ô này với số lượng điểm từ 9 trở lên trong khối ô D3:D8.*  *- Thay đổi giá trị tại ô D3; D4 thành 9.0 và nhận xét sự thay đổi tại ô H9.*  - GV yêu cầu các nhóm đọc hiểu thông tin hộp HĐ 1, quan sát Hình 1 SGK, thực hành trên máy, thảo luận hoàn thành Phiếu học tập *(Đính kèm dưới hoạt động)*.  - Sau khi hình thành kiến thức hàm COUNTIF, GV yêu cầu nhóm HS thực hành các thao tác trên máy tính,  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm lên trình bày và thực hành các thao tác trên máy tính, trình chiếu trên máy chiếu  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm báo cáo kết quả quan sát được khi thực hiện bài tập **Hoạt động**tr.44 SGK.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức về hàm đếm có điều kiện COUNTIF.  - GV mở rộng thêm ý nghĩa của các tham số:Tham số <DK> thường có dạng:  +) Một phép so sánh giá trị: Các giá trị trong <DL> thỏa mãn gt này sẽ được đếm, vd: “< 8”; “>= 9”  +) Địa chỉ ô tính: Giá trị nào trong <DL> bằng với gt tại ô này sẽ được tính.  +) Một gt cụ thể: Giá trị nào trong <DL> bằng với gt sẽ được tính.  - GV chuyển sang hoạt động tiếp theo. | **1**. **Hàm đếm có điều kiện COUNTIF**  - Hàm COUNTIF được sử dụng để đếmsố lượng giá trị trong một vùng ô thỏa mãn một điều kiện cho trước  - Quy tắc viết hàm:  =COUNTIF(<DL>,<ĐK>)  -Trong đó:  +) <DL> : Địa chỉ khối ô chứa các giá trị cần xem xét  +) <ĐK> : diễn đạt điều kiện cần thỏa mãn.  -Kết quả trả về của hàm COUNTIF là số lượng giá trị trong <DL> thõa mãn <ĐK>  - VD:  =COUNTIF(D3:D8,“>=8”) cho kết quả số lượng điểm Toán từ 8 trở lên là: 3  =COUNTIF(H3:H8,“Giỏi”) cho kết quả số lượng hs đạt loại Giỏi là : 4 | |
| **PHIẾU HỌC TẬP: Hàm đếm có điều kiện COUNTIF**  - Trong Hình 1, tại ô H9 nhập công thức    **Câu 1.***Quan sát kết quả xuất hiện tại ô H9, so sánh giá trị ở ô này với số lượng điểm từ 8 trở lên trong khối ô D3:D8.*  - *Giá trị là 3, số lượng điểm Toán từ 8 trở lên là 3*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Họ và tên | Ngày sinh | Toán | Ngữ văn | Tiếng  Anh | Tổng điểm | Xếp loại | | 1 | Nguyễn Bùi Ngọc Anh | 6/8/2009 | 8.0 | 8.5 | 9.0 | 25.5 | Giỏi | | 2 | Phạm Việt Đức | 13/03/2009 | 7.0 | 8.5 | 7.5 | 23.0 | --- | | 3 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 12/10/2009 | 8.0 | 8.0 | 10.0 | 26.0 | Giỏi | | 4 | Nguyễn Thùy Linh | 4/11/2009 | 9.5 | 9.0 | 9.0 | 27.5 | Xuất sắc | | 5 | Nguyễn Vũ Phương linh | 12/5/2009 | 7.5 | 8.0 | 8.5 | 24.0 | Giỏi | | 6 | Đỗ Văn Long | 13/10/2009 | 7.0 | 8.5 | 7.5 | 23.0 | --- | |  | Số học sinh điểm Toán từ 8 trở lên | | | | | | 3 | |  | Nhóm học sinh xếp loại "Giỏi" | Số lượng | | | | |  | | Tổng điểm Toán | | | | |  | | Cách 1: Trung bình diểm Toán | | | | |  | | Cách 2:Trung bình điểm Toán | | | | |  |   **Câu 2.***Thay đổi giá trị tại ô D3; D4 thành 9.0 và nhận xét sự thay đổi tại ô H9*   * Khi thay đổi *giá trị tại ô D3; D4 thành 9.0 thì gt tại ô H9 cũng thay đổi thành 4*  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Họ và tên | Ngày sinh | Toán | Ngữ văn | Tiếng Anh | Tổng điểm | Xếp loại | | 1 | Nguyễn Bùi Ngọc Anh | 6/8/2009 | 9.0 | 8.5 | 9.0 | 26.5 | Giỏi | | 2 | Phạm Việt Đức | 13/03/2009 | 9.0 | 8.5 | 7.5 | 25.0 | --- | | 3 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 12/10/2009 | 8.0 | 8.0 | 10.0 | 26.0 | Giỏi | | 4 | Nguyễn Thùy Linh | 4/11/2009 | 9.5 | 9.0 | 9.0 | 27.5 | Xuất sắc | | 5 | Nguyễn Vũ Phương linh | 12/5/2009 | 7.5 | 8.0 | 8.5 | 24.0 | Giỏi | | 6 | Đỗ Văn Long | 13/10/2009 | 7.0 | 8.5 | 7.5 | 23.0 | --- | |  | Số học sinh điểm Toán từ 8 trở lên | | | | | | 4 | |  | Nhóm học sinh xếp loại "Giỏi" | Số lượng | | | | |  | | Tổng điểm Toán | | | | |  | | Cách 1: Trung bình diểm Toán | | | | |  | | Cách 2:Trung bình điểm Toán | | | | |  | | | |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu hàm tính có điều kiện AVERAGEIF và SUMIF**

**a.Mục tiêu:**HS biết biết ý nghĩa và cách sử dụng hàm AVERAGEIF và SUMIF.

**b.Nội dung:**GV đặt vấn đề, HS hoạt động nhóm thực hiện tìm hiểu ý nghĩa và cách sử dụng hàm AVERAGEIF và SUMIF.

**c.Sản phẩm học tập:**

**d.Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho các nhóm HS tiếp tục hoạt động thảo luận bài tập trong hộp HĐ2:  - GV yêu cầu các nhóm HS đọc thông tin trong hộp HĐ 2, quan sát Hình 1 tr. 44 SGK đề hình thành kiến thức về hàm AVERAGEIF và SUMIF  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin mục 2, quan sát Hình 1 tr.45,46 SGK và thảo luận thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện trên máy tính , hoàn thành Phiếu học tập *(Đính kèm dưới hoạt động)*.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm HS lên trình bày và thực hiện thao tác các hàm có điều kiện trên máy tính và máy chiếu và trả lời câu hỏi.  - HS nhóm khác lắng nghe, quan sát và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận.  - GV chuyển sang hoạt động luyện tập. | **2. Hàm tính có điều kiện AVERAGEIF và SUMIF**  **a) Hàm SUMIF**  - Hàm SUMIFT tính tổng một số giá trị trong một khối ô, chỉ những ô thỏa mãn điều kiện nào đó mới nđược tính tổng  - Quy tắc viết hàm:  =SUMIF(<DL1>,<ĐK>,<DL2>)  -VD:  SUMIF(H3:H8,”Giỏi”,D3:D8) : tính tổng điểm Toán của các bạn đạt loại Giỏi.  **b) Hàm AVERAGEIF:**  - Hàm AVERAGEIF : tính trung bình cộng một số giá trị trong một khối ô, chỉ những ô thỏa mãn đk mới được tính.  - Quy tắc viết hàm:  =AVERAGEIF(<DL1>,<ĐK>,<DL2>)  -VD:  = AVERAGEIF (H3:H8,”Giỏi”,D3:D8) |

**PHIẾU HỌC TẬP: Hàm tính có điều kiện AVERAGEIF và SUMIF**



*Câu 1:* Trong Hình 1, tại ô H11 nhập công thức và nhấn Enter

+) Kết quả của hàm trên cho giá trị là : 23,5, là tổng điểm Toán của những hs đạt loại Giỏi

* 

+) Kết quả: 7,833333

 và nhấn Enter

+) Kết quả: 7,833333

*Câu 2:* Em có nhận xét gì về kết quả của 2 ô H11, H12

+) Giống nhau

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Toán | Ngữ văn | Tiếng Anh | Tổng điểm | Xếp loại |
| 1 | Nguyễn Bùi Ngọc Anh | 6/8/  2009 | 8.0 | 8.5 | 9.0 | 25.5 | Giỏi |
| 2 | Phạm Việt Đức | 13/03/2009 | 7.0 | 8.5 | 7.5 | 23.0 | --- |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 12/10/2009 | 8.0 | 8.0 | 10.0 | 26.0 | Giỏi |
| 4 | Nguyễn Thùy Linh | 4/11/2009 | 9.5 | 9.0 | 9.0 | 27.5 | Xuất sắc |
| 5 | Nguyễn Vũ Phương linh | 12/5/2009 | 7.5 | 8.0 | 8.5 | 24.0 | Giỏi |
| 6 | Đỗ Văn Long | 13/10/2009 | 7.0 | 8.5 | 7.5 | 23.0 | --- |
|  | Số học sinh điểm Toán từ 8 trở lên | | | | | | 3 |
|  | Nhóm học sinh xếp loại "Giỏi" | Số lượng | | | | | 3 |
| Tổng điểm Toán | | | | | 23.5 |
| Cách 1: Trung bình diểm Toán | | | | | 7.83333 |
| Cách 2:Trung bình điểm Toán | | | | | 7.83333 |

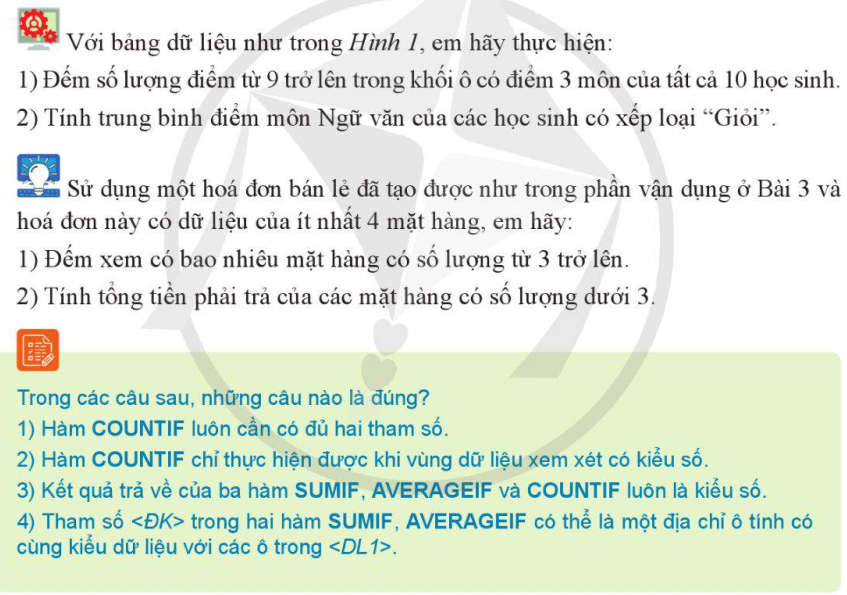
**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG** ( 20 phút)

1. **Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức về các hàm đã học
2. **Nội dung:**GV nêu nhiệm vụ; HS trả lời để trả lời câu và câu hỏi **Luyện tập**trang 37 SGK.
3. **Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS câu hỏi **Luyện tập**trang 46 SGK.
4. **Tổ chức hoạt động:**

***Nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SGK tr.46***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân thực hiện các bài tập sau:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày và thực hiện thao tác trước lớp:

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung…..

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn lại kiến thức đã học, học ghi nhớ SGK

- Hoàn thành bài tập phần ***Câu hỏi tự kiểm tra*** – SGK tr.44, SBT

- Đọc và tìm hiểu trước bài tiếp theo.

**Ký duyệt: 13 / 12 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 16 / 12 /2024 **(tự soạn)**

Ngày dạy: Lớp 9A dạy ngày / /2025. Lớp 9B dạy ngày / /2025

Lớp 9C dạy ngày / /2025. Lớp 9D dạy ngày / /2025

Tuần 17

**Tiết 17: ÔN TẬP HỌC KỲ I**

**I. Xác định mục tiêu:**

***1.******Kiến thức:***

- Giúp học sinh hệ thống lại kiến thức của chủ đề A,C, E để từ đó có phương pháp uốn nắn kịp thời ở cuối học kì I của năm học. Cụ thể, ôn tập các kiến thức về:

+ Chủ đề A: Máy tính và cộng đồng

+ Chủ đề C: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.

+ Chủ đề E: Ứng dụng tin học.

***2.Năng lực:*** Giúp HS hình thành và phát triển

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự giác, tích cực, tự mình ôn tập các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh vận dụng linh hoạt kiến thức đã học để làm bài tập.

- Năng lựcsử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; Ứng xử phù hợp trong môi trường số **(Nla và NLb)**

**3. Về phẩm chất:**

- Rèn luyện đức tính chăm chỉ, sáng tạo

- Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt giữa các giới tính, sẵn lòng hỗ trợ, giúp đỡ người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- GV: SGK, SGV. Hệ thống lại các kiến thức đã học ở chủ đề A, C, E.

- HS: Ôn lại các kiến thức đã học ở chủ đề A, C, E

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động Mở đầu** (6 phút)

**a) Mục tiêu:**

Dẫn dắt, gợi mở kiến thức cho HS trước khi vào bài học.

**b) Nội dung:**

GV trình bày vấn đề; HS nghiên cứu và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:** Bài thuyết trình của học, câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập*

- GV yêu cầu HS trả lời: Trình bày về Hàm tính có điều kiện AVERAGEIF và SUMIF

*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập*

- HS trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi: Trình bày về Hàm tính có điều kiện AVERAGEIF và SUMIF

- GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

*Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập*

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: hôm nay ta ôn tập lại thuật toán đó và các kiến thức đã học ở chủ đề A, C, E để chuẩn bị làm bài kiểm tra.

**2. Hoạt động Hình thành kiến thức**

**3. Hoạt động Luyện tập** (33 phút)

**Hoạt động 3.1: Bài tập trắc nghiệm:**

**a)Mục tiêu:** Hệ thống lại kiến thức của chủ đề F, G thông qua làm các bài tập trắc nghiệm

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS nghiên cứu và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:** Bài thuyết trình của học, câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm và hoạt động cặp đôi trả lời câu hỏi sau:  **I.TRẮC NGIỆM**  **Câu 1.** Máy móc, thiết bị có thể thực hiện chức năng nào dưới đây mà không cần phải có bộ xử lý thông tin?  **A.** Khi chụp ảnh bằng điện thoại thông minh, máy nhận ra tình trạng thiếu ánh sáng của môi trường xung quanh và tự động bật đèn flash.  **B.** Smart tivi tiếp nhận và thực hiện những yêu cầu bằng giọng nói của người dùng.  **C.** Xe nổ máy khi người lái nhấn nút khởi động xe.  **D.** Xe gắn máy và xe hơi thu thập thông tin về nhiệt độ bên ngoài và tốc độ hiện tại của xe, từ đó điều khiển việc bơm xăng và đánh lửa để tiết kiệm nhiên liệu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.  **Câu 2.** Đâu là ứng dụng thực tế của máy tính trong lĩnh vực y tế?  **A.** Điều khiển máy chụp cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp vi tính.  **B.** Thực hiện các phần mềm trình chiếu, các khóa học trực tuyến.  **C.** Là công cụ quản lý cơ sở hạ tầng, thực thi Chính phủ điện tử.  **D.** Điều khiển dây chuyền sản xuất tự động trong nhà máy.  **Câu 3.** Đâu không phải là những khả năng của máy tính đã giúp nó có nhiều ứng dụng trong khoa học và thực tế?  **A.** Tính toán, xử lý số liệu nhanh và chính xác.  **B.** Lưu trữ được dữ liệu với kích thước lớn.  **C.** Truyền dữ liệu qua khoảng cách xa với tốc độ và độ chính xác cao.  **D.** Nhận biết những thông số trạng thái của môi trường xung quanh.  **Câu 4.** Công việc của bộ xử lý trong máy tính bỏ túi là gì?  **A.** Hiển thị kết quả.  **B.** Tính toán, xử lý dữ liệu.  **C.** Lưu trữ dữ liệu với kích thước lớn.  **D.** Truyền dữ liệu qua mạng với tốc độ cao.  **Câu 5.** Ý nào không nói về tác động tích cực của công nghệ thông tin đối với giáo dục, khoa học kĩ thuật và đời sống xã hội?  **A.** Đào tạo trực tuyến (E-learning) giúp người học chủ động lựa chọn nội dung, phương thức học tập một cách linh hoạt theo nhu cầu.  **B.** Máy tính hỗ trợ việc thiết kế kiến trúc và máy móc thông qua các phần mềm trợ giúp thiết kế.  **C.** Sự xuất hiện của thương mại điện tử và mua bán trực tuyến đã giúp các giao dịch giữa doanh nghiệp với khách hàng trở nên nhanh chóng, tiện lợi và dễ kiểm soát.  **D.** Liên tục nhìn vào màn hình máy tính trong thời gian dài có thể gây ra bệnh khô mắt và suy giảm thị lực.  **Câu 6.** Thiết bị có gắn bộ xử lý thông tin hiện diện trong hầu hết các lĩnh vực của cuộc sống, thiết bị nào vừa đóng vai trò quan trọng trong giáo dục đào tạo, vừa xuất hiện trong nhiều lĩnh vực khác?  **A.** Máy tính cá nhân (PC).  **B.** Máy tính bỏ túi.  **C.** Đồng hồ thông minh.  **D.** Điện thoại thông minh.  **Câu 7.** Câu nào dưới đây kể tên đúng các tính chất quan trọng làm nên chất lượng của thông tin?  **A.** Tính có bản quyền, tính phù hợp.  **B.** Tính có bản quyền, tính bảo mật, tính chính xác.  **C.** Tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được.  **D.** Tính chính xác, tính cập nhật, tính bảo mật, tính có bản quyền.  **Câu 8.** Câu nào dưới đây là làm ví dụ về tính mới của thông tin tuyển sinh vào lớp 10?  **A.** Thông tin đọc được trên mạng xã hội.  **B.** Thông tin vừa được một phụ huynh học sinh thông báo.  **C.** Thông tin không trùng lặp với những gì đã biết trước đó.  **D.** Thông tin do Sở giáo dục địa phương gửi đến các trường trung học cơ sở vào thời điểm gần đây nhất.  **Câu 9.** Lớp em tổ chức một buổi chúc mừng sinh nhật một bạn trong lớp, tập thể lớp em đã sử dụng một số thông tin liên quan đến sự kiện này. Hãy chọn dưới đây một ví dụ nói về tính sử dụng được của thông tin.  **A.** Ngày sinh của bạn đó.  **B.** Những quyển sách mà bạn đó đã đọc.  **C.** Những cuộc thi mà bạn đó đã tham gia.  **D.** Quê của bạn được chúc mừng sinh nhật.  **Câu 10.** Câu dưới đây nào đúng khi nói về sự cần thiết phải quan tâm đến chất lượng thông tin trong tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi thông tin để giải quyết vấn đề?  **A.** Thông tin chính xác và đầy đủ là thông tin sử dụng được.  **B.** Cần tìm đầy đủ thông tin để không gây tranh luận trong nhóm giải quyết vấn đề.  **C.** Cần lựa chọn thông tin đã được cập nhật để sử dụng vì những thông tin trước đó có thể đã được đăng ký bản quyền.  **D.** Thông tin không chính xác có thể làm ta hiểu sai vấn đề và không đưa ra được phương án đúng đắn để giải quyết vấn đề.  **Câu 11.** Câu nào dưới đây đúng về tính đầy đủ của thông tin trong quá trình giải quyết vấn đề?  **A.** Đủ sự kiện và số liệu cần thiết.  **B.** Bao gồm nhiều tệp khác nhau.  **C.** Tất cả mọi người xác nhận là đúng.  **D.** Được thu nhận và xử lý bằng máy tính.  **Câu 12.** Giả sử, em muốn tìm mua một quyển truyện để tặng người bạn thân nhân dịp sinh nhật bạn. Trong những ý kiến sau đây, ý kiến nào **sai**?  **A.** Cần biết chính xác ngày sinh của bạn để có thể tặng đúng dịp mừng sinh nhật bạn.  **B.** Mua một quyển truyện em nhìn thấy trong hiệu sách với ảnh ở bìa quyển truyện đó hấp dẫn đối với em.  **C.** Nếu không tìm hiểu nội dung quyển truyện trước khi mua thì quà em tặng bạn có thể không phù hợp với lứa tuổi của bạn.  **D.** Giá của quyển truyện em quan tâm cũng là thông tin cần để em quyết định mua hay không mua.  **Câu 13.** Nút lệnh nào được sử dụng để thiết lập xác thực dữ liệu nhập vào ô tính? A. Insert > Time line.B. Formulas > Logical. C. Data > Data Validation  D. Data > Remove Duplicates.  **Câu 14.** Trong hộp thoại **Data Validation**, nếu cần thiết lập lời thông báo khi dữ liệu nhập vào không thỏa điều kiện xác thực, ta sử dụng thẻ nào sau đây? A. Settings. B. Error Alert.C. Input Message. D. Data Validation. **Câu 15.** Quy tắc viết hàm **IF** là **IF**(<*ĐK*>, <*GT1*>, <*GT2*>). Phát biểu nào sau đây  **không đúng** về các tham số của hàm **IF**?  **A.** *<ĐK*> là một biểu thức so sánh có giá trị hoặc FALSE hoặc TRUE.  **B.** <*GT1*> có thể là một địa chỉ ô tính.  **C.** <*GT2*> có thể là một công thức tính toán.  **D.** <*GT1*> và <*GT2*> phải cùng là địa chỉ ô tính hoặc cùng là công thức tính toán.  **Câu 16.** Đâu là quy tắc viết hàm **AVERAGEIF ?**  **A.** IF(<ĐK>, <GT1>, <GT2>)  B. COUNTIF(<DL>, <ĐK>)  C. SUMIF(<DL1>, <ĐK>, <DL2>)  D. AVERAGEIF(<DL1>,<ĐK>, <DL2>)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  - GV kết luận  - GV chuyển sang nội dung Vận dụng. | **Đáp án:**  I.TRẮC NGIỆM  1C  2A  3D  4B  5D  6A  7C  8D  9A  10D  11A  12B  13C  14B  15D  16D |

**Hoạt động 3.2: Bài tập tự luận:**

**a)Mục tiêu:** Hệ thống lại kiến thức của chủ đề A, C, E.thông qua làm 1 số bài tập tự luận

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS nghiên cứu và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:** Bài thuyết trình của học, câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS nghiên cứu câu hỏi và hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi sau:    Thực hiện các yêu cầu sau:  **Câu 1:** Từ bảng dữ liệu điểm thi học kì 1 như *hình 4* em hãy nêu các bước xác thực dữ liệu cho cột “Ngày sinh”?  **Câu 2:** Từ bảng dữ liệu điểm thi học kì 1 như *hình 4* em hãy nêu các bước nhập danh sách cho cột “Ghi chú”? | Đáp án:  **Câu 1:**  - Bước 1: Nháy chuột vào nút lệnh Data validation  - Bước 2: Nháy chuột chọn kiểu Date tại danh sách thả xuống Allow  - Bước 3: Chọn kiểu between tại hộp danh sách Data và nhập ngày đầu, ngày cuối tại hai ô cuối. Nhấn nút OK  **Câu 2:**  - Bước 1: Tạo danh sách tại ô K3:K6  - Bước 2: Chọn khối ô cần nhập danh sách J3:J8  - Bước 3: Mở hộp thoại Data validation tại Allow chọn List, tại Source chọn K3:K6 nhấn enter cuối cùng nhấn OK |

**4. Hoạt động Vận dụng** ( 6 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức đã học vào làm bài tập thực tế.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS nghiên cứu và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:** Bài thuyết trình của học, câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS làm bài tập: Từ bảng dữ liệu điểm thi học kì 1 như *hình 4* , em có biết cách nào nhanh chóng xếp loại học sinh theo 2 mức “Xuất sắc”, “Giỏi”, dựa trên tổng điểm của từng học sinh?

- Yêu cầu HS xem các phần TÓM TẮT BÀI HỌC trong SGK.

-Chuẩn bị tiết sau làm bài kiểm tra cuối kỳ I.

**Ký duyệt: 20 / 12 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 16 /12/2024

Ngày kiểm tra: Lớp 9A kiểm tra ngày / /202 .

Lớp 9B kiểm tra ngày / /202 .

Lớp 9C kiểm tra ngày / /202 .

Lớp 9D kiểm tra ngày / /202 .

Tuần 18

**Tiết 18:**  **KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**I. Xác định mục tiêu:**

***1.******Kiến thức:***

- Giúp học sinh hệ thống lại kiến thức của chủ đề A,C, E.

- Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh sau khi học xong học kì I năm học **2024- 2025** để từ đó có phương pháp uốn nắn kịp thời ở cuối học kì I của năm học. Cụ thể, kiểm tra về:

+ Chủ đề A: Máy tính và cộng đồng

+ Chủ đề C: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.

+ Chủ đề E: Ứng dụng tin học.

***2.Năng lực:*** Giúp HS hình thành và phát triển

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự giác, tích cực, tự mình hoàn thành nội dung bài kiểm tra để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh vận dụng linh hoạt kiến thức đã học để làm đề.

- Năng lựcsử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; Ứng xử phù hợp trong môi trường số **(Nla và NLb)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - Năng lựchệ thống lại kiến thức đã học; Giải quyết *Tỉ lệ %* | 40% | 30% | 20% | 10% | 100% |

***3. Xây dựng đề kiểm tra:***

**I.KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN TIN HỌC, LỚP 9**

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN TIN HỌC, LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | Tổng |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng** | | 1. Bộ xử lí thông tin ở quanh ta | 3  0,75đ |  | 2  0,5đ |  | 1  0,25đ |  |  |  | 6  1,5đ |
| **2** | **Chủ đề C.**  **Tổ chức lưu trữ tìm kiếm và trao đổi thông tin** | | 2. Chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin | 3  0,75đ |  | 2  0,5đ |  | 1  0,25đ |  |  |  | 6  1,5đ |
| **3** | **Chủ đề E: Ứng dụng tin học** | E3. Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao | 4. Xác thực dữ liệu nhập vào bảng tính | 2  0,5đ |  | 2  0,5đ |  |  | 2  2đ |  |  | 6  3đ |
| 5. Sử dụng hàm điều kiện IF | 3  0,75đ |  | 1  0,25đ |  |  |  |  | 1  1đ | 5  2đ |
| 6. Một số hàm thống kê có điều kiện | 7  1,75đ |  | 1  0,25đ |  |  |  |  |  | 8  2đ |
| **Tổng** | | | | 18  4,5đ  45% | | 8  2đ  20% | | 4  2,5đ  25% | | 1  1đ  10% | | 31  10đ  100% |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN: TIN HỌC LỚP: 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/  Chủ đề | | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng** | | 1. Bộ xử lí thông tin ở quanh ta | **Nhận biết**  • Nhận biết được sự có mặt của các thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin ở khắp nơi (trong gia đình, ở trường học, cửa hàng, bệnh viện, công sở, nhà máy,...), trong mọi lĩnh vực (y tế, ngân hàng, hàng không, toán học, sinh học,..). Nêu được ví dụ minh hoạ.  • Nêu được khả năng của máy tính.  • Nêu được ví dụ về ứng dụng thực tế của máy tính trong khoa học kĩ thuật và đời sống.  **Thông hiểu**  • Hiểu và giải thích vai trò của bộ xử lý trong một số thiết bị thường gặp hàng ngày (máy tính bỏ túi, smart tivi, máy vi tính, xe máy).  • Giải thích được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội với các ví dụ minh hoạ.  **Vận dụng**  Thể hiện được ý thức khai thác các ứng dụng của máy tính phục vụ học tập và cuộc sống. | 3 (TN)  C1, 2, 3 | 2 (TN)  C 4, 5 | 1 (TN)  C6 |  |
| **2** | **Chủ đề C.**  **Tổ chức lưu trữ tìm kiếm và trao đổi thông tin** | | 2. Chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin | **Nhận biết**  • Nêu được các tính chất quan trọng làm nên chất lượng của thông tin: tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được.  • Nêu được ví dụ minh hoạ cho mỗi tính chất trong 4 tính chất nói trên của thông tin.  • Nhận biết được mỗi tính chất của thông tin trong một ví dụ cụ thể.  **Thông hiểu**  • Giải thích được sự cần thiết phải quan tâm đến chất lượng của thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ.  • Giải thích được tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được của thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ.  **Vận dụng**  Với một vấn đề cụ thể cần giải quyết (phù hợp lứa tuổi), biết tìm kiếm và chọn lọc thông tin có chất lượng giúp giải quyết vấn đề đặt ra. | 3 (TN)  C 7, 8, 9 | 2 (TN)  C10, 11 | 1 (TN)  C12 |  |
| **3** | **Chủ đề E: Ứng dụng tin học** | E3. Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao | 3. Xác thực dữ liệu nhập vào bảng tính | **Nhận biết**  • Nêu được ý nghĩa của việc xác thực dữ liệu bằng tính năng **Data Validation** của bảng tính.  • Xác định được nút lệnh **Data Validation** trên dải lệnh.  • Nêu được ý nghĩa của 3 thẻ trong hộp thoại **Data Validation**.  **Thông hiểu**  • Giải thích được tại sao cần phải thực hiện xác thực dữ liệu khi nhập dữ liệu vào bảng tính.  • Phân biệt được chức năng của ba thẻ trong hộp thoại **Data Validation**.  • Xác định được đúng kiểu dữ liệu, điều kiện xác thực từ yêu cầu bài toán.  **Vận dụng**  • Thiết lập được điều kiện xác thực dữ liệu đúng với yêu cầu thực tế. Tổ chức được dữ liệu | 2 (TN)  C13, 14 | 2 (TN)  C22, 28 | 2(TL)  C29, 30 |  |
| 4. Sử dụng hàm điều kiện IF | **Nhận biết**  • Nêu được cách viết hàm **IF, AND, OR**.  • Nêu được một số ví dụ cần sử dụng hàm **IF** để điền dữ liệu cho ô tính.  **Thông hiểu**  • Giải thích được cách thực hiện hàm **IF**, có thể có hàm **AND/OR** trong tham số điều kiện, hàm **IF** lồng nhau.  • Xác định được kết quả của một công thức có sử dụng hàm **IF/AND/OR**.• Giải thích được lý do cần sử dụng hàm **IF** để giải một yêu cầu thực tế đặt ra.  • Xác định được việc cần thiết sử dụng hàm điều kiện **IF** từ yêu cầu bài toán.  **Vận dụng cao**  Viết được công thức tính toán sử dụng hàm **IF/AND/OR**, | 3(TN)  C15, 17, 18 | 1 (TN)  C26 |  | 1(TL)  C31 |
| 5. Một số hàm thống kê có điều kiện | **Nhận biết**  • Nêu được quy tắc viết các hàm thống kê có điều kiện **COUNTIF**, **SUMIF**, **AVERAGEIF**.  • Nêu được một số ví dụ cần sử dụng các hàm thống kê có điều kiện.  **Thông hiểu**  • Giải thích được quy tắc thực hiện của các hàm thống kê có điều kiện.  • Xác định được kết quả của một công thức có hàm thống kê có điều kiện.  • Giải thích được lý do cần sử dụng hàm thống kê có điều kiện để giải quyết một số yêu cầu thực tế.  • Xác định được việc cần thiết sử dụng hàm thống kê có điều kiện từ yêu cầu bài toán. | 7(TN)  C16, 19, 20, 21, 23, 24, 25 | 1 (TN)  C27 |  |  |
| **Tổng** | | | |  | **18** | **8** | **4** | **1** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***45%*** | ***20%*** | ***25%*** | ***10%*** |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**NĂM HỌC 2024-2025**

**Môn: TIN HỌC - LỚP 9**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**I/ TRẮC NGHIỆM: (7đ).**

**CHỦ ĐỀ A**

**Câu 1.** Máy móc, thiết bị có thể thực hiện chức năng nào dưới đây mà không cần phải có bộ xử lý thông tin?

**A.** Khi chụp ảnh bằng điện thoại thông minh, máy nhận ra tình trạng thiếu ánh sáng của môi trường xung quanh và tự động bật đèn flash.

**B.** Smart tivi tiếp nhận và thực hiện những yêu cầu bằng giọng nói của người dùng.

**C.** Xe nổ máy khi người lái nhấn nút khởi động xe.

**D.** Xe gắn máy và xe hơi thu thập thông tin về nhiệt độ bên ngoài và tốc độ hiện tại của xe, từ đó điều khiển việc bơm xăng và đánh lửa để tiết kiệm nhiên liệu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

**Câu 2.** Đâu là ứng dụng thực tế của máy tính trong lĩnh vực y tế?

**A.** Điều khiển máy chụp cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp vi tính.

**B.** Thực hiện các phần mềm trình chiếu, các khóa học trực tuyến.

**C.** Là công cụ quản lý cơ sở hạ tầng, thực thi Chính phủ điện tử.

**D.** Điều khiển dây chuyền sản xuất tự động trong nhà máy.

**Câu 3.** Đâu không phải là những khả năng của máy tính đã giúp nó có nhiều ứng dụng trong khoa học và thực tế?

**A.** Tính toán, xử lý số liệu nhanh và chính xác.

**B.** Lưu trữ được dữ liệu với kích thước lớn.

**C.** Truyền dữ liệu qua khoảng cách xa với tốc độ và độ chính xác cao.

**D.** Nhận biết những thông số trạng thái của môi trường xung quanh.

**Câu 4.** Công việc của bộ xử lý trong máy tính bỏ túi là gì?

**A.** Hiển thị kết quả.

**B.** Tính toán, xử lý dữ liệu.

**C.** Lưu trữ dữ liệu với kích thước lớn.

**D.** Truyền dữ liệu qua mạng với tốc độ cao.

**Câu 5.** Ý nào không nói về tác động tích cực của công nghệ thông tin đối với giáo dục, khoa học kĩ thuật và đời sống xã hội?

**A.** Đào tạo trực tuyến (E-learning) giúp người học chủ động lựa chọn nội dung, phương thức học tập một cách linh hoạt theo nhu cầu.

**B.** Máy tính hỗ trợ việc thiết kế kiến trúc và máy móc thông qua các phần mềm trợ giúp thiết kế.

**C.** Sự xuất hiện của thương mại điện tử và mua bán trực tuyến đã giúp các giao dịch giữa doanh nghiệp với khách hàng trở nên nhanh chóng, tiện lợi và dễ kiểm soát.

**D.** Liên tục nhìn vào màn hình máy tính trong thời gian dài có thể gây ra bệnh khô mắt và suy giảm thị lực.

**Câu 6.** Thiết bị có gắn bộ xử lý thông tin hiện diện trong hầu hết các lĩnh vực của cuộc sống, thiết bị nào vừa đóng vai trò quan trọng trong giáo dục đào tạo, vừa xuất hiện trong nhiều lĩnh vực khác?

**A.** Máy tính cá nhân (PC). **B.** Máy tính bỏ túi.

**C.** Đồng hồ thông minh. **D.** Điện thoại thông minh.

**Câu 7.** Câu nào dưới đây kể tên đúng các tính chất quan trọng làm nên chất lượng của thông tin?

**A.** Tính có bản quyền, tính phù hợp.

**B.** Tính có bản quyền, tính bảo mật, tính chính xác.

**C.** Tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được.

**D.** Tính chính xác, tính cập nhật, tính bảo mật, tính có bản quyền.

**Câu 8.** Câu nào dưới đây là làm ví dụ về tính mới của thông tin tuyển sinh vào lớp 10?

**A.** Thông tin đọc được trên mạng xã hội.

**B.** Thông tin vừa được một phụ huynh học sinh thông báo.

**C.** Thông tin không trùng lặp với những gì đã biết trước đó.

**D.** Thông tin do Sở giáo dục địa phương gửi đến các trường trung học cơ sở vào thời điểm gần đây nhất.

**Câu 9.** Lớp em tổ chức một buổi chúc mừng sinh nhật một bạn trong lớp, tập thể lớp em đã sử dụng một số thông tin liên quan đến sự kiện này. Hãy chọn dưới đây một ví dụ nói về tính sử dụng được của thông tin.

**A.** Ngày sinh của bạn đó.

**B.** Những quyển sách mà bạn đó đã đọc.

**C.** Những cuộc thi mà bạn đó đã tham gia.

**D.** Quê của bạn được chúc mừng sinh nhật.

**Câu 10.** Câu dưới đây nào đúng khi nói về sự cần thiết phải quan tâm đến chất lượng thông tin trong tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi thông tin để giải quyết vấn đề?

**A.** Thông tin chính xác và đầy đủ là thông tin sử dụng được.

**B.** Cần tìm đầy đủ thông tin để không gây tranh luận trong nhóm giải quyết vấn đề.

**C.** Cần lựa chọn thông tin đã được cập nhật để sử dụng vì những thông tin trước đó có thể đã được đăng ký bản quyền.

**D.** Thông tin không chính xác có thể làm ta hiểu sai vấn đề và không đưa ra được phương án đúng đắn để giải quyết vấn đề.

**Câu 11.** Câu nào dưới đây đúng về tính đầy đủ của thông tin trong quá trình giải quyết vấn đề?

**A.** Đủ sự kiện và số liệu cần thiết.

**B.** Bao gồm nhiều tệp khác nhau.

**C.** Tất cả mọi người xác nhận là đúng.

**D.** Được thu nhận và xử lý bằng máy tính.

**Câu 12.** Giả sử, em muốn tìm mua một quyển truyện để tặng người bạn thân nhân dịp sinh nhật bạn. Trong những ý kiến sau đây, ý kiến nào **sai**?

**A.** Cần biết chính xác ngày sinh của bạn để có thể tặng đúng dịp mừng sinh nhật bạn.

**B.** Mua một quyển truyện em nhìn thấy trong hiệu sách với ảnh ở bìa quyển truyện đó hấp dẫn đối với em.

**C.** Nếu không tìm hiểu nội dung quyển truyện trước khi mua thì quà em tặng bạn có thể không phù hợp với lứa tuổi của bạn.

**D.** Giá của quyển truyện em quan tâm cũng là thông tin cần để em quyết định mua hay không mua.

**Câu 13.** Nút lệnh nào được sử dụng để thiết lập xác thực dữ liệu nhập vào ô tính?

# A. Insert > Time line. B. Formulas > Logical.

C. Data > Data Validation. D. Data > Remove Duplicates.

**Câu 14.** Trong hộp thoại **Data Validation**, nếu cần thiết lập lời thông báo khi dữ liệu nhập vào không thỏa điều kiện xác thực, ta sử dụng thẻ nào sau đây?

# A. Settings. B. Error Alert. C. Input Message. D. Data Validation.

**Câu 15.** Quy tắc viết hàm **IF** là **IF**(<*ĐK*>, <*GT1*>, <*GT2*>). Phát biểu nào sau đây

**không đúng** về các tham số của hàm **IF**?

**A.** *<ĐK*> là một biểu thức so sánh có giá trị hoặc FALSE hoặc TRUE.

**B.** <*GT1*> có thể là một địa chỉ ô tính.

**C.** <*GT2*> có thể là một công thức tính toán.

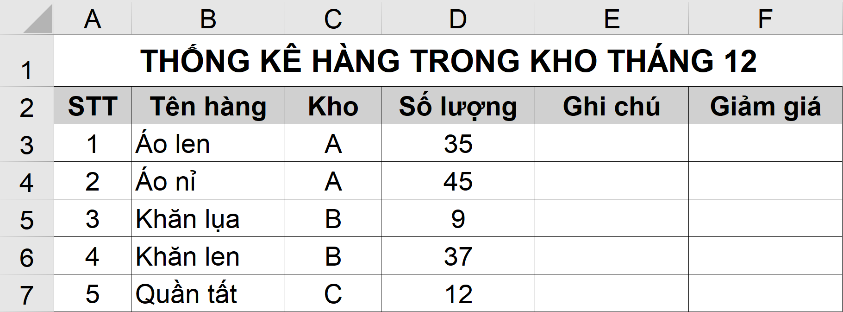
**D.** <*GT1*> và <*GT2*> phải cùng là địa chỉ ô tính hoặc cùng là công thức tính toán.

**Câu 16.** Đâu là quy tắc viết hàm **AVERAGEIF ?**

**A.** IF(<ĐK>, <GT1>, <GT2>) B. COUNTIF(<DL>, <ĐK>)

C. SUMIF(<DL1>, <ĐK>, <DL2>) D. AVERAGEIF(<DL1>, <ĐK>, <DL2>)

# Sử dụng bảng dữ liệu trong Hình 1 để trả lời Câu 17, Câu 18, Câu 19.



*Hình 1. Bảng thống kê hàng trong kho tháng 12*

**Câu 17.** Hàm **AND** nào sau đây viết đúng quy tắc?

# A. C3="A" AND D3>20. B. AND(C3="A", D3>20).

C. AND(C3=A, D3>"20"). D. (C3="A") AND (D3>20).

**Câu 18.** Để điền giá trị cho cột Ghi chú, tình huống nào sau đây chỉ cần sử dụng một hàm điều kiện **IF**?

**A.** Nếu hàng tại kho A thì ghi là “Lưu kho”, nếu hàng tại kho B thì ghi là “Chuyển về A”, còn lại để trống.

**B.** Nếu hàng đang lưu tại kho A và có số lượng trong khoảng từ 30 đến 50 thì ghi là “Lưu kho”, còn lại để trống.

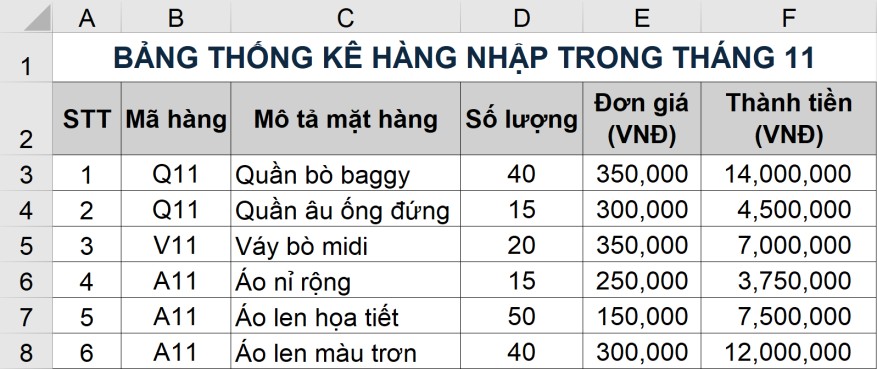
**C.** Nếu số lượng hàng lớn hơn 30 thì ghi là “Xả hàng”, Nếu số lượng hàng từ 20 và nhỏ hơn 30 thì ghi là “Giảm giá”, còn lại để trống.

**D.** Nếu hàng có số lượng hơn 20 và tại kho A thì ghi là “Xả hàng”, nếu hàng có số lượng lớn hơn 30 và tại kho B thì ghi là “Thanh lý”, còn lại để trống.

**Câu 19.** Để biết được số lượng các mặt hàng còn tồn kho trên 30 sản phẩm, ta cần sử dụng hàm thống kê nào sau đây?

# A. MAX. B. SUMIF. C. COUNTIF. D. AVERAGEIF.

Sử dụng bảng dữ liệu trong *Hình 2* để trả lời Câu 20, Câu 21, Câu 22. Trong đó, cột Thành tiền được tính bằng công thức: *Thành tiền* = *Đơn giá* \* *Số lượng*.



*Hình 2. Bảng thống kê hàng nhập tháng 11*

**Câu 20.** Hàm **AVERAGEIF** được sử dụng trong tình huống nào sau đây?

**A.** Tìm đơn giá lớn nhất.

**B.** Tính trung bình cộng đơn giá.

**C.** Tính tổng số lượng của các mặt hàng.

**D.** Tính trung bình cộng đơn giá của các mặt hàng có đơn giá lớn hơn 200 000 đồng.

**Câu 21.** Hàm **SUMIF** nào sau đây viết đúng quy tắc để tính tổng thành tiền cho các mặt hàng có số lượng lớn hơn 30?

# A. SUMIF(F3:F8). B. SUMIF(D3:D8, ">30").

C. SUMIF(D3:D8, ">30", F3:F8). D. SUMIF(F3:F8, "Toán", D3:D8).

**Câu 22.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về xác thực dữ liệu nhập vào bảng tính?

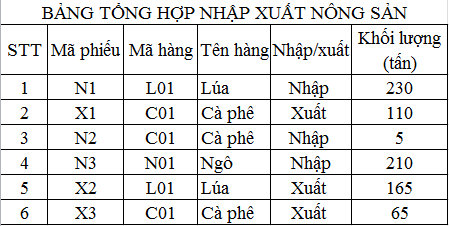
**A.** Khối ô **D3:D8** cần xác thực là kiểu số nguyên dương.

**B.** Khối ô **E3:E8** cần xác thực là kiểu số nguyên dương.

**C.** Khối ô **B3:B8** có thể thiết lập để nhập dữ liệu từ danh sách.

**D.** Khối ô **F3:F8** cần thiết lập để nhập giá trị số nguyên dương.

# Sử dụng bảng dữ liệu trong Hình 4 để trả lời Câu 23, Câu 24, Câu 25



*Hình 4. Bảng tổng hợp nhập xuất nông sản*

**Câu 23**. Công thức nào cho kết quả là tổng khối lượng các đơn vị hàng xuất?

A. SUM(F3:F8) B. SUMIF(F3:F8, “Xuất”)

C. SUMIF(E3:E8, “Xuất”, F3:F8) D. COUNTIF(F3:F8, “Xuất”)

**Câu 24**. Công thức nào cho kết quả là số lượng phiếu nhập?

A. COUNTIF(A3:A8, “Nhập”) B. COUNTIF(E3:E8, “Nhập”)

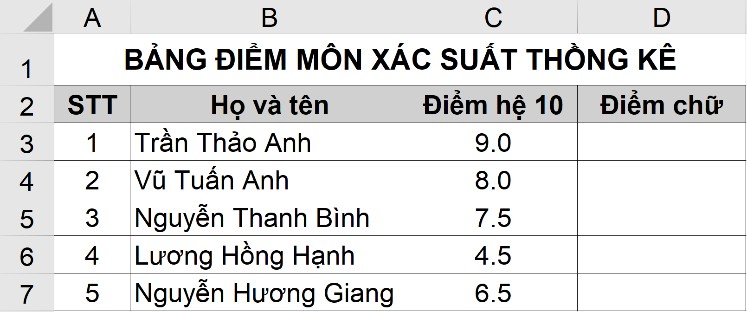
C. SUMIF(E3:E8, “Nhập”) D. COUNTIF(E3:E8, “Nhập”, A3:A8)

**Câu 25.** Công thức nào cho kết quả là trung bình cộng khối lượng các đơn vị hàng Cà phê

A. AVERAGEIF(F3:F8, “Cà phê”) B. AVERAGEIF(D3:D8, “Cà phê”)

C. AVERAGEIF(A3:A8, “Cà phê”) D. AVERAGEIF(D3:D8, “Cà phê”, F3:F8)

# Sử dụng bảng dữ liệu trong Hình 3 để trả lời Câu 26, Câu 27, Câu 28



*Hình 3. Bảng điểm môn Xác suất thống kê*

**Câu 26.** Xác định kết quả của hàm **IF** sau tại ô **D3**: =IF(C3>=8.5, "A", IF(C3>=7,"B", IF(C3>=5.5,"C", IF(C3>=4,"D","F" )))).

**A.** A. **B.** B. **C.** C. **D.** D.

**Câu 27.** Xác định kết quả của hàm thống kê sau: **COUNTIF(C3:C7,">=7.5")**.

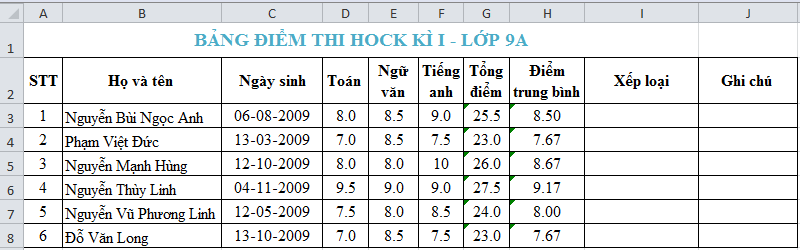
**A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** #VALUE!.

**Câu 28.** Để xác thực dữ liệu nhập vào khối ô **C3:C7** là điểm làm tròn đến một chữ số phần thập phân trong khoảng từ 0 đến 10, thiết lập trong thẻ **Settings** không phù hợp ở phần nào?

**A.** Allow. **B.** Data. **C.** Minimum. **D.** Maximum.

**II/ TỰ LUẬN**

Cho một bảng dữ liệu danh sách điểm thi học kì 1 lớp 9A như *Hình 4*.

****

*Hình 4. Bảng điểm thi học kì 1 lớp 9A*

Thực hiện các yêu cầu sau:

**Câu 29: (1 điểm)** Từ bảng dữ liệu điểm thi học kì 1 như *hình 4* em hãy nêu các bước xác thực dữ liệu cho cột “Ngày sinh”?

**Câu 30: (1 điểm)** Từ bảng dữ liệu điểm thi học kì 1 như *hình 4* em hãy nêu các bước nhập danh sách cho cột “Ghi chú”?

**Câu 31: (1 điểm)** Từ bảng dữ liệu điểm thi học kì 1 như *hình 4* , em có biết cách nào nhanh chóng xếp loại học sinh theo **2** mức “Xuất sắc”, “Giỏi”, dựa trên tổng điểm của từng học sinh?

# III. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **D** | **B** | **D** | **A** | **C** | **D** | **A** | **D** | **A** | **B** | **C** | **B** |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **Đáp án** | D | D | B | B | C | D | C | D | C | B | D | A | **B** | **A** |

\* *Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm*.

**II. TỤ LUẬN (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** |  | **Điểm** |
| **29**  **(1 điểm )** | - Bước 1: Nháy chuột vào nút lệnh Data validation  - Bước 2: Nháy chuột chọn kiểu Date tại danh sách thả xuống Allow  - Bước 3: Chọn kiểu between tại hộp danh sách Data và nhập ngày đầu, ngày cuối tại hai ô cuối. Nhấn nút OK | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,5 điểm** |
| **30**  **(1 điểm)** | - Bước 1: Tạo danh sách tại ô K3:K6  - Bước 2: Chọn khối ô cần nhập danh sách J3:J8  - Bước 3: Mở hộp thoại Data validation tại Allow chọn List, tại Source chọn K3:K6 nhấn enter cuối cùng nhấn OK | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,5 điểm** |
| **31**  **(1 điểm)** | - Tại Ô I3 nhập công thức =IF(G3>=27, “Xuất sắc”, IF(G3>=24, “Giỏi”, “---”))  - Sao chép công thức từ I3 đến I8 | **0,5 điểm**  **0,5 điểm** |

**Ký duyệt: / 1 /202**

**Nguyễn Đăng Định**